

Số: 168 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Chương trình lập pháp năm 2026, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là “Dự án Luật”) đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 66/TTr-CP ngày 06/3/2026. Trên cơ sở tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Thông báo Kết luận số 572/TB-VPQH ngày 25/3/2026), ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại (UBQPANĐN), Chính phủ đã hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và trình Quốc hội như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng pháp luật nhằm “*nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước*”. Đồng thời, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp; xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia pháp lý nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ nghiên cứu, tư vấn các vấn đề mới trong phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới chỉ rõ yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm từ xa. Nghị quyết cũng đề ra các nhiệm vụ về hội nhập trên nhiều lĩnh vực khác nhau như thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, khoa học công nghệ số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, hydrogen, giảm phát thải các-bon, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, không gian vũ trụ, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác. Nghị quyết đặt ra nhiệm vụ tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng, thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xác định nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu *"tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nhất là: Hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; ... tư pháp, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đối ngoại và hội nhập quốc tế."*

- Thể chế hóa quan điểm *"thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương; giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm"*; *"đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương"* tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại đã quy định về phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam ở nước ngoài tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2017.

- Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ quy định:

“1. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, để bảo đảm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thống nhất áp dụng, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân yêu cầu tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: *“Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”.*

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam nêu rõ nhiệm vụ *“Phát huy vai trò cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong quảng bá nền văn hoá dân tộc”.*

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 26/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nêu nhiệm vụ *“Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.”*

- Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới” xác định rõ nhiệm vụ “*Chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển quan hệ đối tác đối ngoại nhân dân, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả trong các lĩnh vực*”.

- Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế đặt ra nhiệm vụ “*thúc đẩy các đối tác thực hiện đầy đủ, thiện chí và hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó củng cố quan hệ hợp tác*”.

- Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ các nhiệm vụ: *Phát triển hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; Triển khai cơ chế điều chuyển biên chế linh hoạt giữa các cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, theo hướng dành ưu tiên biên chế cho cán bộ đối ngoại, tăng cường thuê nhân viên lao động sở tại, phát huy nguồn lực của đội ngũ phu nhân/phu quân ngoại giao trên cơ sở bảo đảm an ninh chính trị nội bộ và bảo vệ bí mật nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác, tiết kiệm ngân sách; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại của các bộ, cơ quan ở trung ương và địa phương đủ năng lực, điều kiện, tiêu chuẩn làm việc trong môi trường quốc tế; Nghiên cứu đề xuất xây dựng và hoàn thiện một số cơ chế đặc thù về tài chính, tài sản, đầu tư công bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho ngành Ngoại giao thực hiện hiệu quả, thắng lợi các nhiệm vụ đối ngoại, đặc biệt là ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngân sách cho một số hoạt động đối ngoại đặc thù tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đồng bộ, hiện đại, tương xứng với thế và lực của đất nước. Nghiên cứu, kiến nghị cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành về mua sắm, bán bất động sản, xây mới trụ sở cơ quan đại diện phù hợp với tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao; Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu; đề xuất cải thiện chế độ tiền lương, sinh hoạt phí và chính sách đãi ngộ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành Ngoại giao; Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về định hướng sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, quản lý tập trung, thống nhất cơ quan đại diện và hoạt động đối ngoại, tăng thời gian nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác tại địa bàn.*

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 nêu rõ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026 và dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc

hội khóa XVI (tháng 4/2026).

- Một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành có quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện như Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023 và năm 2025), Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019 và 2023), Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Luật CQĐD”) được Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2009, có hiệu lực từ ngày 02/9/2009, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Luật CQĐD ra đời đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức bộ máy và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các CQĐD (bao gồm Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán và Phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ). Luật là cơ sở để thực hiện thống nhất quản lý đối ngoại, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Việt Nam tại quốc gia, tổ chức tiếp nhận, phát huy tối đa nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Kể từ sau khi Luật CQĐD và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD có hiệu lực đến nay, Bộ Ngoại giao đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết thành lập 08 CQĐD tại nước ngoài¹. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, trên cơ sở rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động của các CQĐD cũng như yêu cầu đối ngoại của đất nước, Bộ Ngoại giao đã trình và được Chính phủ đồng ý chấm dứt hoạt động của 04 CQĐD tại Li-bi, I-rắc, U-dơ-bê-kít-xtan và Pa-na-ma. Việc thành lập và chấm dứt hoạt động của các CQĐD nêu trên đều được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền của cấp ra quyết định quy định tại Luật CQĐD, bảo đảm hiệu lực pháp lý.

Tính đến tháng 10/2025, mạng lưới CQĐD được thành lập và duy trì tại 71 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm 99 CQĐD (trong đó có 70 Đại sứ quán, 24 Tổng Lãnh sự quán, 4 Phái đoàn đại diện thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế và 01 Văn phòng) với tổng số 1.068 chỉ tiêu biên chế được giao (không bao gồm biên chế công an, quốc phòng).

Nhìn chung, hệ thống CQĐD được xây dựng và phân bổ đều khắp tại các khu vực trên thế giới, phù hợp với tầm quan trọng và mức độ hợp tác trên các lĩnh vực với quốc gia, tổ chức quốc tế². Tại các quốc gia đã thiết lập quan hệ

¹ Đại sứ quán Việt Nam tại Ai-len, Đại sứ quán Việt Nam tại Bồ Đào Nha, Đại sứ quán Việt Nam tại Ti-mo Lét-xte, Đại sứ quán Việt Nam tại Xri Lan-ca, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Bu-san (Hàn Quốc), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Pót (Ô-xtrây-li-a), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Trùng Khánh (Trung Quốc), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Van-cu-vơ (Ca-na-đa).

² Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: 42 CQĐD, khu vực Châu Âu: 30 CQĐD, khu vực Trung Đông -

ngoại giao nhưng chưa thành lập CQDD, Bộ Ngoại giao kiến nghị Chính phủ cho phép thực hiện cơ chế CQDD kiêm nhiệm tại các quốc gia khác nhằm bảo đảm duy trì và phát triển quan hệ với các nước, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục, văn hoá - thể thao - du lịch, yêu cầu bảo hộ công dân, pháp nhân của Việt Nam tại các quốc gia này.

Bên cạnh các CQDD, nhiều địa bàn có đại diện của các cơ quan Việt Nam khác như các cơ quan thông tấn báo chí Việt Nam ở nước ngoài (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Thanh niên...), Văn phòng Đại diện hàng không Việt Nam, một số văn phòng đại diện của các bộ ngành ở nước ngoài có kinh phí và trụ sở riêng.

Trên cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật, các CQDD đã phát huy hiệu quả vai trò của mình trên tất cả các lĩnh vực được giao, cụ thể:

Về thúc đẩy quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, CQDD đã phát huy tinh thần “bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa”, nắm bắt nhanh, cơ bản đánh giá đúng, báo cáo kịp thời những diễn biến mới của tình hình quốc tế; tham mưu và trực tiếp triển khai các biện pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo bước chuyển tích cực trong quan hệ với nhiều đối tác, nhất là các đối tác chủ chốt; góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến biên giới, lãnh thổ; qua đó góp phần tích cực trong việc tạo dựng và duy trì cục diện đối ngoại rộng mở, thuận lợi cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

Về thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, CQDD đã góp phần tích cực thúc đẩy, làm sâu sắc hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư với các đối tác, thu hút hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, đóng góp vào các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội ấn tượng và duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam ngay cả trong những thời điểm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn.

Về đẩy mạnh quan hệ văn hóa, CQDD đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt các đề án lớn, chiến lược quốc gia trong lĩnh vực văn hóa³, qua đó thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và đối tác; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các quốc gia và nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Về thống nhất quản lý đối ngoại, CQDD bảo đảm thực hiện thống nhất

Châu Phi: 15 CQDD, khu vực Châu Mỹ: 12 CQDD.

³ Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài”, Chiến lược phát triển văn hóa, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, Chiến lược văn hóa đối ngoại, Chiến lược Ngoại giao văn hóa, Chiến lược thông tin đối ngoại...

chính sách đối ngoại đối với đại diện cơ quan, tổ chức Việt Nam tại các quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thống nhất quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; tổng kết, đánh giá hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; kiến nghị biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam được thực hiện thống nhất ở nước ngoài. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, phối hợp của CQĐD với các cơ quan Việt Nam khác trên cùng địa bàn cũng được thực hiện nghiêm túc theo tinh thần của Luật CQĐD.

Về thực hiện nhiệm vụ lãnh sự, Luật CQĐD đã kế thừa những nội dung và giá trị cốt lõi của Pháp lệnh lãnh sự ngày 13/11/1990, nội luật hóa các quy định của Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự. Trong quá trình triển khai Luật, các CQĐD thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ lãnh sự. Công tác lãnh sự tại các CQĐD thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng thể hiện tinh thần và nỗ lực đổi mới, cải thiện chất lượng công tác lãnh sự của các CQĐD, trong đó có việc kiện toàn tổ chức, nhân sự liên quan đến công tác lãnh sự, đề cao tinh thần phục vụ người dân, nâng cao chất lượng phục vụ.

Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) được các CQĐD triển khai toàn diện, hiệu quả tạo nhiều chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trên mọi mặt theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới và đạt được nhiều kết quả, góp phần xây dựng cộng đồng NVNONN đoàn kết, vững mạnh, hội nhập vào xã hội sở tại, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa NVNONN với quê hương, đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về quản lý cơ sở vật chất của CQĐD, Bộ Ngoại giao và các CQĐD tổ chức, thực hiện việc quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất, cơ sở vật chất theo đúng quy định tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP. Việc sắp xếp, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới trụ sở, nhà ở của CQĐD tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đấu thầu có liên quan tại từng thời kỳ, thực hiện theo thứ tự ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia tiếp nhận, pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Luật CQĐD cũng bộc lộ một số khó khăn, bất cập như sau:

Thứ nhất, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của CQĐD:

- Về chức năng, nhiệm vụ của CQĐD, như đã nêu trên, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thông tin truyền thông, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu. Luật hiện hành tập trung các nội dung hợp tác truyền thống (chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục - đào tạo, du lịch), chưa điều chỉnh theo tình hình quốc tế đối với các vấn đề của thời đại. Trên thực tế, các CQĐD đóng vai trò là đầu mối kết nối và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động về xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối doanh nghiệp, chuyển đổi số và thử nghiệm các sáng kiến đổi mới sáng tạo... Đồng thời, do Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế đặt ra nhiệm vụ *“thúc đẩy các đối tác thực hiện đầy đủ, thiện chí và hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó củng cố quan hệ hợp tác”*, các CQĐD cũng cần góp phần thực hiện nhiệm vụ này. Do đó, cần cập nhật những chức năng, nhiệm vụ mới cho CQĐD.

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Cơ chế phối hợp công tác giữa CQĐD và các bộ, ngành, địa phương còn tình trạng chưa thông suốt, thiếu chủ động và còn phụ thuộc do Luật chưa quy định rõ mối quan hệ giữa các Bộ, ngành, địa phương với CQĐD. Nghị quyết số 250/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thí điểm thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài, tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể tại Luật CQĐD về việc quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại của CQĐD với địa phương. Luật CQĐD quy định các cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của CQĐD (Điều 33). Thực tế có trường hợp các bộ chuyên ngành đề nghị Đại sứ thay mặt tham dự các hoạt động của tổ chức quốc tế trong lĩnh vực chuyên ngành mà Bộ đó phụ trách. Luật không quy định bộ chuyên ngành có thể trực tiếp đề nghị CQĐD dự thay hay phải thông qua Bộ Ngoại giao chỉ đạo CQĐD dẫn đến thực tiễn triển khai không thống nhất. Thực tế vẫn xảy ra trường hợp các đoàn công tác trong nước không thông báo cho CQĐD khi đến địa bàn; yêu cầu phối hợp thu xếp đoàn đến sở tại gấp, thu xếp hoạt động không thông qua đầu mối chính thức (doanh nghiệp sở tại, công ty du lịch), chỉ đề nghị CQĐD hỗ trợ khi không bố trí được làm việc với chính quyền sở tại, thời gian phối hợp giải quyết công việc, xác minh thông tin vượt quá quy định ... gây khó khăn cho xử lý công việc và phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại của CQĐD. (ii) Cơ chế phối hợp giữa các CQĐD trên cùng một địa bàn chưa rõ ràng dẫn đến nguy cơ chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ. (iii) Chưa có quy định về cơ chế

phối hợp, thông tin, báo cáo giữa Trường CQĐD và người đứng đầu các cơ quan Việt Nam khác tại nước ngoài.

- Luật hiện hành chưa có quy định về ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của CQĐD nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính. Hiện chưa có hệ thống dữ liệu dùng chung giữa Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương và CQĐD.

- Thời gian qua có một số CQĐD phát sinh nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, Luật CQĐD và Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 không quy định việc ký thỏa thuận hợp tác của CQĐD. CQĐD khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình được tiếp xúc, trao đổi và có thể ký kết các văn bản hợp tác đơn giản, không mang tính ràng buộc nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn phụ trách, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trên thực tế, các CQĐD nước ngoài tại Việt Nam đã ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan, địa phương Việt Nam⁴. Các thỏa thuận hợp tác này nhìn chung đều được thực hiện thực chất, có tính thực tiễn cao và mang lại hiệu quả.

- Khoản 1 Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước quy định: *“Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh”*. Các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoạt động ở nước ngoài, sử dụng chủ yếu đồng tiền nước sở tại (đồng địa phương) hoặc đồng đô-la Mỹ để chi tiêu. Đồng thời, các văn bản chế độ liên quan đến Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài như: (i) Nghị định số 08/2019/NĐ-CP và Nghị định số 51/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định *chế độ, chính sách đối với thành viên Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được chi trả bằng đô la Mỹ*; (ii) Nghị định 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định *định mức mua sắm, trang bị bằng đồng đô-la Mỹ*; (iii) Thông tư 264/2016/TT-BTC và Thông tư 113/2021/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cũng xây dựng *định mức thu phí, lệ phí bằng đồng tiền đô-la Mỹ*. Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có các quy định riêng về sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán; đồng tiền hạch toán, sử dụng tỷ giá trong pháp luật về kế toán chưa tính đến đặc thù hoạt động của CQĐD.

Thứ hai, liên quan đến công tác lãnh sự:

- Về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc

⁴ Ví dụ như: Kế hoạch hợp tác năm 2025 – 2026 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam ký ngày 26/5/2025, Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Đại sứ quán Ấn Độ về việc Ấn Độ tài trợ thực hiện dự án hiệu quả nhanh tại tỉnh Quảng Trị ký ngày 25/8/2020; Thỏa thuận hợp tác giữa Thành phố Đà Nẵng và Đại sứ quán Ai-xơ-len tại Hà Nội ký ngày 03/3/2017.

quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh sự danh dự (LSDD) Việt Nam ở nước ngoài: Trước khi Luật CQĐD được ban hành, hoạt động của LSDD Việt Nam ở nước ngoài được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990. Theo khoản 3 Điều 15 Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã ký Quyết định số 06/NG-QĐ ban hành Quy chế về LSDD Việt Nam năm 1994, trong đó quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

Năm 2009, Luật CQĐD được ban hành, thay thế Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, trong đó quy định “thủ tục bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của LSDD Việt Nam được thực hiện theo quy định liên quan” (Khoản 2 Điều 28) và quy định trách nhiệm bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với LSDD của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Khoản 7 Điều 32). Tuy nhiên, Luật không quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đối với việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

- Luật CQĐD chưa có quy định về việc cơ quan nào có thẩm quyền quyết định xác lập/mở rộng/thu hẹp khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện Lãnh sự. Thời gian vừa qua, khi xử lý thành lập cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại Busan, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết để điều chỉnh khu vực lãnh sự.

Thứ ba, liên quan đến chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân, tuy đã được cải thiện song chế độ đãi ngộ, phụ cấp dành cho thành viên CQĐD còn thấp so với mặt bằng chung, chưa đáp ứng được mức sinh hoạt tại sở tại, đặc biệt là tại các địa bàn có chi phí sinh hoạt, chi số tiêu dùng, mức độ lạm phát cao. Mức hỗ trợ học phí, bảo hiểm hiện tại tuy đã được cải thiện song vẫn còn ở mức rất thấp so với thực tế tại nhiều địa bàn. Mức bảo hiểm y tế được Nhà nước hỗ trợ hiện ở mức rất thấp so với mặt bằng chung tại nhiều nước nên bị hạn chế về loại bệnh và dịch vụ, tạo gánh nặng và áp lực tài chính cho cán bộ, nhân viên và người thân khi công tác tại địa bàn. Đối với con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD, mức hỗ trợ học phí hiện tại chưa tương xứng với mặt bằng chung tại đa số các địa bàn, đặc biệt ở các nước phát triển hoặc địa bàn tiếng hiếm, trẻ em phải chuyển sang học trường quốc tế/tư thục để được học ngoại ngữ thông dụng với mức chi phí cao. Con chưa thành niên là đối tượng phụ thuộc, phần lớn phải đi theo bố mẹ đi công tác nhiệm kỳ. Mặc dù chế độ học phí, bảo hiểm đối với con chưa thành niên đã được cải thiện nhưng việc trang trải tiền vé máy bay, cân cước nhiệm kỳ cho con chưa thành niên phần nào tạo áp lực tài chính đối với thành viên CQĐD.

Ngoài ra, một số địa bàn tại Châu Phi có diễn biến tình hình dịch bệnh nghiêm trọng, năng lực y tế tại sở tại không đáp ứng nên việc chữa bệnh gặp

nhiều khó khăn và rất tốn kém; nhiều trường hợp phải về nước hoặc sang nước thứ ba chữa bệnh; một số địa bàn quy mô CQĐD nhỏ, biên chế mỏng nhưng kiêm nhiệm nhiều địa bàn. Tuy nhiên, chưa có chế độ đặc thù đối với thành viên CQĐD tại các địa bàn này.

Thứ tư, một số quy định tại Luật hiện hành chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành, ví dụ khoản 4 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp giấy thông hành và các giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023 hiện quy định về việc cấp giấy thông hành tại CQĐD đã bị bãi bỏ và thay thế bằng việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn. Khoản 5 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, hủy bỏ thị thực và giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023 không còn quy định về “bổ sung thị thực”.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD là cần thiết nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật và thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước nêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của CQĐD *đáp ứng các yêu cầu mới của tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, tăng cường tính chuyên nghiệp trong hoạt động của cơ quan đại diện, đáp ứng yêu cầu về chủ trương đầy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần xây dựng nền ngoại giao hiện đại, thể hiện vị trí của công tác đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.*

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đối ngoại, đặc biệt là chủ trương hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để

phát triển; về nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Đồng thời, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tại 07 Nghị quyết được ban hành trong thời gian gần đây - tiền đề, cơ sở chính trị, pháp lý đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước trong giai đoạn mới với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số và thực hiện thành công hai mục tiêu 100 năm.

b) Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các quy định pháp luật liên quan.

c) Tăng cường cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại theo tinh thần các Nghị quyết, Kết luận của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; đơn giản hóa trình tự, thủ tục theo thực tế, bảo đảm tính hợp lý, khả thi, linh hoạt, chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

d) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Nghiên cứu kế thừa các quy định còn phù hợp và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật CQDD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

e) Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật được xây dựng đảm bảo các yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

1. Tổng kết thi hành Luật CQDD.

2. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQDD, với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan (Quyết định số 4311/QĐ-BNG ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao).

3. Tiến hành rà soát, đánh giá tính tương thích giữa quy định của Luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, nghiên cứu kinh nghiệm một số nước; đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân

cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật.

4. Tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, các hội thảo, tọa đàm, cuộc họp với sự tham gia của các chuyên gia trong nước, các cơ quan, tổ chức liên quan về nội dung của dự án Luật.

5. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành, các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức liên quan; đăng tải hồ sơ Dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao, Cổng Pháp luật quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

6. Gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để thẩm định, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

7. Trình Chính phủ cho ý kiến tại Tờ trình số 597/TTr-BNG ngày 28/01/2026.

8. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 05/3/2026 về Phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2026, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 66/TTr-CP ngày 06/3/2026 trình Quốc hội dự án Luật.

9. Ngày 17/3/2026, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại đã có Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 1724/BC-UBQPANĐN về dự án Luật. Ngày 25/3/2026, Văn phòng Quốc hội đã ban hành văn bản số 572/TB-VPQH thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật.

10. Trên cơ sở ý kiến thẩm tra sơ bộ của Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của CQĐD nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và quản lý nhà nước đối với CQĐD.

Luật được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của Dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 02 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm 16 khoản.

Điều 2. Điều khoản thi hành, gồm 02 khoản: khoản 1 quy định về ngày hiệu lực và khoản 2 quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15).

3. Nội dung cơ bản của Dự thảo Luật

a) Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại của CQĐD

- Mở rộng phạm vi chức năng, nhiệm vụ của CQĐD đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: Dự thảo Luật bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các CQĐD bao gồm công tác đối ngoại và các lĩnh vực hợp tác mới chưa được thể chế hóa trong Luật, công tác xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận, thúc đẩy giao lưu nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; bổ sung nhiệm vụ của CQĐD trong việc dự báo để ứng phó với tình hình thực tế, các chính sách kinh tế thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam; làm rõ hơn chức năng bảo hộ công dân và cơ chế ứng phó trong tình huống khẩn cấp để đảm bảo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”⁵ (thể hiện tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế: Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng, và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định (thể hiện tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật).

- Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, chỉnh sửa chức năng của CQĐD theo hướng khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt (thể hiện tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật). Bảo tồn tiếng Việt được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo Chỉ thị 45-CT/TW (2015) và Kết luận 12-KL/TW (2021) của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ chế phối hợp công tác giữa các cơ quan này và CQĐD; (ii) Bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác của các cơ quan bên cạnh CQĐD, các bộ phận cán bộ biệt

⁵ Tiếp thu ý kiến của đại biểu tại Phiên họp thứ 55 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật.

phải trực thuộc CQĐD về các lĩnh vực phụ trách (*thể hiện tại các khoản 5, 14 và 15 Điều 1 dự thảo Luật*) để giải quyết khó khăn, vướng mắc nêu tại trang 8 Tờ trình về cơ chế phối hợp thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại. Đối với khó khăn vướng mắc về cơ chế phối hợp giữa các CQĐD trên cùng một địa bàn, dự kiến Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan này, trong đó phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi độc lập của từng CQĐD, quy định đầu mối chủ trì, cơ chế báo cáo và trách nhiệm cụ thể, bảo đảm phát huy tối đa vai trò chủ động, sáng kiến của từng CQĐD. Tuy nhiên, việc này thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nên không được thể hiện tại dự thảo Luật. Bộ Ngoại giao đang khẩn trương xây dựng Quy chế này, dự kiến có hiệu lực đồng thời với ngày có hiệu lực của Luật.

- Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của CQĐD: (i) bổ sung chức năng phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước của CQĐD; (ii) bổ sung quy định CQĐD tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của CQĐD phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại; (iii) bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQĐD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐD và quản lý, vận hành CQĐD theo quy định của pháp luật (*thể hiện tại khoản 2, khoản 6 và điểm b khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật*).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh phí của CQĐD: (i) Bổ sung quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán tại các CQĐD được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng địa phương quy đổi ra đồng Việt Nam; (ii) Sửa đổi quy định về kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại⁶; (iii) Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước⁷

⁶ Dự thảo Luật sửa cụm từ “đầu tư xây dựng cơ bản” thành “chi đầu tư phát triển” để đúng tên nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, đồng thời bổ sung quy định kinh phí chi đầu tư phát triển của bộ phận biệt phái do cơ quan có cán bộ biệt phái thực hiện phân bổ để phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 8, Nghị quyết số 250/2025/QH15 (người quyết định đầu tư có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục các công việc tại giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài). Đây cũng là đề xuất của Bộ Công Thương trong quá trình góp ý dự thảo Luật.

⁷ Hiện nay, việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ quan đại diện chủ yếu thực hiện theo quy định tại Nghị định 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại; Thông tư 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, 02 văn bản nêu trên không quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài

(thể hiện tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo hướng mở rộng đối tượng được bổ nhiệm, theo đó cần có thời gian giữ chức vụ Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên; hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ (thể hiện tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật).

Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định nhiệm vụ “*Phát triển hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; phấn đấu đến năm 2030 có mạng lưới khoảng 115 cơ quan đại diện, tầm nhìn đến năm 2045 có khoảng 150 cơ quan đại diện Việt Nam trên toàn thế giới*”. Để có thể hoàn thành nhiệm vụ này, Bộ Ngoại giao cần xây dựng kế hoạch, lộ trình và phương án thực hiện bài bản, khoa học, lớp lang, trong đó, phương án về nguồn nhân lực được xác định là quan trọng nhất để bảo đảm hiệu quả hoạt động của các CQĐD, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với định hướng xây dựng đội ngũ chuyên gia của Đảng (Quy định 180-QĐ/TW ngày 11/7/2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp) và Nhà nước (Nghị quyết số 250/2025/QH15, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều về cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 250/2025/QH15), người được xác định là chuyên gia về đối ngoại và hội nhập quốc tế là những người có năng lực, trình độ, kiến thức và kinh nghiệm nổi trội, đủ khả năng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu CQĐD. Chuyên gia về hội nhập quốc tế có thể là công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao hoặc của các bộ, ngành khác, được công nhận theo trình tự, thủ tục được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định các tiêu chí chuyên gia trong lĩnh

sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD.

Trong nước, quy trình, thủ tục thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; Nghị định 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác; Thông tư 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công. Trong đó: (i) Khoản 4 Điều 3 Luật Đấu thầu quy định “Việc lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài để thực hiện gói thầu ở nước ngoài của CQĐD Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về CQĐD nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài”; (ii) Nghị định 98/2025/NĐ-CP không điều chỉnh đối với nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ và các nhiệm vụ cần thiết khác đối với CQĐD; (iii) CQĐD không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 65/2021/TT-BTC.

Ngoài ra, việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định tại Nghị định 98/2025/NĐ-CP và Thông tư 65/2021/TT-BTC đều dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại các văn bản phù hợp với các đơn vị trong nước như Luật Đấu thầu.

Nghị định 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ chỉ quy định việc lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư xây dựng của CQĐD, không quy định lựa chọn nhà thầu đối với chi thường xuyên.

vực đối ngoại và hội nhập quốc tế sẽ cho phép mở rộng cơ hội đối với những người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhưng có kinh nghiệm dày dặn, hiểu biết sâu sắc về đối ngoại, hội nhập quốc tế; góp phần tận dụng, khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao về đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là khi Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 250/2025/QH15 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ cao, chuyên sâu phục vụ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặt khác, để được xem xét, tiến cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, chuyên gia về đối ngoại và hội nhập quốc tế đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn khác đang được quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật CQDD, bao gồm: “Có trình độ đại học trở lên; có trình độ lý luận chính trị cử nhân hoặc cao cấp; đã được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ đối ngoại; sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu công tác; Nắm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại;...”. Khi đáp ứng được các tiêu chuẩn nêu trên, chuyên gia về đối ngoại và hội nhập quốc tế hoàn toàn đủ điều kiện về năng lực và phẩm chất để được giới thiệu, tiến cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

Theo Pháp lệnh về hàm, cấp ngoại giao năm 1995 và Quy chế phong hàm năm 2018 của Bộ Ngoại giao, người được phong hàm ngoại giao Tham tán phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tương đối cao về năng lực, trình độ, kinh nghiệm, thâm niên công tác, như: có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm công tác, quản lý trong lĩnh vực đối ngoại; tâm huyết, có trách nhiệm với công việc; tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định, nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng. Người được phong hàm Tham tán phải có thời gian giữ chức Phó Vụ trưởng và tương đương ít nhất 02 năm hoặc giữ chức vụ quản lý cấp Phòng và tương đương ít nhất 3 năm. Đối với người không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, phải là chuyên viên chính bậc 3/8 và có thâm niên công tác trong ngành Ngoại giao tối thiểu 08 năm... Với các tiêu chuẩn nêu trên, nhiều người được phong hàm ngoại giao Tham tán hoàn toàn đủ điều kiện để được xem xét, tiến cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nếu không bị hạn chế quy định về việc phải là lãnh đạo, quản lý cấp Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên.

Việc mở rộng đối tượng bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền sẽ góp phần tận dụng, khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao về đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là khi Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số

250/2025/QH15⁸ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ cao, chuyên sâu phục vụ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

b) **Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong công tác quản lý CQĐD**

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc: (i) quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền⁹; (ii) chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết¹⁰; (iii) quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài¹¹; (iv) ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện (*thể hiện tại khoản 13 Điều 1 dự thảo Luật*).

- Bổ sung, làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD, theo đó, căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các CQĐD, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. Đồng thời, bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện. Quy định này để cụ thể hóa Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 4/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 7, Điều 1 Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống CQĐD nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2020 và tầm nhìn đến

⁸ Nghị quyết ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

⁹ Quy định này nhằm luật hóa quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại. Từ khi Nghị định 134 có hiệu lực, Bộ Ngoại giao đã thực hiện thủ tục kéo dài nhiệm kỳ đối với 08 trường hợp Đại sứ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này (tại các địa bàn: Ru-ma-ni, I-ta-li-a, Ấn Độ, Ca-đắc-xtan, I-xra-en, Thụy Sĩ, Ai Cập, Bỉ) trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm đúng quy trình, thẩm quyền, tuân thủ quy định của pháp luật về lao động.

Việc áp dụng Điều 12 Nghị định 134 đến nay không phát sinh vướng mắc, giúp giảm thời gian xử lý, giảm thủ tục hành chính, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đóng góp cho hiệu quả hoạt động đối ngoại, tranh thủ được kinh nghiệm, đóng góp của các Đại sứ liên quan cho những sự kiện đối ngoại lớn tại địa bàn.

¹⁰ Quy định này nhằm tăng tính chủ động cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc quản lý CQĐD hoặc xử lý vấn đề đối ngoại, theo đó, trong trường hợp cần thiết, việc yêu cầu người đứng đầu CQĐD về nước được xử lý nhanh chóng, kịp thời. Sau đó, nếu cần thiết, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu CQĐD.

¹¹ Luật CQĐD chưa có quy định về việc cơ quan nào có thẩm quyền quyết định xác lập/mở rộng/thu hẹp khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện Lãnh sự. Thời gian vừa qua, khi xử lý thành lập cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại Busan, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết để điều chỉnh khu vực lãnh sự.

năm 2030 (thể hiện tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định thẩm quyền của CQDD trong việc ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ để phục vụ triển khai công tác đối ngoại tại địa bàn (thể hiện tại điểm a khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật). Văn bản hợp tác này không phải là thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020. Sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sẽ ban hành Thông tư quy định cụ thể về phạm vi, nguyên tắc, quy trình ký kết và thực hiện loại văn bản hợp tác này.

c) Chế độ, chính sách đối với thành viên CQDD và thân nhân

- Bổ sung chế độ phụ cấp dịch bệnh đối với một số địa bàn; đối với một số dịch bệnh nguy hiểm, có chính sách hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí điều trị nước thứ ba¹²; thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với một số địa bàn kiêm nhiệm¹³ (thể hiện tại điểm a và điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật).

- Cho phép con chưa thành niên đi theo thành viên CQDD được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở và chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh; được hưởng chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên CQDD (thể hiện tại điểm c khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật).

Các quy định này nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 1035/NQ-UBTVQH15 ngày 08/4/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đó cần “Nghiên cứu chế độ, chính sách gắn với hàm, cấp ngoại giao đối với cán bộ ngoại giao trong nước; chính sách đối với thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đáp ứng yêu cầu đối ngoại, cân đối với mặt bằng chung của khu vực ASEAN”. Theo tìm hiểu của Bộ Ngoại giao, các nước ASEAN có quy định bảo đảm chi phí đi lại, chi phí học tập, khám chữa bệnh dành cho con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện nhằm động viên cán bộ yên tâm công tác. Đồng thời, các quy định này cũng để giải quyết khó khăn, vướng mắc nêu tại trang 9, trang 10 Tờ trình.

d) Một số nội dung khác nhằm khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành và một số nội dung cần quy định rõ hơn tại Luật

- Bỏ quy định về việc cấp giấy thông hành của CQDD để phù hợp với quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019,

¹² Bảo hiểm y tế được mua cho thành viên CQDD hiện tại chưa hỗ trợ các chi phí này.

¹³ Về phụ cấp kiêm nhiệm, Nghị định số 08/2019/NĐ-CP có quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, song chế độ phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn chỉ áp dụng đối với Đại sứ, Người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền giao kiêm nhiệm công tác tại nước khác hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác. Các thành viên CQDD khác phụ trách các công việc liên quan đến địa bàn kiêm nhiệm không được hưởng chế độ này.

sửa đổi năm 2023; bỏ quy định về việc bổ sung thị thực của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023; thay cụm từ “*ủy thác tư pháp*” bằng quy định “*Thực hiện một số nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự, dân độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”¹⁴ do các văn bản pháp luật chuyên ngành không còn sử dụng cụm từ này (thể hiện tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định làm rõ Luật này không quy định về LSDD và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu để tránh việc hiểu nhầm Lãnh sự danh sự là thành viên CQĐD và được hưởng các quyền, nghĩa vụ như thành viên CQĐD. Việc thành lập, hoạt động của Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu; việc bổ nhiệm, hoạt động của LSDD thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (thể hiện tại khoản 1 và khoản 16 Điều 1 dự thảo Luật).

- Bỏ từ “*thanh tra*” trong “*thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và ... theo quy định của pháp luật*” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP (thể hiện tại điểm e khoản 13 Điều 1 dự thảo Luật).

đ) Về điều khoản thi hành

Điều 2 dự thảo Luật quy định về ngày có hiệu lực của Luật và quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15) theo hướng bổ sung thêm đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao là người giữ chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật CQĐD do dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 18 Luật CQĐD hiện hành theo hướng bổ sung quy định về chức vụ ngoại giao đặc thù.

Với các nội dung cơ bản nêu trên, dự thảo Luật đảm bảo đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

4. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện; nội dung bổ sung; nội dung lược bỏ; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp

a) Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về chức năng của CQĐD theo hướng bao quát các lĩnh vực hợp tác mới, công tác xây dựng và thi hành pháp luật, giao

¹⁴ Ví dụ như nhiệm vụ tổng đạt văn bản ủy thác tư pháp cho công dân Việt Nam ở nước ngoài, chuyển yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài của Bộ Công an đến cơ quan có thẩm quyền của nước nhận...

lưu nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế, chủ động dự báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ chế phối hợp công tác giữa các cơ quan này và CQĐD theo hướng quy định cụ thể hơn về cơ chế báo cáo, việc phối hợp công tác về chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ quan này tại quốc gia tiếp nhận và thực hiện thống nhất quản lý đối ngoại của CQĐD.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định chức năng của CQĐD trong công tác về người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng bổ sung chức năng khuyến khích thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định chức năng của CQĐD trong công tác bảo hộ công dân và cơ chế ứng phó trong tình huống khẩn cấp để đảm bảo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Làm rõ nội dung về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD theo hướng căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của CQĐD. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.

- Hoàn thiện quy định về kinh phí của CQĐD theo hướng quy định cụ thể Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách đối với con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD theo hướng được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở, hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh và chế độ vé máy bay tương tự như đối với phu nhân/phụ quân thành viên CQĐD, trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại Việt Nam hoặc nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới CQĐD.

- Hoàn thiện quy định về chức vụ ngoại giao theo hướng bổ sung một số chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD bao gồm Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định. Trên cơ sở đó, Bộ Ngoại giao đề xuất hoàn thiện pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng bổ sung đối tượng được cấp hộ

chiếu ngoại giao là người giữ chức vụ ngoại giao đặc thù.

- Hoàn thiện quy định về quản lý CQĐD theo hướng bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chỉ đạo người đứng đầu CQĐD về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết.

- Sửa đổi quy định về kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của CQĐD theo hướng kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại.

- Hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn đối với Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo hướng mở rộng đối tượng được bổ nhiệm, theo đó cần có thời gian giữ chức vụ Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên; hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ.

b) Các nội dung bổ sung

- Bổ sung quy định làm rõ Luật này không quy định về LSDD và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu. Việc thành lập, hoạt động của Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, hoạt động của LSDD thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

- Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của CQĐD: (i) bổ sung chức năng phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước của CQĐD; (ii) bổ sung quy định CQĐD tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của CQĐD phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại; (iii) bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQĐD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐD và quản lý, vận hành CQĐD theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các CQĐD; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các CQĐD trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Việc điều chuyển biên chế giữa các CQĐD bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các CQĐD.

- Bổ sung quy định về kinh phí của CQĐD theo hướng CQĐD hạch toán kế toán bằng đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại.

- Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

- Bổ sung quy định về thẩm quyền của CQĐD trong việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa CQĐD với đối tác nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của CQĐD.

- Bổ sung quy định chế độ phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm đối với thành viên CQĐD.

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao theo đó chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với nước tiếp nhận; quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của CQĐD lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài; ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại CQĐD.

- Bổ sung chế độ báo cáo của các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc CQĐD (báo cáo người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ về kết quả hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ cụ thể do CQĐD giao hoặc theo yêu cầu của người đứng đầu CQĐD).

c) Các nội dung lược bỏ

- Bỏ quy định về việc cấp giấy thông hành của CQĐD tại khoản 5 Điều 8 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bỏ từ “thanh tra” trong “thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và ... theo quy định của pháp luật” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bỏ khoản 8 Điều 4 và Điều 28 liên quan đến LSDD.

d) Các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Luật không có quy định liên quan đến thủ tục hành chính.

đ) Các nội dung phân quyền, phân cấp

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc quyết

định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại CQĐD.

- Bổ sung, làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD, theo đó Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các CQĐD; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các CQĐD trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Bổ sung quy định hướng dẫn CQĐD ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài trên cơ sở phù hợp với nhiệm vụ được giao để phục vụ triển khai công tác đối ngoại tại địa bàn.

- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chỉ đạo người đứng đầu CQĐD về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực và nguồn kinh phí để triển khai thi hành Luật

a) Dự kiến nguồn nhân lực

Về nguồn nhân lực thi hành Luật, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (trong đó bao gồm nội dung “*phát triển hệ thống CQĐD Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; phấn đấu đến năm 2030 có mạng lưới khoảng 115 CQĐD, tầm nhìn đến năm 2045 có khoảng 150 CQĐD Việt Nam trên toàn thế giới*”), dự kiến hệ thống CQĐD sẽ đáp ứng yêu cầu, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, chức năng mới được bổ sung tại Luật.

Ngoài ra, việc triển khai thi hành Luật đòi hỏi xây dựng một số văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành sau khi Luật được thông qua (dự kiến 02 Nghị định và 02 Thông tư của Bộ trưởng), theo đó sẽ sử dụng nguồn nhân lực sẵn có để xây dựng các văn bản này.

b) Dự kiến nguồn kinh phí để triển khai thi hành Luật

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD được ban hành, dự kiến kinh phí thực thi, triển khai được thực hiện bố trí trong ngân sách chi thường xuyên của Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chính phủ xin báo cáo về đánh giá tác động tăng chi ngân sách nhà nước, tính theo tỷ giá của Kho bạc Nhà nước tháng 12/2025 (1 USD = 25.118 VND) như sau:

- Cho phép con chưa thành niên được hỗ trợ học phí tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở:

Quy định về mức học phí tối đa cho con chưa thành niên của Thành viên CQĐD tăng khi mức sinh hoạt phí cơ sở thay đổi theo quy định tại Nghị định số 51/2024/NĐ-CP, do vậy Chính phủ tạm căn cứ ước thực hiện năm 2025 làm cơ sở đánh giá tác động. Trên cơ sở 55 CQĐD cung cấp thông tin, đối với các CQĐD chưa cung cấp thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, Chính phủ tạm tính mức học phí hằng tháng bình quân của một số địa bàn trong khu vực. Tác động tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm là 4.561.400 USD tương đương **114,57** tỷ đồng.

- Chi vé máy bay nhiệm kỳ của con chưa thành niên: Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023, 2024, ước thực hiện năm 2025, trung bình hằng năm tiền vé máy bay nhiệm kỳ của Thành viên CQĐD, Phu nhân/Phu quân đi theo là 17 tỷ đồng (chiều từ Việt Nam đến sở tại khi bắt đầu nhiệm kỳ) và 629.087 USD tương đương 15,8 tỷ đồng (chiều từ sở tại về Việt Nam khi kết thúc nhiệm kỳ). Giả sử mỗi Thành viên CQĐD đều có Phu nhân/Phu quân đi cùng, có 02 con chưa thành niên đi theo thì tác động tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm của chính sách là **32,8** tỷ đồng.

- Chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh cho con chưa thành niên dự kiến vẫn thực hiện theo mức hiện nay, tương tự như đối với phu nhân/phu quân thành viên CQĐD (500 USD/người), do đó, không có tác động tăng chi ngân sách nhà nước. Dự thảo Luật quy định bảo đảm chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh cho con chưa thành niên để tạo cơ sở pháp lý trong trường hợp Chính phủ/Bộ Tài chính thay đổi mức chi mua bảo hiểm đối với phu nhân/phu quân thành viên CQĐD.

- Chi phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn: Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023, 2024, ước thực hiện năm 2025, dự kiến chi phụ cấp kiêm nhiệm hằng năm là 36 tỷ đồng, tác động tăng chi ngân sách nhà nước hàng năm của chính sách là **32,2** tỷ đồng.

- Dự thảo Luật có bổ sung quy định về hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí điều trị trong trường hợp khẩn cấp. Các chi phí này chỉ phát sinh trong trường hợp cụ thể, phụ thuộc khách quan và do nguyên nhân bất khả kháng như chiến

tranh, dịch bệnh..., đây là nội dung phát sinh không thường xuyên thể hiện chính sách nhân đạo liên quan đến an toàn, tính mạng của thành viên CQĐD, phu nhân/phu quân, con chưa thành niên đi theo. Việc di chuyển khỏi nơi ở, làm việc hay thậm chí là nước đang công tác cũng như phải thực hiện điều trị khi có tình huống khẩn cấp xảy ra là nội dung không mong muốn và không dự báo được, đồng thời mỗi vụ việc xảy ra cần căn cứ tình hình thực tế để xử lý nên không thể đánh giá tác động ngân sách¹⁵.

- Dự thảo Luật bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQĐD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành CQĐD theo quy định của pháp luật và CQĐD tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của CQĐD, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại. Nguồn lực tài chính để thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước và có thể xem xét huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Căn cứ theo chủ trương và tình hình thực tế triển khai chuyển đổi số của Bộ Ngoại giao, hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Ngoại giao được tập trung đầu tư, phát triển tại trung tâm là Bộ Ngoại giao; các CQĐD là đối tượng thụ hưởng, tham gia sử dụng và không có các dự án đầu tư công nghệ thông tin riêng¹⁶. Theo đó, để triển khai đồng bộ, căn rà soát, bố trí hệ thống máy tính, trang thiết bị, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo đảm khả năng kết nối, khai thác, quản lý lưu trữ an toàn, an ninh mạng phục vụ thực thi công cụ trên môi trường chuyển đổi số. Kinh phí để triển khai thực hiện chuyển đổi số chưa thể dự kiến do phụ thuộc vào quy định pháp luật và điều kiện sở tại. Tuy nhiên, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt mục tiêu tới năm 2030 “*bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển*”.

Như vậy, tổng mức tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm của dự thảo Luật là 179,6 tỷ đồng.

Ngoài ra, việc triển khai thi hành Luật đòi hỏi xây dựng một số văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành sau khi Luật được thông qua (dự kiến

¹⁵ Thời gian vừa qua, Bộ Ngoại giao đã thực hiện: (1) Dự kiến phương án và kinh phí thực hiện sơ tán Thành viên CQĐD và người thân tại Tổng lãnh sự quán tại Battambang trước xung đột của Campuchia và Thái Lan phụ thuộc vào mức độ căng thẳng giữa xung đột của 02 nước, theo dự toán của Tổng Lãnh sự quán, kinh phí thực hiện sơ tán khoảng từ 9.321,5 USD - 13.124 USD; (2) Dự kiến kinh phí sơ tán cho Thành viên CQĐD và thân nhân tại Iran cũng phụ thuộc vào tình hình chiến sự, kinh phí thực hiện sơ tán từ khoảng 60.660 USD - 86.660 USD.

¹⁶ Hiện nay, Bộ Ngoại giao đang triển khai Dự án “Xây dựng nền tảng lãnh sự dùng chung cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài” với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 153 tỷ đồng và Dự án “Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động chuyển đổi số, Chính phủ số của Bộ Ngoại giao” với tổng mức đầu tư là 100 tỷ đồng thuộc nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

02 Nghị định và 02 Thông tư của Bộ trưởng), theo quy định tại Nghị quyết 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, dự kiến tổng chi xây dựng các văn bản này là 2,7 tỷ đồng.

2. Thời gian dự kiến trình thông qua/ban hành

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, căn cứ vào quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026). Dự kiến Luật có hiệu lực từ 01/7/2026.

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo; (6) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (7) Bản so sánh dự thảo với Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); (8) Báo cáo tổng hợp kinh nghiệm quốc tế; (9) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (10) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (11) Báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ; (12) Dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, PL;
- Lưu: VT, QHQT (2).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO



Lê Hoài Trung



Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Tờ trình số 168 /TTr-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Tỷ giá quy đổi: 1 USD = 25.118 VND

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025 hoặc trung bình 03 năm 2023 - 2025 (USD)			Kinh phí dự kiến thực hiện các chính sách hằng năm			Tác động tăng ngân sách hằng năm		
		Tiền USD	Tiền VNĐ	Tổng tiền VNĐ khi cộng tiền USD và VNĐ	Tiền USD	Tiền VNĐ	Tổng tiền VNĐ khi cộng tiền USD và VNĐ	Tiền USD	Tiền VNĐ	Tổng tiền VNĐ khi cộng tiền USD và VNĐ
1	Chi vé máy bay nhiệm kỳ của con chưa thành niên (chi bằng tiền USD là phần chi tại các CQĐD khi kết thúc nhiệm kỳ, chi bằng VNĐ là phần chi tại Cục QTTV (Phòng Kế toán Tài vụ) khi bắt đầu đi nhiệm kỳ	629.087	17.000.000.000	32.801.414.215	1.258.175	34.000.000.000	65.602.828.431	629.087	17.000.000.000	32.801.414.215
2	Phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn	151.146		3.796.485.228	1.434.024		36.019.814.832	1.282.878		32.223.329.604
3	Hỗ trợ học phí theo phương án bảo đảm học phí nhưng không vượt quá sinh hoạt phí cơ sở	4.561.400		114.573.245.200	9.122.800		229.146.490.400	4.561.400		114.573.245.200
Tổng cộng		5.341.633	17.000.000.000	151.171.144.643	11.814.999	34.000.000.000	330.769.133.663	6.473.365	17.000.000.000	179.597.989.019



DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 19/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện) và quản lý nhà nước đối với cơ quan đại diện.

2. Luật này không quy định về Lãnh sự danh dự và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu.

Việc thành lập, hoạt động của Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh dự thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Phục vụ phát triển đất nước

1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, pháp luật, xu hướng phát triển kinh tế, các lĩnh vực hợp tác mới theo yêu cầu hội nhập quốc tế, thương mại và công nghiệp, đầu tư, viện trợ phát triển, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghệ chiến lược, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục - đào tạo, du lịch, hợp tác sử dụng nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan khác của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, quyết sách có ý nghĩa chiến lược của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận có tác động đến sự phát triển của Việt Nam.

2. Cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của quốc gia tiếp nhận; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp nhân của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận; chủ động dự báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp và tổ chức thực hiện nhằm phát triển quan hệ kinh tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và thúc đẩy giao lưu nhân dân.

4. Tham gia xúc tiến, thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư, công nghiệp văn hóa, hợp tác kinh tế mới theo yêu cầu hội nhập quốc tế; hợp tác, thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; vận động tranh thủ viện trợ và quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thúc đẩy hợp tác khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giáo dục - đào tạo, y tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận; xúc tiến phát triển thị trường lao động ngoài nước; theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

5. Nghiên cứu chính sách, pháp luật và thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận.”

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 8. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự và bảo hộ công dân”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bảo hộ lãnh sự đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự được quy định tại Điều này trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. Chủ động, kịp thời thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền các biện pháp phù hợp để bảo hộ công dân ở nước ngoài trong các vụ việc khẩn cấp, quy mô lớn.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hộ chiếu và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Cấp, hủy bỏ thị thực; cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Thực hiện một số nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chính sách, biện pháp duy trì sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước; khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt, tham gia hoạt động trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện của cơ quan, địa phương và tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và đoàn được cơ quan, tổ chức Việt Nam cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.”

6. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 11 như sau:

“4. Tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 14 như sau:

“1. Căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.

3. Trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, sau khi trao đổi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng lĩnh vực thuộc cơ quan đại diện để phụ trách các lĩnh vực sau đây:

a) Chính trị, đối ngoại;

b) Quốc phòng - an ninh;

c) Kinh tế, thương mại, tài chính và công nghiệp, đầu tư, du lịch, lao động, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp, môi trường, pháp luật;

- d) Văn hóa, thông tin, báo chí, giáo dục - đào tạo, y tế;
- đ) Lãnh sự và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;
- e) Hành chính, lễ tân, quản trị;
- g) Các lĩnh vực khác.

4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại quy đổi ra đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm kinh phí cần thiết bằng đô-la Mỹ để cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí của cơ quan đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 17 như sau:

“c) Năm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại; đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên; hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự và chức vụ đặc thù tại cơ quan đại diện

1. Chức vụ ngoại giao bao gồm:

- a) Đại sứ đặc mệnh toàn quyền;
- b) Đại sứ;
- c) Công sứ;
- d) Tham tán Công sứ;
- đ) Tham tán;
- e) Bí thư thứ nhất;
- g) Bí thư thứ hai;
- h) Bí thư thứ ba;
- i) Tùy viên.

2. Chức vụ lãnh sự bao gồm:

- a) Tổng Lãnh sự;
- b) Phó Tổng Lãnh sự;
- c) Lãnh sự;
- d) Phó Lãnh sự;
- đ) Tùy viên lãnh sự.

3. Chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện bao gồm:

- a) Tùy viên Quốc phòng;
- b) Phó Tùy viên Quốc phòng;
- c) Trợ lý Tùy viên Quốc phòng;

d) Chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

11. Bổ sung một số khoản tại Điều 21 như sau:

a) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Quyết định việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.”

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.”

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn. Trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện.”

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Ngoài các chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên cơ quan đại diện được hưởng phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm (nếu có).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện được bảo đảm chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh, chế độ vé máy bay tương tự như đối với phu nhân/phu quân thành viên cơ quan đại diện, trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện; được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở.”

13. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

“Điều 32. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử và triệu hồi Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế.

Quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền căn cứ bối cảnh, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại tại địa bàn và báo cáo Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.”

c) Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau:

“6a. Trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý, chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện, trừ trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều này.”

đ) Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:

“8a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với nước tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện phù hợp với đặc thù về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện.”

e) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 4.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 33 như sau:

“b) Thông báo cho cơ quan đại diện dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận trước ít nhất 07 ngày làm việc; trường hợp đề nghị cơ quan đại diện hỗ trợ cần gửi đề nghị trước ít nhất 30 ngày trước khi hoạt động đối ngoại diễn ra;”

15. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 35 như sau:

“3. Các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc cơ quan đại diện báo cáo người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ về kết quả hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ cụ thể do cơ quan đại diện giao hoặc theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan đại diện.”

16. Bãi bỏ một số khoản, Điều sau:

a) Bãi bỏ khoản 8 Điều 4.

b) Bãi bỏ Điều 28.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15) như sau:

“11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự, chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.”

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI,
Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026.*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Số: 589 /BC-BNG-LPQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

Ngày 26/01/2026, Bộ Ngoại giao nhận được Báo cáo thẩm định số 18/BCTĐ-BTP ngày 18/01/2026 của Bộ Tư pháp về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (gọi tắt là dự án Luật).

Sau khi nghiên cứu, Bộ Ngoại giao báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG BỘ TƯ PHÁP THỐNG NHẤT VỚI DỰ ÁN LUẬT

Tại Báo cáo thẩm định số 18/BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp thống nhất các nội dung của dự án Luật, gồm: (1) Sự cần thiết ban hành Luật, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự án Luật; (2) Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (3) Dự án Luật không có nội dung trái với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (4) Dự án Luật bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh; (5) Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (6) Bảo đảm trình tự, thủ tục soạn thảo dự án Luật.

II. NHỮNG NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Về sự phù hợp của nội dung dự án Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

a) Sự phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW

Ý kiến thẩm định:

Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương của Đảng về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy điểm d khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật quy định “Chính phủ thành lập một đơn vị quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ quan đại diện trực thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài”. Trong khi đó, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính

trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định “kiên quyết giảm và không thành lập mới các tổ chức trung gian” (Mục II.1).

Do đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ về sự cần thiết thành lập một đơn vị mới, đảm bảo phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Đảng.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã lược bỏ nội dung quy định về Chính phủ thành lập một đơn vị quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ quan đại diện trực thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tại dự thảo Luật. Bộ Ngoại giao sẽ tiếp tục nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền của Đảng nội dung này (nếu cần thiết).

b) Sự phù hợp với các quy định khác của Đảng, chính sách của Nhà nước

Ý kiến thẩm định:

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ hồ sơ dự án Luật, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: *“ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”*); và (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã rà soát kỹ lưỡng, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; nhất là tiếp thu thêm các ý kiến chỉ đạo về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, đơn giản hóa thủ tục hành chính và hoàn chỉnh Hồ sơ dự án Luật.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật

a) Về tính hợp hiến của dự án Luật

Ý kiến thẩm định:

Qua rà soát nội dung dự án Luật, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Luật quy định thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao *“trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu đối ngoại hoặc quản lý cơ quan đại diện, Chủ*

tịch nước ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ra quyết định triệu hồi/rút ngắn thời gian công tác nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền” (tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 của Luật CQĐD). Tuy nhiên, khoản 6 Điều 88 Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội quy định: căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước có nhiệm vụ, quyền hạn “*bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” và Luật Tổ chức Chính phủ cũng không có quy định về việc Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch nước ủy quyền. Đồng thời, Điều 68 Hiến pháp quy định “Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại”.

Do vậy, để bảo đảm tính hợp hiến và tính thống nhất với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Hội đồng thẩm định (trong đó có ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định đề nghị lược bỏ nội dung ủy quyền nêu trên trong dự thảo Luật) đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nghiên cứu kỹ lưỡng bao gồm đánh giá cụ thể khó khăn, vướng mắc thực tiễn, lấy ý kiến của Văn phòng Chủ tịch nước, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về nội dung này.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao lược bỏ quy định này tại dự thảo Luật.

b) Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật

Ý kiến thẩm định:

Dự án Luật có liên quan đến một số các văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15... Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Luật có một số nội dung chưa thống nhất với các Luật có liên quan, ví dụ như khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 16) quy định “Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho dự án đầu tư của cơ quan đại diện phải tuân thủ pháp luật về đầu tư công. Dự án đầu tư của cơ quan đại diện là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù...”. Trong khi đó, pháp luật về đầu tư công quy định các loại dự án đầu tư công gồm: dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án đầu tư công đặc biệt và dự án đầu tư công thông thường (dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C), chưa có quy định về “dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù”. Đồng thời, Điều 32 Luật Đầu tư công quy định “Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ”. Do đó, Hội đồng thẩm định đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ nội dung quy định “*Dự án đầu tư của cơ quan đại diện là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù*” để đảm bảo thống nhất với Luật Đầu tư công.

Bên cạnh đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất của dự án Luật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong đó có các văn bản nêu trên và các Luật, Nghị quyết Quốc hội đã thông qua tại Kỳ họp thứ 10 vừa qua, ví dụ như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự (trong đó sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 23/2023/QH15), Luật Đầu tư, Luật Chuyển đổi số...

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đặc biệt là các văn bản mới được ban hành trong thời gian gần đây, theo đó Bộ Ngoại giao đã:

- Bổ quy định “*Dự án đầu tư của cơ quan đại diện là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù*” để đảm bảo thống nhất với Luật Đầu tư công.

- Bổ sung tại dự thảo Luật về việc sửa đổi khoản 13 Điều 8 Luật hiện hành theo hướng không sử dụng cụm từ “*ủy thác tư pháp*” mà quy định “*Thực hiện một số nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*” để phù hợp quy định của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025, Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025, Luật Dẫn độ năm 2025 và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025 (các luật này thay thế Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và không còn sử dụng thuật ngữ “*ủy thác tư pháp*”).

- Do dự thảo Luật bổ sung quy định về các chức vụ ngoại giao đặc thù tại Điều 18 Luật hiện hành, để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật, Bộ Ngoại giao đề xuất bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi 23/2023/QH15) tại dự thảo Luật như sau:

“11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự, chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.”

4. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính (TTHC)

Ý kiến thẩm định:

Dự thảo Luật cơ bản không làm phát sinh thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các thủ tục nội bộ có thể phát sinh trong quá trình triển khai các quy định của dự thảo Luật, nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa tối đa để tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã tiến hành rà soát các thủ tục nội bộ có thể phát sinh trong quá trình triển khai các quy định của dự thảo Luật, nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa tối đa để tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ pháp luật.

5. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

a) Về tính tương thích của nội dung dự án Luật với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ý kiến thẩm định:

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Ngoại giao) có ý kiến cho rằng dự án Luật không có nội dung trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, cụ thể như Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969; Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao; Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nêu rõ nội dung này tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

Ý kiến giải trình, tiếp thu:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã bổ sung nội dung khẳng định dự án Luật không có nội dung trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật.

b) Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Ý kiến thẩm định:

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) cơ bản nhất trí với nội dung dự án Luật và không có ý kiến về việc dự thảo Nghị định không đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về quốc phòng, an ninh tại Tờ trình Chính phủ (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao sẽ tiếp tục phối hợp rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về quốc phòng, an ninh tại Tờ trình Chính phủ.

c) Về điều kiện về bảo đảm nguồn nhân lực và nguồn tài chính

- Về nguồn tài chính:

Ý kiến thẩm định:

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Tài chính nhận thấy các nội dung dự kiến nguồn kinh phí để triển khai thi hành Luật tại Mục VII.1.2 của dự thảo Tờ trình hiện nay còn một số nội dung chưa rõ hoặc trùng lặp với các văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể: *(i)* chưa được dự báo chính xác như chi phí đi lại, chi phí điều trị trong trường hợp khẩn cấp; chi phí cho con chưa thành niên khi được đảm bảo học phí; *(ii)* chưa làm rõ các cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn để bổ sung chế độ, chính sách; tính tương quan về thu nhập, chế độ, chính sách giữa công chức làm việc trong nước và công chức làm việc tại nước ngoài, đồng thời chưa đánh giá tính phù hợp, đồng bộ của hệ thống về chính sách tiền lương, phụ cấp của cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; *(iii)* một số chế độ tại dự thảo Luật đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, ví dụ như chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đã được quy định tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP, chi phí điều trị đã có trong bảo hiểm y tế, cân cước hành lý đối với con chưa thành niên trong khi cha mẹ đã được hưởng 100 kg (ngoài khối lượng được miễn phí của hãng hàng không)... Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để bảo đảm yêu cầu về vấn đề nguồn tài chính để thực hiện sau khi Luật ban hành.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung đánh giá tác động ngân sách tại Tờ trình Chính phủ. Theo đó, Bộ Ngoại giao đã loại bỏ nội dung chi đã được bảo hiểm y tế bảo đảm là chi phí điều trị tại Việt Nam. Bộ Ngoại giao xin báo cáo thêm như sau:

Chi phí đi lại, chi phí điều trị trong trường hợp khẩn cấp chỉ phát sinh trong trường hợp cụ thể, phụ thuộc khách quan và do nguyên nhân bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh..., đây là nội dung phát sinh không thường xuyên thể hiện chính sách nhân đạo liên quan đến an toàn, tính mạng của thành viên CQDD, phu nhân/phu quân, con chưa thành niên đi theo. Việc di chuyển khỏi nơi ở, làm việc hay thậm chí là nước đang công tác cũng như phải thực hiện điều trị khi có tình huống khẩn cấp xảy ra là nội dung *không mong muốn và không dự báo được*, đồng thời mỗi vụ việc xảy ra cần căn cứ tình hình thực tế để xử lý nên không thể đánh giá tác động ngân sách được. Việc nhà nước cho phép chi trả chi phí đi lại, chi phí điều trị trong trường hợp khẩn cấp không chỉ mang ý nghĩa nhân đạo phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, mà còn xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát sinh. Do đó, việc xây dựng cơ chế cho nội dung trên là hoàn toàn phù hợp. *Tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Ngoại giao bổ sung nội dung thực tế chi thời gian vừa qua tại một số địa bàn xảy ra chiến tranh tại Tờ trình Chính phủ.*

Về chi phí cho con chưa thành niên khi được đảm bảo học phí, hiện nay, ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần học phí tối đa bằng 50% mức sinh hoạt phí cơ sở. Ở trong nước, Đảng và Nhà nước đã thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước, bắt đầu từ tháng 9/2025.

Tuy nhiên, chương trình học ở Việt Nam hiện nay chủ yếu bằng tiếng Việt và tiếng Anh trong khi ở nhiều địa bàn, do tiếng Anh không là ngôn ngữ phổ biến hoặc một số lý do khách quan khác, con chưa thành niên của thành viên CQĐD phải đăng ký học tại trường tư hoặc trường quốc tế - là những cơ sở giáo dục có mức học phí cao. Điều này dẫn đến việc thành viên CQĐD cần chi trả mức chênh lệch khá cao giữa học phí thực tế và mức được Nhà nước hỗ trợ. Để trả chi phí này, các thành viên CQĐD sẽ phải sử dụng một phần chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp, trợ cấp của mình và gia đình trong khi các chế độ này hiện cũng đang ở mức trung bình để đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần, bảo đảm cuộc sống, sinh hoạt bình thường và bảo đảm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của thành viên CQĐD.

Tuy nhiên, để việc bảo đảm học phí được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, tránh trường hợp thành viên CQĐD cho con học tại các trường có học phí cao trong khi sở tại có trường học phí thấp hơn mà vẫn bảo đảm chất lượng học tập, Bộ Ngoại giao kiến nghị bảo đảm học phí cho con chưa thành niên nhưng trước mắt không quá mức trần là một lần mức sinh hoạt phí cơ sở. Trên cơ sở ước thực hiện năm 2025, dự kiến tác động tăng ngân sách mỗi năm cho chính sách này là 4.561.400 USD, tương đương 114,6 tỷ đồng.

Về tương quan về thu nhập, chế độ, chính sách giữa công chức làm việc trong nước và công chức làm việc tại nước ngoài, đánh giá tính phù hợp, đồng bộ của hệ thống chính sách tiền lương, phụ cấp của cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 27: Thành viên CQĐD và phu nhân/phu quân đang được hưởng chế độ sinh hoạt phí không phải tiền lương. Do sự khác nhau rất lớn về giá cả sinh hoạt, chi phí đi lại, bảo hiểm, chi phí học hành giữa trong và ngoài nước nên phần lớn các chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân được xây dựng, thiết kế và thực hiện bảo đảm phù hợp với thực tiễn tại các địa bàn ở nước ngoài, bảo đảm cuộc sống, sinh hoạt bình thường và bảo đảm việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và phu nhân/phu quân, phù hợp với điều kiện kinh tế của Nhà nước và đặc thù công tác đối ngoại. Qua rà soát, tham khảo kinh nghiệm của các nước, Bộ Ngoại giao nhận thấy các chế độ, chính sách áp dụng tại CQĐD hiện nay cơ bản đã tiệm cận với mặt bằng chung của các nước trong khu vực ASEAN có cùng trình độ phát triển. Đặc biệt, sau khi được Chính phủ quan tâm, ban hành Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2019/NĐ-CP về một số chế độ đối với thành viên CQĐD Việt Nam ở nước ngoài, tuy vẫn còn một số vướng mắc về chế độ bảo hiểm y tế, mức hỗ trợ học phí cho con vị thành niên đi theo, trợ cấp trong trường hợp công tác tại địa bàn chiến tranh, đặc biệt khó khăn ..., nhìn chung các chế độ đối với công chức, viên chức ngành Ngoại giao và các bộ, ngành có cán bộ biệt phái tại CQĐD đã được cải thiện đáng kể, góp phần động viên cán bộ yên tâm công tác, cống hiến. Chính vì vậy, *dự thảo Luật lần này chỉ tập trung đề xuất hướng khắc phục vướng mắc nêu trên mà không kiến nghị điều chỉnh mức sinh hoạt phí cơ sở hoặc các chế độ, chính sách khác.*

Về phụ cấp kiêm nhiệm, Nghị định số 08/2019/NĐ-CP có quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, song chế độ phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn chỉ áp dụng đối với Đại sứ, Người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được cấp có thẩm

quyền giao kiêm nhiệm công tác tại nước khác hoặc tổ chức quốc tế ở nước khác. Các thành viên CQĐD khác phụ trách các công việc liên quan đến địa bàn kiêm nhiệm không được hưởng chế độ này. Do đó, dự thảo Luật bổ sung quy định về việc tất cả thành viên CQĐD được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn (nếu có). Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023, 2024, ước thực hiện năm 2025, dự kiến chi phụ cấp kiêm nhiệm hằng năm là 36 tỷ đồng, tác động tăng chi ngân sách nhà nước hàng năm của chính sách là 32,2 tỷ đồng.

- Về nguồn nhân lực:

Ý kiến thẩm định:

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Nội vụ nêu nội dung dự kiến nguồn lực tại Mục VII.1.1 của dự thảo Tờ trình có liên quan đến việc phát sinh tổ chức bộ máy, ví dụ như việc thành lập một đơn vị quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ quan đại diện trực thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài... Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ tại Tờ trình Chính phủ những vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực để thuyết minh cụ thể hơn về tính hiệu quả, khả thi và phù hợp của các quy định trong dự án Luật (đặc biệt là đối với những nội dung mới tại dự thảo Luật).

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã lược bỏ quy định Chính phủ thành lập một đơn vị quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ quan đại diện trực thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Do đó, việc triển khai thực hiện dự án Luật không làm phát sinh yêu cầu bổ sung về nguồn nhân lực.

d) Về phân cấp, phân quyền

Ý kiến thẩm định:

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Nội vụ) có ý kiến đối với nội dung dự án Luật về phân cấp, phân quyền, ví dụ như về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ các trường hợp được kéo dài nhiệm kỳ để đảm bảo rõ ràng, minh bạch...

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Nội vụ đánh giá kỹ về việc phân quyền, phân cấp tại dự thảo Luật (bao gồm các nội dung đề xuất phân cấp mới và việc thực hiện kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp đối với các nội dung đã được phân cấp, phân quyền tại Nghị định số 134/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại), đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước có liên quan đến phân quyền, phân cấp; đảm bảo phân quyền, phân cấp tối đa theo yêu cầu của Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ

máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025; phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và bổ sung đánh giá tại dự thảo Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã bổ sung đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp tại Nghị định số 134/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại tại dự thảo Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc. Đồng thời, Bộ Ngoại giao xin báo cáo thêm về việc thực hiện thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Nghị định số 134 như sau: Từ khi Nghị định số 134 có hiệu lực, Bộ Ngoại giao đã thực hiện thủ tục kéo dài nhiệm kỳ đối với 8 trường hợp Đại sứ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này (tại các địa bàn: Ru-ma-ni, I-ta-li-a, Ấn Độ, Ca-dắc-xtan, I-xra-en, Thụy Sĩ, Ai Cập, Bê) trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm đúng quy trình, thẩm quyền, tuân thủ quy định của pháp luật về lao động. Việc áp dụng Điều 12 Nghị định số 134 đến nay không phát sinh vướng mắc, giúp giảm thời gian xử lý, giảm thủ tục hành chính, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đóng góp hiệu quả cho hoạt động đối ngoại, tranh thủ được kinh nghiệm, đóng góp của các Đại sứ liên quan cho những sự kiện đối ngoại lớn tại địa bàn.

6. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

a) Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày Luật

Ý kiến thẩm định:

- Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, chỉnh lý nội dung dự thảo Luật cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất; bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc một số nội dung sau: *(i)* chỉnh sửa căn cứ pháp lý thành “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2017/QH14*”; *(ii)* chỉnh sửa viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, ví dụ như chỉnh sửa viện dẫn theo văn bản hợp nhất của Luật thành các điều khoản tại Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; *(iii)* rà soát kỹ thuật để thống nhất trong toàn bộ dự thảo Luật, ví dụ như chỉnh sửa thành “*Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục các công việc tại giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây*

dụng công trình của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài *trừ các dự án đầu tư xây dựng của cơ quan có cán bộ biệt phái*”...

- Về cách thức trình bày dự án Luật đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) để bảo đảm tính chính xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; (ii) bổ sung và rà soát kỹ điều khoản chuyển tiếp, làm rõ các trường hợp chuyển tiếp và phương án xử lý trong giai đoạn chuyển tiếp tại Điều 3 dự thảo Luật, tránh tạo ra khoảng trống pháp lý.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa dự án Luật đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đồng thời, Bộ Ngoại giao xin báo cáo thêm về điều khoản chuyển tiếp như sau: Dự án Luật được thẩm định có quy định về điều khoản chuyển tiếp do dự kiến thành lập một đơn vị quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ quan đại diện trực thuộc Bộ Ngoại giao. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Ngoại giao đã bỏ quy định này. Trên cơ sở rà soát các nội dung dự án Luật được chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định, Bộ Ngoại giao nhận thấy không có nội dung cần quy định chuyển tiếp. Các chế độ, chính sách mới tại dự thảo Luật như chế độ bảo đảm học phí cho con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện, chế độ phụ cấp kiêm nhiệm địa bàn, chế độ báo cáo của các cơ quan... sẽ được thực hiện khi Luật có hiệu lực.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

Ý kiến thẩm định:

Theo thông tin được cung cấp tại hồ sơ dự án Luật gửi thẩm định và tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đầy đủ các thủ tục soạn thảo Luật theo quy định tại Điều 33 Luật BHVBQPPL và Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; thành phần hồ sơ đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật BHVBQPPL và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để hồ sơ dự án Luật hoàn thiện hơn, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa tên gọi thành “Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật”.

Đồng thời, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó lưu ý bổ sung các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã chỉnh sửa tên gọi của Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật và chỉnh lý các nội dung của Tờ trình Chính phủ để đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số

78/2025/NĐ-CP.

7. Về các vấn đề khác

a) Về hình thức văn bản

Ý kiến thẩm định:

Luật CQĐD có 36 điều, trong khi đó dự thảo Luật hiện quy định sửa đổi, bổ sung liên quan đến 18/36 điều. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng thẩm định đã nêu ra các nội dung cần sửa đổi, bổ sung ngoài các nội dung trong dự thảo Luật, ví dụ như khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý chi phí thường xuyên của các cơ quan tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật CQĐD... Như vậy, trong trường hợp Cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi, bổ sung các nội dung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định thì nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật CQĐD vượt quá một phần hai tổng số điều.

Khoản 4 Điều 8 Luật BHVBQPPL quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây “Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”. Bên cạnh đó, hiện nay việc xây dựng Luật theo hướng quy định những vấn đề chung, vấn đề khung, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu và rà soát lại toàn bộ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Luật CQĐD để đảm bảo đầy đủ. Trong trường hợp thuộc khoản 4 Điều 8 Luật BHVBQPPL, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu và xây dựng dự án Luật thay thế Luật CQĐD hiện hành và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và quyết định.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Bộ Ngoại giao xin giải trình như sau: sau khi nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật sau khi họp Hội đồng thẩm định, dự kiến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung **15/36 điều**. Do đó, Bộ Ngoại giao xin giữ nguyên đề xuất xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện.

Đối với việc giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý chi phí thường xuyên của các cơ quan tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật CQĐD, Bộ Ngoại giao xin báo cáo thêm như sau:

Kinh phí hoạt động của các bộ phận biệt phái (trừ kinh phí dành cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại) hằng năm đều được tổng hợp vào dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên và hiệu quả của các bộ phận này. Ngoài ra, trên thực tế, hiện chỉ có rất ít bộ phận biệt phái tại các địa bàn (ví dụ, chỉ có 10 trên tổng số 99 địa bàn có bộ phận tài chính đầu tư; 06 địa bàn có Ban quản lý lao động...). Thực tế triển khai tại cơ quan đại diện chưa ghi nhận khó khăn, vướng mắc do quy định của Luật.

Việc tách kinh phí của các bộ phận biệt phái có thể dẫn đến một số vấn đề sau: (i) Có thể cần tách kinh phí của tất cả các bộ phận biệt phái; trong khi nhiều nước chỉ cho phép cơ quan đại diện mở một số lượng hạn chế tài khoản ngân hàng. Tuy tài khoản ngân hàng đứng tên bộ phận biệt phái, CQĐD vẫn phải chịu

trách nhiệm chung trước quốc gia sở tại về hoạt động của tài khoản này; (ii) Công tác dự toán, kế toán..., cũng như chi trả các chi phí vận hành trụ sở sẽ rất khó bóc tách khi bộ phận biệt phái chưa có trụ sở riêng; (iii) bên cạnh đó, việc mỗi bộ phận phát sinh biên chế kế toán [hoặc kiêm nhiệm] sẽ ảnh hưởng đến nguồn lực dành cho công tác chuyên môn của các bộ phận này.

Từ những lý do trên và để thực hiện tốt hơn việc thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, trước mắt, Bộ Ngoại giao kiến nghị không sửa đổi các quy định liên quan đến kinh phí này.

Trong quá trình triển khai, Bộ Ngoại giao sẽ phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Nội vụ... bảo đảm hiệu quả cao nhất đối với hoạt động của các bộ phận biệt phái.

b) Về kinh phí của CQĐD tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Luật

- Về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong trường hợp khẩn cấp

Ý kiến thẩm định:

Về việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến kinh phí của CQĐD (khoản 8 Điều 1 dự thảo Luật), thành viên Hội đồng thẩm định cho biết hiện nay Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đang xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 117/2017/NĐ-CP về tài chính trong hoạt động đối ngoại, trong đó có nội dung về hướng dẫn về lập, phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Do đó, Hội đồng thẩm định đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 117/2017/NĐ-CP và lược bỏ nội dung quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng, quy trình quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong trường hợp khẩn cấp tại dự thảo Luật.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao bỏ nội dung về trách nhiệm của Chính phủ trong việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng, quy trình quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong trường hợp khẩn cấp tại dự thảo Luật.

- Về kinh phí hoạt động thường xuyên được cấp cho Bộ Ngoại giao tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Ý kiến thẩm định:

Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để thống nhất việc phân bổ kinh phí, đảm bảo phương châm “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền, ví dụ như cân nhắc xem xét theo hướng tách rõ kinh phí hoạt động chuyên môn của tài chính đầu tư, khoa học công nghệ và quy định trách nhiệm thẩm quyền rõ ràng của các Bộ, ngành... để đảm bảo linh hoạt và chủ động.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Bộ Ngoại giao xin giải trình như trên.

- Về thời gian nhiệm kỳ công tác của các thành viên cơ quan đại diện

Ý kiến thẩm định:

Bộ Tư pháp nhận thấy điểm b khoản 14 Điều 1 dự thảo Luật nêu “Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định thời hạn nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện, tối đa không quá 60 tháng” (tương đương 5 năm). Tuy nhiên, Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định kiến nghị tăng thời gian công tác nhiệm kỳ của cán bộ ngoại giao tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài lên 04 năm để phù hợp và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác (Mục II.1). Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và cân nhắc chỉnh sửa thời hạn nhiệm kỳ công tác của các thành viên cơ quan đại diện phù hợp và thống nhất với các văn bản có liên quan.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, trên cơ sở tham vấn ý kiến của các chuyên gia, Bộ Ngoại giao đã lược bỏ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 27 Luật hiện hành về nhiệm kỳ công tác. Nội dung nhiệm vụ tại Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 liên quan đến thời gian công tác nhiệm kỳ trên thực tế đã được thực hiện thông qua quyết định kéo dài thời hạn nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện trong trường hợp cần thiết và trên cơ sở đề xuất của cơ quan cử cán bộ biệt phái.

- Về biên chế công chức của cơ quan đại diện (khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật)

Ý kiến thẩm định:

Thành viên Hội đồng thẩm định nhận thấy Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị quy định Ban cán sự đảng Chính phủ trực tiếp quản lý biên chế các bộ; cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Mục 2.3 Điều 6). Do đó, Hội đồng thẩm định đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định giao biên chế công chức của từng cơ quan đại diện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đảm bảo phù hợp với Quy định số 70-QĐ/TW.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Trên cơ sở thẩm quyền quản lý biên chế nêu tại Quy định số 70, ngày 18/7/2022, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 71-QĐ/TW của Bộ Chính trị ban hành về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, theo đó các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài được giao tổng số 1.068 biên chế công chức. Tuy nhiên, Bộ Chính trị không giao biên chế cụ thể cho từng bộ, ngành tại các CQĐD, đồng thời cũng không phân bổ biên chế đến từng CQĐD. Thực tế, Ban cán sự đảng Chính phủ, nay là Đảng ủy Chính phủ không phân bổ tổng chỉ tiêu 1.068 biên chế này đến từng bộ, ngành hoặc cơ quan đại diện. Thủ tướng Chính

phủ hay Bộ Nội vụ cũng chưa bao giờ giao biên chế cụ thể tại các CQĐD mà giao cho Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý, phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật CQĐD¹ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong quản lý CQĐD.

Nguyên tắc này được thực hiện tương tự như biên chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ giao tổng biên chế cho từng bộ, ngành, địa phương và giao Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương thực hiện giao biên chế đến từng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý. Dự thảo Nghị định hướng dẫn về quản lý biên chế đang được Bộ Nội vụ xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương thời gian qua cũng quy định nguyên tắc quản lý biên chế theo hướng như trên.

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau: *“Căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án”*. Quy định này đảm bảo phù hợp với Quy định số 70-QĐ/TW.

- Về hoàn thiện quy định về chức vụ ngoại giao tại cơ quan đặc thù theo hướng bổ sung thêm một số chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện

Ý kiến thẩm định:

Hội đồng thẩm định đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý về thẩm quyền quy định chức vụ ngoại giao và các yếu tố đặc thù và cân nhắc phương án giao Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp thẩm quyền và tính thống nhất. Đồng thời, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo quy định các chức danh ngoại giao đặc thù để tránh gây nhầm lẫn, ví dụ làm rõ chức danh “tùy viên quân sự” và “tùy viên quốc phòng” tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Luật....

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã chỉnh lý nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 18 Luật hiện hành để làm rõ các chức danh ngoại giao đặc thù và đảm bảo không gây nhầm lẫn.

Bộ Ngoại giao xin báo cáo thêm về căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn về thẩm quyền quy định chức vụ ngoại giao như sau:

Về căn cứ pháp lý, thẩm quyền quyết định chức vụ ngoại giao nói chung đối với các thành viên CQĐD được quy định cụ thể tại khoản 7 Điều 32 của Luật CQĐD năm 2009, theo đó, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao “7. Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện”. Khi được cử đi công tác nhiệm kỳ tại CQĐD, thành viên CQĐD được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm

¹ CQĐD được Chính phủ thành lập và do Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý.

chức vụ ngoại giao/lãnh sự, quy định rõ trong Quyết định về chức vụ ngoại giao/lãnh sự được bổ nhiệm” đối với thành viên CQĐĐ từ cấp Công sứ đến Tùy viên.

Về căn cứ thực tiễn, ngoài các chức vụ ngoại giao/lãnh sự truyền thống (từ Đại sứ, công sứ..., đến tùy viên), thời gian qua, thực tiễn ngoại giao quốc tế xuất hiện ngày càng nhiều chức vụ ngoại giao đặc thù, gắn với những lĩnh vực chuyên biệt, như Tùy viên hải quan, Tùy viên biên phòng hay tham tán giáo dục... Thực tế đây không phải là những chức vụ ngoại giao mới, mà chỉ gắn lĩnh vực phụ trách của nhân sự đó với chức vụ ngoại giao truyền thống để thể hiện rõ chức trách, nhiệm vụ, không vượt ra ngoài các cấp, bậc ngoại giao quy định tại khoản 1 Điều 18.

Do vậy, Bộ Ngoại giao xin giữ nguyên quy định về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định các chức vụ ngoại giao đặc thù.

- Về bổ sung thẩm quyền của Trường cơ quan đại diện trong việc triển khai công tác khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng (tại điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật)

Ý kiến thẩm định:

Hội đồng thẩm định nhận thấy các nội dung về thi đua, khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đã được quy định tại Luật Thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ nội dung về thi đua khen thưởng trong dự thảo Luật để thống nhất.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao đã bỏ nội dung này tại dự thảo Luật.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Lê Hoài Trung (để b/c);
- Lưu: VT, LPQT (DTV).


KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Lê Anh Tuấn

Số: ~~588~~/BC-BNG-LPQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

**TỔNG KẾT THI HÀNH VIỆC THỰC HIỆN LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
NĂM 2009 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH LUẬT
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN (CQDD)**

**1. Bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế liên quan đến việc thực
hiện Luật CQDD**

1.1. Bối cảnh quốc tế

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Luật CQDD) được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2009, có hiệu lực từ ngày 02/9/2009, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Luật CQDD ra đời đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức bộ máy và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQDD (bao gồm Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán và Phái đoàn Việt Nam tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ). Luật là cơ sở để thực hiện thống nhất quản lý đối ngoại, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Việt Nam tại quốc gia, tổ chức tiếp nhận, phát huy tối đa nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Việc triển khai thi hành Luật CQDD diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, bất ổn, khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, nhiều vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ và những thay đổi mang tính thời đại. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và là nguyện vọng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới; là cơ sở để các quốc gia mở rộng hợp tác, phát triển. Song, môi trường chính trị, kinh tế, an ninh thế giới liên tục bất ổn, thay đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Các vấn đề về tranh chấp thương mại, xung đột lãnh thổ và khác biệt ý thức hệ tạo nên bối cảnh địa chính trị toàn cầu phức tạp và thường không ổn định. Xu hướng giải quyết tranh chấp bằng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, chính trị cường quyền, phiêu lưu quân sự bất chấp luật pháp quốc tế, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan gia tăng, gây nhiều nguy cơ đối với hoà bình, hợp tác, an ninh và phát triển. Các cuộc xung đột này đặt ra những tiền lệ đáng lo ngại đối với luật pháp quốc tế, tác động mạnh mẽ đến trật tự quốc tế và hệ thống quản trị toàn cầu.

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đang là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực

lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa các nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Sự phát triển này đã dẫn đến sự xuất hiện của FTA thế hệ mới với những cam kết sâu rộng, thực chất và toàn diện, bao hàm cả những lĩnh vực được coi là “phi thương mại” như lao động, môi trường, doanh nghiệp nhà nước, cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư... Những vấn đề này đang thúc đẩy các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập và hợp tác kinh tế sâu rộng, thực chất hơn.

Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á tiếp tục giữ vị trí chiến lược quan trọng, động lực tăng trưởng của kinh tế thế giới, tiến bộ xã hội, phát triển văn hoá. Tuy nhiên, đây vẫn là khu vực phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; là địa bàn của các nước lớn gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng, tập hợp lực lượng, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn.

Bối cảnh đó đặt ra những yêu cầu mới về việc nâng cao khả năng thích ứng với các thách thức toàn cầu và bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia-dân tộc, các quốc gia, nhất là các quốc gia vừa và nhỏ, đề cao vai trò của đối ngoại thông qua đẩy mạnh triển khai các hoạt động ngoại giao, tăng cường hiện diện ngoại giao và trách nhiệm của các CQDD, đồng thời đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngoại giao.

Xu hướng hiện đại hoá ngoại giao trên thế giới được đẩy mạnh thông qua sự gia tăng về chủ thể, mở rộng về nhiệm vụ và được triển khai ở các không gian mới, đa dạng và phong phú về hình thức và công cụ, nổi bật là việc ứng dụng sự phát triển của các hình thức ngoại giao số trong các chủ đề chuyên biệt về khoa học, công nghệ, kinh tế, khí hậu...

1.2. Bối cảnh trong nước

Nhìn lại gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế duy trì tốc độ phát triển tương đối nhanh, trở thành nước đang phát triển thu nhập trung bình. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện căn bản và toàn diện. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân được xây dựng khá toàn diện. Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng ngày càng được nâng cao, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Việt Nam đã chủ động, tích cực đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và toàn diện; tích cực tham gia vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong giải quyết các vấn đề toàn cầu, là thành viên có uy tín, trách nhiệm, phát huy vai trò tích cực tại các thể chế khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, nước ta vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, hạn chế, bao gồm cả những vấn đề tồn đọng kéo dài qua nhiều năm và những vấn đề mới phát sinh. Nền kinh tế vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu, khả năng rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn, tốc độ tăng trưởng bình quân giảm qua các kỳ đại hội, thiếu bền vững; năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp, trình độ khoa học và công nghệ, nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế. Sức chống chịu và

năng lực tự chủ của nền kinh tế còn yếu. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đồng nghĩa với nền kinh tế Việt Nam đứng trước thách thức chịu tác động trực tiếp, nhanh chóng từ bên ngoài, biến động của thị trường khu vực, thế giới. Mặc dù hòa bình, hợp tác, phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vẫn là xu thế lớn, song thế giới đang ngày càng bất ổn, xung đột gia tăng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt và trực diện..., gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến trình toàn cầu hóa, giảm tính cạnh tranh lành mạnh trong thương mại toàn cầu, gây thiệt hại đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, vai trò của các thể chế đa phương bị suy giảm, tác động nhiều mặt đến nền kinh tế Việt Nam. Sự phát triển của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đang đặt ra những vấn đề mới đối với sản xuất, thương mại và an sinh xã hội. Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế số, xã hội số, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên internet cũng đặt con người vào nhiều rủi ro về tài chính, sức khỏe, bảo mật dữ liệu cá nhân. Những yếu tố từng được coi là có ưu thế như: Lực lượng lao động thủ công trẻ, chi phí thấp sẽ không còn là lợi thế của Việt Nam. Quốc phòng, an ninh luôn đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; về giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, văn hóa, con người Việt Nam. Các vấn đề an ninh phi truyền thống như: an ninh con người, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp, thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai,... là những thách thức thường xuyên đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Trước bối cảnh đó, Đảng ta đã lãnh đạo, chỉ đạo nhiều chủ trương, chính sách, quyết sách chiến lược mang tính lịch sử, thể hiện sự đổi mới, sáng tạo trong phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đó là việc tổ chức, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị, đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đồng thời, Đảng đã ban hành các quyết sách lớn, mang tính đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tiếp tục nâng cao đời sống, phúc lợi của nhân dân. Phương pháp, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đồng bộ, quyết liệt, nhanh chóng, kịp thời, vừa có kế hoạch bảo đảm lộ trình, bước đi được tính toán kỹ, vừa bám sát thực tiễn.

Nhiều nghị quyết quan trọng có tính chiến lược, xác định rõ những trụ cột phát triển của đất nước trong giai đoạn mới đã ra đời¹ không chỉ góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hiện hữu mà còn tạo nên tầng quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, xây dựng mô hình tăng trưởng mới để phát triển kinh tế nhanh

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

và bền vững, tạo sự đồng thuận cao của hệ thống chính trị, được doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng, ủng hộ.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định tiếp tục thực hiện “*đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*”, nhấn mạnh việc xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại trên cả ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, cùng với quốc phòng và an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế đã được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và là nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, quan hệ song phương và đa phương ngày càng được mở rộng, ưu tiên thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển và nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước. Để phù hợp với bối cảnh mới của quốc tế và trong nước, Luật CQDD cần tiếp tục được rà soát, sửa đổi nhằm tăng tính thực tiễn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động, tăng đầu tư cho nhân lực và cơ sở vật chất, cũng như nâng cao cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và CQDD, góp phần nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của CQDD trong giai đoạn tới.

2. Việc xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật CQDD

Sau 16 năm triển khai Luật CQDD kể từ khi được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 18/6/2009 và 08 năm triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQDD được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 21/11/2017, Luật đã trở thành khuôn khổ pháp lý thống nhất góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức bộ máy và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQDD. Luật là cơ sở để thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận, phát huy tối đa nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Mặc dù Luật CQDD đã được thiết kế theo hướng quy định chi tiết, để tạo thuận lợi trong quá trình triển khai Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Một số nội dung như quy định chi tiết về kinh phí đặc thù của các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ tại CQDD do Chính phủ hướng dẫn thực hiện; việc quản lý, sử dụng tài sản của CQDD hoặc các chế độ, chính sách đối với thành viên CQDD và thành viên gia đình được thực hiện theo các văn bản pháp luật về quản lý tài sản nhà nước đối với CQDD và cơ quan Việt Nam khác ở nước ngoài, chế độ, chính sách đối với thành viên CQDD và cơ quan Việt Nam khác ở nước ngoài; việc quản lý cán bộ của CQDD, bao gồm cả cán bộ biệt phái được thực hiện theo quy định của Luật CQDD và quy định pháp luật về cán bộ, công chức

(Hệ thống các văn bản hướng dẫn triển khai Luật CQDD được thống kê tại Phụ lục 1).

Trước những yêu cầu của tình hình mới, việc cần thiết phải tiến hành tổng kết và sửa đổi, bổ sung Luật CQĐĐ nhằm tăng tính thực tiễn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, có chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của các CQĐĐ, nâng cao cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và CQĐĐ cũng như giữa các CQĐĐ tại cùng một địa bàn; bám sát quan điểm chỉ đạo tại các Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới" và Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển Ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐĐ

1.1. Thúc đẩy quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh

CQĐĐ bám sát đường lối, chủ trương, các văn bản định hướng chiến lược quan trọng của Đảng, chính sách của Nhà nước, phát huy tinh thần “bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa”, nắm bắt nhanh, cơ bản đánh giá đúng, báo cáo kịp thời những diễn biến mới của tình hình quốc tế; tham mưu và trực tiếp triển khai các biện pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo bước chuyển tích cực trong quan hệ với nhiều đối tác, nhất là các đối tác chủ chốt; góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến biên giới, lãnh thổ; qua đó góp phần tích cực trong việc tạo dựng và duy trì cục diện đối ngoại rộng mở, thuận lợi cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc, phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước. Cụ thể:

- *Chủ động tìm hiểu, đánh giá thông tin và báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về tình hình chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh của quốc gia, tổ chức quốc tế; từ đó tham mưu cho Đảng và Nhà nước nhằm tận dụng cơ hội bảo vệ và phát huy tốt nhất lợi ích quốc gia - dân tộc:* CQĐĐ duy trì chế độ thông tin, báo cáo định kỳ; báo cáo nhanh, đột xuất về các vấn đề quốc tế và đối ngoại cần đặc biệt quan tâm (cạnh tranh chiến lược giữa nước lớn, suy thoái kinh tế toàn cầu...); trực tiếp triển khai các mặt công tác để phục vụ các hoạt động đối ngoại, nhất là các chuyển thăm cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Quốc hội.

- *Kiến nghị và triển khai các biện pháp cần thiết để thúc đẩy sự phát triển quan hệ giữa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế:* CQĐĐ đóng góp tích cực trong tham mưu chủ trương triển khai mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện. Từ năm 2009-nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với 10 nước² (không bao gồm các nước đã nâng cấp lên Đối tác Chiến lược toàn diện), Đối tác toàn diện với 12 nước³, nâng cấp từ Đối tác chiến lược lên Đối tác Chiến lược toàn diện với 14 nước⁴; qua đó đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam về kinh tế, thương mại, đầu tư, ngoại giao, quốc phòng, an ninh. CQĐĐ cũng có vai trò quan trọng trong đề xuất biện pháp và trực tiếp xử lý các vấn đề tồn tại, phát sinh,

² 2009: Tây Ban Nha, 2011: Đức, 2013: Italia, 2015: Philippines, 2025: Séc, Kazakhstan, Azerbaijan, Belarus, Phần Lan, Bulgaria.

³ 2010: Argentina, 2011: Ucraina, 2013: Đan Mạch, 2017: Myanmar, Canada, 2018: Hungary, 2019: Brunei, Hà Lan, 2024: Mông Cổ, UAE, 2025: Thụy Sĩ, Ai Cập.

⁴ 2012: Nga, 2016: Ấn Độ, 2022: Hàn Quốc, 2023: Hoa Kỳ, Nhật Bản, 2024: Pháp, Malaysia, Australia, Brazil, 2025: Indonesia, Thái Lan, Singapore, New Zealand, Anh.

không để ảnh hưởng đến các lợi ích an ninh, phát triển cũng như cục diện quan hệ đối ngoại của ta với các đối tác.

- Tại các diễn đàn đa phương, CQĐĐ làm tốt *vai trò đại diện, bảo vệ lợi ích và phát huy vị thế của đất nước, đặc biệt đã hỗ trợ tổ chức, tham gia, chủ trì thành công các hoạt động*, từng bước tạo được dấu ấn của Việt Nam theo tinh thần Chỉ thị số 25-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương. Từ năm 2009-nay, CQĐĐ có vai trò quan trọng, thiết yếu trong việc Việt Nam đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế⁵.

- Trong thời gian đại dịch Covid-19, CQĐĐ có vai trò nòng cốt *triển khai hiệu quả “ngoại giao y tế”, “ngoại giao vắc-xin”; tranh thủ kịp thời sự hợp tác, hỗ trợ của quốc tế về vắc-xin, trang thiết bị, vật phẩm y tế và thuốc điều trị*; đóng góp trực tiếp vào công cuộc phòng, chống và thích ứng an toàn với đại dịch; góp phần, từng bước khôi phục các hoạt động của đất nước, phục hồi phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- *Củng cố và tăng cường quan hệ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tại sở tại; tạo điều kiện thuận lợi thực hiện chính sách đối ngoại trong quan hệ với quốc gia, tổ chức quốc tế*: CQĐĐ từng bước thiết lập và xây dựng mạng lưới quan hệ với các cơ quan, cá nhân có vị trí, vai trò chủ chốt tại sở tại; là cầu nối trực tiếp với các đối tác, tạo cơ sở để Việt Nam từng bước xử lý ổn thỏa các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quan hệ. Trên cơ sở đó, CQĐĐ góp phần quan trọng phục vụ các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước⁶ tại các địa bàn.

- *Góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia - dân tộc, ổn định chính trị - xã hội*: CQĐĐ trực tiếp tham gia vào công tác theo dõi, nắm tình hình về biên giới, lãnh thổ, kịp thời cung cấp thông tin về nước, qua đó góp phần nâng cao công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu, kiến nghị các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến công tác biên giới, lãnh thổ; đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy công tác đàm phán phân định biên với các nước trong khu vực, đẩy mạnh đối thoại, hợp tác biển với các quốc gia trong khu vực, tích cực tuyên truyền, vận động, tranh thủ sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế, góp phần bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của ta trên Biển Đông, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác trên biển.

⁵ Trong đó có 02 nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực HĐBA (2008-2009 và 2020-2021); 02 năm chủ tịch ASEAN (2010, 2020); 03 nhiệm kỳ Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc 2014-2016, 2023-2025, 2026-2028; Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL); năm APEC Việt Nam 2017; Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN (WEF ASEAN) năm 2018; Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013-2017; Ủy ban Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2016-2018 (ECOSOC); 03 nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO 2009-2013, 2015-2019, 2021-2025...

⁶ Trong giai đoạn 2009-2025, CQĐĐ đã tham gia phục vụ khoảng 300 đoàn ra của lãnh đạo chủ chốt và hỗ trợ nhiều đoàn bộ, ban, ngành, địa phương thăm, làm việc tại các nước, dự Hội nghị đa phương quốc tế quan trọng, qua đó góp phần thúc đẩy quan hệ của ta với các đối tác, tổ chức quốc tế, nhất là các nước láng giềng, khu vực, các nước lớn, đối tác quan trọng và các nước bạn bè truyền thống.

1.2. Thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước

CQĐD đã bám sát, thực hiện tốt đường lối, chính sách và các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về ngoại giao kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế⁷.

Hoạt động của CQĐD góp phần tích cực thúc đẩy, làm sâu sắc hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư với các đối tác, thu hút hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, đóng góp vào các thành tựu phát triển kinh tế - xã hội ấn tượng và duy trì đà tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam ngay cả trong những thời điểm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- *Phát huy thế mạnh về thông tin tại các địa bàn, tích cực triển khai công tác nghiên cứu, tham mưu chiến lược về kinh tế:* Kịp thời phản ánh diễn biến kinh tế thế giới và khu vực, các vấn đề lớn, xu thế liên kết kinh tế, xu hướng phát triển mới, các động thái điều chỉnh chính sách, pháp luật và kinh tế của các nước có tác động đến Việt Nam, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế để tham mưu, phục vụ xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện các quy định pháp luật. CQĐD tích cực kết nối các tổ chức quốc tế, cơ quan nghiên cứu quốc tế có uy tín (như WB, IMF, WEF, OECD, các trường đại học, trung tâm nghiên cứu lớn, các chuyên gia hàng đầu...) với các cơ quan, bộ, ngành, địa phương để tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đối thoại và tư vấn chính sách với các chương trình hợp tác và sản phẩm cụ thể, đóng góp thiết thực vào công tác tham mưu cho Đảng và Chính phủ trong hoạch định chính sách và điều hành kinh tế - xã hội.

- *Phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong huy động nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế đất nước:* CQĐD kiên trì vận động chính trị - ngoại giao, góp phần thúc đẩy nhiều thị trường lớn từng bước dỡ bỏ các rào cản (Mỹ, EU, Nhật Bản...) cho xuất khẩu của Việt Nam; thúc đẩy, khơi thông thị trường các nước bạn bè truyền thống và tiềm năng (Mỹ La tinh, Trung Đông - Châu Phi...), hỗ trợ xử lý các tranh chấp, vướng mắc thương mại; tạo thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường thế giới. CQĐD cũng cung cấp thông tin, phối hợp trong công tác vận động chính trị, ngoại giao để các nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam⁸; hỗ trợ vận động, thu hút đầu tư, nguồn vốn ODA, vay ưu đãi và viện trợ nước ngoài phục vụ thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân, kiều bào tại các địa bàn.

Với chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm”, CQĐD phối hợp với các bộ, ngành tham mưu chiến lược, tham gia đàm phán, hỗ trợ ký kết và thúc đẩy triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA

⁷ Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCHTW Đảng khoá XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế; Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030, Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược thu hút FDI giai đoạn 2021 - 2030...

⁸ Đến nay 71 quốc gia/vùng lãnh thổ đã công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường.

thế hệ mới⁹, góp phần đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu và mạng lưới liên kết kinh tế của khu vực và thế giới.

- *Hỗ trợ các ngành, địa phương và doanh nghiệp trong kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng và thiết thực*: CQĐD đẩy mạnh “ngoại giao nông sản”; đồng hành cùng ngành du lịch, xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam; thúc đẩy khai thông, tháo gỡ vướng mắc tại nhiều thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam; tăng cường kết nối địa phương, doanh nghiệp với các đối tác. Các CQĐD thông qua các bộ phận cán bộ biệt phái (Công Thương, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ...) chủ động, tích cực cập nhật thông tin chính sách thương mại, đầu tư, tập quán kinh doanh quốc tế, cảnh báo nguy cơ phòng vệ thương mại, kết nối giao thương cho các cơ quan, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân trong nước.

1.3. *Đẩy mạnh quan hệ văn hóa*

CQĐD phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt các đề án lớn, chiến lược quốc gia trong lĩnh vực văn hóa¹⁰ qua đó thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và đối tác; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và các quốc gia và nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Cụ thể:

- *Tích cực, chủ động thúc đẩy công tác nghiên cứu về kinh nghiệm xây dựng, phát triển văn hóa và triển khai ngoại giao văn hóa (NGVH) của các quốc gia, tổ chức quốc tế để tham mưu hiệu quả cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng chủ trương¹¹, chính sách¹² về văn hóa và NGVH*. CQĐD kiến nghị, đề xuất nhiều biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về văn hóa và tăng cường quan hệ hợp tác văn hóa giữa Việt Nam với các nước, cả ở trung ương và địa phương.

- *Công tác tuyên truyền, quảng bá về lịch sử, văn hóa, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam được triển khai đồng bộ, thường xuyên và hiệu quả trên khắp thế giới*: CQĐD phối hợp với các cơ quan liên quan tích cực triển khai thực hiện Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài” tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ với

⁹ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu, FTA Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...

¹⁰ Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài”, Chiến lược phát triển văn hóa, Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, Chiến lược văn hóa đối ngoại, Chiến lược Ngoại giao văn hóa, Chiến lược thông tin đối ngoại...

¹¹ Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCHTW Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kết luận số 85-KL/TW ngày 19/8/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục triển khai Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất, ở nước ngoài”...

¹² Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2020; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành Công nghiệp Văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

nhiều hình thức, quy mô đa dạng, phong phú¹³; thúc đẩy UNESCO công nhận nhiều danh hiệu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam; vinh danh và thông qua Nghị quyết cùng tham gia kỷ niệm năm sinh/năm mất của một số Danh nhân như Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu... tạo cơ sở để bạn bè quốc tế hiểu biết thêm về lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp, những tư tưởng tiến bộ, nhân văn của Việt Nam.

Các CQĐD đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thành công các Chương trình Tuần/Ngày Việt Nam tại nhiều quốc gia. Các hoạt động văn hóa đa dạng hướng tới đông đảo công chúng và cộng đồng người Việt Nam ở sở tại như: triển lãm tranh/ảnh, giới thiệu tinh hoa ẩm thực Việt, không gian Việt Nam, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, chiếu phim Việt Nam... góp phần giới thiệu về đất nước, con người và nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; truyền tải thông điệp về các định hướng phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- *Giới thiệu với cơ quan, tổ chức và nhân dân Việt Nam về lịch sử, văn hóa, hình ảnh đất nước, con người của quốc gia tiếp nhận*: CQĐD đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp thu, tiếp biến, học hỏi có chọn lọc các giá trị văn hóa đặc sắc của nhân loại, trong đó có văn hóa kinh doanh, tri thức khoa học tự nhiên và xã hội... Hằng năm, CQĐD đã giới thiệu, hỗ trợ tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nước ngoài tại Việt Nam, trong đó, nhiều hoạt động lớn, quy mô đã trở thành sự kiện thường niên được công chúng Việt Nam mong đợi¹⁴.

1.4. Thống nhất quản lý đối ngoại

CQĐD bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện cơ quan, tổ chức Việt Nam tại các quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thống nhất quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; tổng kết, đánh giá hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; kiến nghị biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam được thực hiện thống nhất ở nước ngoài. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, phối hợp của CQĐD với các cơ quan Việt Nam khác trên cùng địa bàn (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, Trung tâm xúc tiến thương mại...) cũng được thực hiện nghiêm túc theo tinh thần của Luật CQĐD¹⁵.

1.5. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự

Luật CQĐD đã kế thừa những nội dung và giá trị cốt lõi của Pháp lệnh lãnh sự ngày 13/11/1990, nội luật hóa các quy định của Công ước Viên năm 1961 về

¹³ Gồm: hội nghị, hội thảo quốc tế, triển lãm tranh, ảnh, dịch các tác phẩm của Bác và về Bác sang tiếng nước ngoài, dựng phim, sáng tác thơ ca về Bác, xây dựng các công trình như tượng đài, biển tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài...

¹⁴ Liên hoan phim Châu Âu, Liên hoan Âm nhạc Châu Âu, Ngày quốc tế Yoga (Ấn Độ), Lễ hội hoa anh đào (Nhật Bản), Hòa nhạc Toyota, chương trình nghệ thuật K-pop (Hàn Quốc), chiếu phim Hàn Quốc, Lễ hội Ẩm thực Hàn Quốc, các chương trình nghệ thuật Trung Quốc, Nga...

¹⁵ Duy trì giao ban định kỳ với đại diện của các cơ quan khác của Việt Nam tại địa bàn; phổ biến, hướng dẫn chủ trương, đường lối đối ngoại; trao đổi các biện pháp phối hợp tổ chức hoạt động đối ngoại một cách hiệu quả, bài bản và thống nhất...

quan hệ ngoại giao và Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự¹⁶. Trong quá trình triển khai Luật, các CQĐD thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ lãnh sự. Cụ thể:

- *Bảo hộ công dân, bảo vệ tính mạng, quyền và lợi ích chính đáng của công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài*: Từ năm 2009 đến nay, Bộ Ngoại giao và các CQĐD đã phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác bảo hộ đối với hơn 150.000 công dân gặp khó khăn, cần sự trợ giúp tại nước ngoài; số lượng bảo hộ tàu cá, ngư dân ta vi phạm vùng biển bị bắt giữ là hơn 1.900 tàu/16.000 ngư dân; ngoài ra còn phối hợp ứng phó với hơn 100 cơn bão, xin phép tránh trú cho hàng chục ngàn lượt tàu thuyền và hàng trăm ngàn ngư dân, thuyền viên. CQĐD đã phát huy vai trò tuyến đầu, triển khai các đợt công tác lớn, đợt xuất, giải cứu, hỗ trợ công dân trong các tình huống khủng hoảng về an ninh, an toàn hay thiên tai, dịch bệnh¹⁷. CQĐD cũng đã tham gia xử lý kịp thời nhiều vụ việc phức tạp, chưa từng có tiền lệ, trong đó có những vụ việc liên quan đến công dân ta vi phạm pháp luật ở nước ngoài; bảo đảm công dân và pháp nhân Việt Nam được hưởng đầy đủ quyền và lợi ích tại quốc gia tiếp nhận, phù hợp với pháp luật sở tại và thông lệ quốc tế. Trong thời kỳ dịch Covid-19, CQĐD đã tích cực hỗ trợ công dân đi lại khi các nước đóng cửa biên giới; đề nghị các nước gia hạn lưu trú phù hợp và bảo đảm sức khỏe của công dân ta ở nước ngoài.

- *Thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự khác*: Các CQĐD đã thực hiện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ hộ chiếu, thị thực, giấy thông hành và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật; các nhiệm vụ liên quan đến quốc tịch, hộ tịch, con nuôi; công chứng, chứng thực; ủy thác tư pháp; hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của nước ngoài và Việt Nam; phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến phòng dịch, kiểm dịch động vật, thực vật; và các nhiệm vụ lãnh sự khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và không trái với pháp luật của quốc gia tiếp nhận hoặc theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên.

Công tác lãnh sự tại các CQĐD thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng thể hiện tinh thần và nỗ lực đổi mới, cải thiện chất lượng công tác lãnh sự của các CQĐD, trong đó có việc kiện toàn tổ chức, nhân sự liên quan đến công tác lãnh sự, đề cao tinh thần phục vụ người dân, nâng cao chất lượng phục vụ. Các CQĐD đã thực hiện chủ động hiệu quả công tác cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ hộ chiếu, thị thực...

¹⁶ Đề cập đến khái niệm về các CQĐD lãnh sự, viên chức lãnh sự, khu vực lãnh sự, việc thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự và bảo hộ công dân của các CQĐD (Điều 2, 4, 8), phân công thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan đại diện lãnh sự (Điều 12), quy định về chức vụ lãnh sự (khoản 2 Điều 18), Lãnh sự danh dự (Khoản 8 Điều 4 và Điều 28) và trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động của Lãnh sự danh dự (Khoản 7 Điều 32)...

¹⁷ Hỗ trợ đưa hơn 11.000 lao động (năm 2011), 1.750 lao động (năm 2014) ở Li-bi về nước; Sơ tán hơn 6.000 người Việt chịu ảnh hưởng bởi xung đột Nga - U-crai-na năm 2022 đến khu vực an toàn (trong đó khoảng 1.700 người trực tiếp trở về Việt Nam qua các chuyến bay do Chính phủ tổ chức); Sơ tán gần 1.400 công dân từ Myanmar về nước (năm 2023) bằng cả đường hàng không và đường bộ do xung đột vũ trang ở khu vực phía bắc Myanmar.

1.6. Hỗ trợ, bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN)

Công tác về NVNONN được các CQĐD triển khai toàn diện, hiệu quả tạo nhiều chuyên biến tích cực, mẽ trên mọi mặt theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới và đạt được nhiều kết quả, góp phần xây dựng cộng đồng NVNONN đoàn kết, vững mạnh, hội nhập vào xã hội sở tại, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa NVNONN với quê hương, đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Một số kết quả nổi bật là:

- *Phổ biến, rà soát chính sách, pháp luật liên quan đến NVNONN và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NVNONN khi trở về Việt Nam sinh sống, học tập, đầu tư, kinh doanh.*

- *Tạo điều kiện và hỗ trợ cho NVNONN ổn định cuộc sống, hội nhập với xã hội tại sở tại.* CQĐD đã thu xếp các buổi Lãnh đạo Đảng, Nhà nước gặp mặt NVNONN trong khuôn khổ các chuyến thăm cấp cao, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với NVNONN; lắng nghe những ý kiến đóng góp và giải đáp những phản ánh của NVNONN. Các CQĐD đã kiến nghị và trực tiếp triển khai những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Việt Nam, ngăn ngừa hành động phân biệt đối xử đối với cộng đồng người Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

- *Khuyến khích NVNONN giữ gìn bản sắc dân tộc, hướng về Tổ quốc:* Các CQĐD đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa để gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương đất nước. CQĐD chủ động cung cấp thông tin về tình hình kinh tế xã hội trong nước, thông tin về chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; chủ động tiếp xúc, vận động đấu tranh với một số cá nhân còn định kiến, hiểu chưa đúng về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam; vận động NVNONN tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước như đầu tư kinh doanh phục vụ phát triển đất nước, các hoạt động thiện nguyện, đóng góp vật chất cho công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

1.7. Quản lý cơ sở vật chất của CQĐD

Bộ Ngoại giao và các CQĐD tổ chức, thực hiện việc quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất, cơ sở vật chất theo đúng quy định tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP.

Việc sắp xếp, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới trụ sở, nhà ở của CQĐD tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đấu thầu có liên quan tại từng kỳ, thực hiện theo thứ tự ưu tiên áp dụng Điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia tiếp nhận rồi đến pháp luật Việt Nam.

(Về tình hình hiện trạng trụ sở, cơ sở vật chất của các CQĐD xin thông tin tại Phụ lục 2 kèm theo).

1.8. Phân công thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các CQĐD

CQĐD cơ bản đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật CQĐD trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - thương mại, đầu tư, văn hóa, giáo dục; lãnh sự, công tác bảo hộ công dân, công NVNONN, thông tin tuyên truyền đối ngoại..., cụ thể:

- *Mở rộng và củng cố mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện*, quan hệ với các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống; tham gia tích cực tại nhiều cơ chế, diễn đàn, hội nghị đa phương quan trọng¹⁸; đóng góp tích cực và thực chất, truyền tải thông điệp mạnh mẽ về một Việt Nam độc lập, tự chủ, đổi mới, yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, đóng góp tích cực và có trách nhiệm cho hòa bình, hợp tác, phát triển và tiến bộ trên thế giới.

- *Chủ động tham mưu, đề xuất và thúc đẩy các sáng kiến tạo đột phá trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*, mở rộng mạng lưới các Hiệp định thương mại tự do (đến nay Việt Nam đã ký kết 17 FTA, trong đó 16 FTA đã có hiệu lực), và tăng cường tham gia các khuôn khổ hợp tác kinh tế - thương mại với hầu hết các đối tác, trung tâm kinh tế lớn. Qua đó đưa hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam sang giai đoạn toàn diện, sâu rộng; đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của các địa phương.

- *Công tác lãnh sự được thực hiện ngày càng bài bản và chuẩn hóa* trong bối cảnh công tác bảo hộ lãnh sự, bảo hộ công dân đặc biệt tăng về khối lượng và mức độ phức tạp như bảo vệ quyền lợi hợp pháp công dân của ta cư trú bất hợp pháp tại các nước khi bị bắt giữ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, đấu tranh bảo vệ tàu cá và ngư dân Việt Nam trên các vùng biển.

- *Coi trọng công tác thông tin, tuyên truyền cho kiều bào*, giúp kiều bào hiểu hơn về chủ trương, chính sách, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Tại nước sở tại, CQĐD phối hợp triển khai nhiều biện pháp vận động chính quyền địa phương tạo thuận lợi cho kiều bào làm ăn, sinh sống ổn định, phối hợp với các cơ quan trong nước lồng ghép vấn đề hỗ trợ kiều bào vào các chuyến thăm cấp cao và tiếp xúc với chính quyền sở tại.

2. Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí và trụ sở của CQĐD

Trên cơ sở các quy định khung tại các Điều 14, 15 và 16 của Luật CQĐD, Bộ Ngoại giao đã tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản hướng dẫn trong việc triển khai tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí, trụ sở của CQĐD¹⁹.

Trong những năm qua, cùng với việc phát triển quan hệ về chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và các nước, nhiệm vụ của CQĐD trên tất cả các lĩnh vực vì thế ngày càng tăng về số lượng và đòi hỏi hoàn thành với chất

¹⁸ Với vị thế và uy tín ngày càng cao, Việt Nam được quốc tế tin nhiệm bầu vào nhiều tổ chức đa phương quan trọng như Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025, Hội đồng Khai thác Bưu chính của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), tái cử vào Ủy ban Luật pháp Quốc tế (ILC)...

¹⁹ Quyết định số 1217/QĐ-BNG ngày 06/5/2011 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng nhóm CQĐD, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công và Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính...

lượng cao. Trong bối cảnh Đảng và Chính phủ chủ trương tinh giản biên chế và Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo về tạm thời không tăng biên chế tại các CQDD, thành viên CQDD, trong đó có cả cán bộ biệt phái, càng cần phải chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả và kiêm nhiệm nhiều mảng công tác hơn. Thời gian qua, các CQDD đều thực hiện cơ chế phân công cán bộ kiêm nhiệm nhiều mảng công tác khác nhau. Tại nhiều địa bàn, Bộ Ngoại giao chủ động tạm thời không bố trí hết biên chế được giao của Bộ Ngoại giao và dành một số chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan có cán bộ biệt phái khác để bảo đảm tiết kiệm ngân sách và hiệu quả hoạt động.

Những kết quả đạt được về việc thực hiện quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động của CQDD; thực hiện các quy định về bộ máy, tổ chức và biên chế của CQDD; kinh phí, trụ sở, cơ sở vật chất của CQDD trong thời gian qua đã góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của các CQDD, phản ánh năng lực của cán bộ ngoại giao có thể kiêm nhiệm nhiều mảng công tác khác nhau tại CQDD và sự nỗ lực, phối hợp chặt chẽ giữa các CQDD với các bộ, ngành trong nước (*Kết quả cụ thể được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo*).

3. Kết quả thực hiện các quy định về thành viên CQDD

3.1. Việc thực hiện tiêu chuẩn thành viên CQDD tại Điều 17

Nội dung quy định về tiêu chuẩn thành viên CQDD được quy định tại Điều 17 Luật CQDD năm 2009 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cán bộ, nhân viên CQDD là nòng cốt cho triển khai nhiệm vụ chuyên môn; cùng với sự tham gia của lực lượng phụ nhân, phụ quân thành viên CQDD đã góp phần hỗ trợ công tác đối ngoại và tham gia thúc đẩy công tác cộng đồng (nhất là các nhiệm vụ chính trị - đa phương, song phương, công tác lãnh sự - bảo hộ công dân...)

Đội ngũ thành viên CQDD đều đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chính trị, được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ phục vụ yêu cầu công tác, có kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn, luôn nghiêm túc chấp hành pháp luật Việt Nam, quy định tại từng CQDD; có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước và công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ và giữ gìn hình ảnh, uy tín, danh dự và lợi ích của đất nước, không lạm dụng quyền ưu đãi, miễn trừ được hưởng vì lợi ích cá nhân; tôn trọng pháp luật và tập quán của nước sở tại, đóng góp tích cực vào việc duy trì và củng cố quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam với các nước, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo và điều hành của Người đứng đầu; duy trì chế độ báo cáo và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Việc thực hiện nhiệm vụ của Người đứng đầu CQDD tại Điều 21

Luật CQDD quy định CQDD được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Theo đó, Người đứng đầu CQDD có quyền quyết định các vấn đề chỉ đạo, điều hành và quản lý toàn diện hoạt động của CQDD, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc

thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐD. Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-TTg²⁰ ngày 07/8/2012 phê duyệt Đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài (Quyết định số 1029), Người đứng đầu CQĐD được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phân cấp để quyết định về tổ chức các bộ phận và nhân sự cụ thể của CQĐD để phụ trách các mảng công tác phù hợp với ưu tiên công việc, số lượng nhân sự và khối lượng công việc cụ thể của CQĐD. Cũng theo Quyết định 1029, Người thứ Hai của CQĐD là cán bộ thuộc biên chế của Bộ Ngoại giao, có chức vụ phù hợp, được bổ nhiệm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Khi Người đứng đầu CQĐD tạm thời vắng mặt, người thứ Hai được chỉ định là người tạm thời đứng đầu CQĐD theo quy định tại Điều 12 của Luật CQĐD. Nhiều CQĐD đã tích cực phát huy vai trò thủ trưởng đơn vị, chỉ đạo, quản lý sát sao công việc của cơ quan và của thành viên CQĐD, đóng góp vào thành tích chung về đối ngoại, phát triển và làm sâu sắc hơn quan hệ giữa Việt Nam và nước sở tại, các tổ chức quốc tế.

3.3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, triệu hồi Người đứng đầu CQĐD tại Điều 20

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, triệu hồi Người đứng đầu CQĐD, thành viên khác của CQĐD được thực hiện nghiêm túc, bài bản, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân sự tại CQĐD ở nước ngoài, yêu cầu công việc tại địa bàn, cũng như các quy định về thẩm quyền, tiêu chuẩn, quy trình... của Luật CQĐD theo từng thời kỳ; hỗ trợ và đóng góp hiệu quả, thiết thực vào thành tích công tác đối ngoại chung của Việt Nam.

- Theo quy định tại Điều 20, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD năm 2017, thẩm quyền phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người đứng đầu CQĐD là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền (ĐMTQ) được giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và căn cứ nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi Đại sứ ĐMTQ.

- Tiêu chuẩn tiến cử, bổ nhiệm Đại sứ ĐMTQ được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật CQĐD năm 2009 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên cơ sở thẩm quyền theo quy định của Đảng, Bộ Ngoại giao xây dựng quy trình và thực hiện việc giới thiệu, tiến cử Người đứng đầu CQĐD bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

3.4. Việc thực hiện trách nhiệm của thành viên CQĐD và gia đình thành viên CQĐD tại các Điều 24, 25

Thành viên của CQĐD và thành viên gia đình, có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật và phong tục tập quán nước sở tại và luật pháp quốc tế; tích cực góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam và nước sở tại.

Cán bộ, nhân viên CQĐD nghiêm túc chấp hành sự chỉ đạo và điều hành của người đứng đầu CQĐD, báo cáo và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu

²⁰ Quyết định số 1029/QĐ-TTg là tài liệu tối mật, thay thế Quyết định số 196 áp dụng trong giai đoạn 2007 – 2011.

CQDD về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong thời gian qua, các thành viên CQDD đã thực hiện nghiêm túc các quy định nêu trên của Luật CQDD, tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại, một số ít trường hợp vi phạm quy định pháp luật sở tại phải xử lý kỷ luật đưa về nước trước hạn.

3.5. Việc thực hiện chế độ, chính sách cho thành viên CQDD và gia đình của thành viên CQDD tại Điều 26

Trước khi có quy định của Luật, các chế độ, chính sách đối với thành viên CQDD chỉ được quy định trong các văn bản dưới luật (Nghị định 157/2005/NĐ-CP và Nghị định 131/2007/NĐ-CP). Luật CQDD đã bổ sung các quy định có tính nguyên tắc về chế độ chính sách như chế độ sinh hoạt phí, phụ cấp, trợ cấp; chế độ nhà ở; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; chế độ nghỉ hàng năm; trợ cấp trong trường hợp bị thương hoặc bị chết; trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa... Việc “luật hoá” các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức công tác tại CQDD thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đời sống của cán bộ, tạo cơ sở pháp lý để thống nhất thực hiện chế độ, chính sách cho thành viên CQDD, đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất cơ bản của thành viên CQDD.

Việc Bộ Ngoại giao xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2019/NĐ-CP và Nghị định số 51/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2019/NĐ-CP nhằm cụ thể hoá và cải thiện chế độ chính sách cho thành viên và gia đình thành viên CQDD. Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao đã chỉ đạo các CQDD thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với thành viên CQDD và gia đình thành viên CQDD trong quá trình công tác nhiệm kỳ.

Có thể nói Nghị định 51/2024/NĐ-CP là một bước chuyển tích cực trong việc cải thiện cơ bản đời sống của cán bộ, nhân viên ngoại giao công tác nhiệm kỳ tại CQDD thông qua các quy định áp dụng mức sinh hoạt phí cho thành viên CQDD theo phân loại địa bàn, chế độ thai sản cho thành viên nữ, bảo hiểm và hỗ trợ học phí cho con dưới 18 tuổi đi theo thành viên CQDD, chế độ 50% sinh hoạt phí cho phu nhân/phu quân không đi theo thành viên CQDD, hỗ trợ vé máy bay khứ hồi hoặc vé khứ hồi của các phương tiện khác về Việt Nam hoặc nước thứ ba trong nhiệm kỳ công tác nếu từ thân phụ mẫu hoặc con đẻ, con nuôi qua đời ở Việt Nam hoặc nước thứ ba...

3.6. Việc thực hiện quy định về lãnh sự danh dự tại các Điều 28, 32

Chế định Lãnh sự danh dự (LSDD) được áp dụng rộng rãi trong quan hệ lãnh sự giữa các nước từ nhiều thế kỷ nay và đã được ghi nhận trong Công ước Viên năm 1963 về Quan hệ lãnh sự mà Việt Nam là thành viên. Qua thực tiễn hoạt động gần 25 năm qua của LSDD Việt Nam ở nước ngoài, có thể thấy rõ ràng hiệu quả của loại hình cơ quan lãnh sự này trong việc phát triển quan hệ song phương và hỗ trợ hoạt động bảo hộ công dân trong khi Nhà nước không phải chi trả cho hoạt động của các LSDD này.

LSDD thường được bổ nhiệm ở các quốc gia, vùng lãnh thổ ta chưa có điều kiện lập CQĐD ngoại giao hoặc CQĐD lãnh sự nhưng có công dân Việt Nam cư trú, lao động, học tập hoặc là nơi ta quan tâm phát triển quan hệ song phương trong một số lĩnh vực. Ở một số nước mặc dù ta đã có CQĐD (như Nhật Bản, một số nước châu Âu...) nhưng vẫn có nhu cầu bổ nhiệm LSDD tại một số thành phố/vùng, miền của nước đó để hỗ trợ công tác bảo hộ công dân do địa bàn lãnh thổ rộng lớn hoặc là nơi có đông người Việt Nam cư trú, nhiều lao động xuất khẩu, phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài.

Trên cơ sở đó, Thông tư số 01/2020/TT-BNG về LSDD nước CHXHCN Việt Nam (Thông tư 01) được ban hành trên cơ sở Luật CQĐD đã tạo ra một khung pháp lý quy định cụ thể về thủ tục bổ nhiệm LSDD VN ở nước ngoài và các nội dung liên quan, qua đó giúp cho công tác LSDD ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

Đến nay, có 46 LSDD đang hoạt động²¹, góp phần mở rộng hệ thống LSDD của ta hiện diện ở khắp các châu lục, nhằm triển khai hiệu quả công tác lãnh sự và thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam và nước tiếp nhận.

3.7. Việc thực hiện quy định về nhân viên hợp đồng tại Điều 29

Về nhu cầu sử dụng lao động địa phương: Việc thuê lao động địa phương được Bộ Ngoại giao thực hiện nghiêm túc, quy trình chặt chẽ, cụ thể từng trường hợp trên cơ sở kiến nghị, đề xuất của mỗi CQĐD dựa trên việc xem xét, cân đối các yếu tố, điều kiện về: Nhu cầu công việc, quy định pháp luật của nước sở tại, tương quan chung với ngoại giao đoàn các nước cùng địa bàn (nhất là các nước trong khối ASEAN), lý lịch tư pháp của ứng viên, đồng thời bảo đảm không làm phát sinh thêm kinh phí trong dự toán ngân sách tự chủ CQĐD được giao. Bên cạnh đó, thỏa thuận giữa người lao động địa phương và CQĐD được nêu rõ trong hợp đồng lao động, được các đơn vị chức năng của Bộ Ngoại giao thẩm định trước khi cho phép CQĐD ký kết chính thức với yêu cầu chung về yêu cầu/cam kết hoàn thành công việc, chế độ đối với người lao động và khả năng đơn phương chấm dứt hợp đồng khi người lao động vi phạm hoặc CQĐD không có nhu cầu tiếp tục sử dụng; không để xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn phức tạp. Về mặt nội bộ, việc sử dụng lao động địa phương không ảnh hưởng đến tình hình biên chế, cơ cấu tổ chức của CQĐD.

4. Công tác chỉ đạo, quản lý, phối hợp công tác đối với CQĐD

4.1. Việc chỉ đạo và quản lý CQĐD

4.1.1. Về chỉ đạo CQĐD:

Được Chính phủ giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, chỉ đạo và điều hành về tổ chức và hoạt động của CQĐD, Bộ Ngoại giao thường xuyên chỉ đạo sâu sát các CQĐD bằng nhiều hình thức khác nhau:

- Hằng năm, Bộ Ngoại giao xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao và Chương trình hoạt động đối ngoại của các bộ, ngành, địa

²¹ (i) Châu Á: 11 LSDD; (ii) Châu Âu: 18 LSDD; (iii) Châu Mỹ: 6 LSDD; (iv) Trung Đông - Châu Phi: 11 LSDD.

phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, gửi các CQĐD để quán triệt triển khai các hoạt động đối ngoại trong năm.

- Đảng uỷ Bộ (Ban cán sự đảng Bộ trước đây) và Lãnh đạo Bộ Ngoại giao thường xuyên chỉ đạo các CQĐD bằng văn bản (điện mật và công điện) đối với các vấn đề cụ thể liên quan đến tổ chức và hoạt động của CQĐD. Đảng uỷ Bộ cũng ban hành Chương trình hành động đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm, gửi cho các CQĐD để triển khai thực hiện.

- Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngoại giao định kỳ 02-03 năm/lần tổ chức Hội nghị Ngoại giao²² tại Hà Nội với sự tham dự trực tiếp của tất cả các đồng chí đứng đầu CQĐD. Bên cạnh nhiệm vụ tập trung phân tích, đánh giá diễn biến và xu hướng tình hình thế giới, khu vực, quan hệ các nước lớn cũng như quan hệ giữa Việt Nam và các nước để từ đó tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách đối ngoại của đất nước trong giai đoạn tiếp theo, Hội nghị còn là dịp để Người đứng đầu CQĐD được trực tiếp nghe chỉ đạo của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Lãnh đạo Bộ Ngoại giao về các định hướng lớn trong công tác đối ngoại, các nhiệm vụ quan trọng cần triển khai trong thời gian tới. Sau mỗi Hội nghị Ngoại giao, Chương trình hành động của Hội nghị Ngoại giao đề ra các định hướng lớn về công tác đối ngoại sẽ được gửi đến các CQĐD và các đơn vị trong Bộ để thống nhất triển khai thực hiện.

- Các chỉ đạo đối với CQĐD tập trung vào một số nội dung sau: (i) Quán triệt sâu sắc và bám sát các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phối hợp chặt chẽ với các bộ phận của CQĐD và các cơ quan của các bộ, ngành, địa phương trong nước triển khai các biện pháp xử lý các vấn đề kịp thời, đúng đắn, đồng thời vẫn giữ hợp tác và hữu nghị với các nước liên quan; (ii) đảm nhận các trọng trách quốc tế và đăng cai các hoạt động song phương/đa phương quan trọng theo các mục tiêu, yêu cầu mà Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo; (iii) đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển theo Nghị quyết của Đại hội Đảng XIII, triển khai hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; Bộ Ngoại giao thường xuyên tổ chức Hội nghị trực tuyến do Thủ tướng Chính phủ chủ trì với 94 CQĐD ta ở nước ngoài về công tác ngoại giao kinh tế; (iv) đổi mới mạnh mẽ công tác NVNONN nhằm tranh thủ nguồn lực đóng góp cho phát triển đất nước, tăng cường quan hệ đối ngoại và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; triển khai hiệu quả, sáng tạo công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại nhằm quảng bá mạnh mẽ đất nước ra thế giới; đặc biệt coi trọng công tác bảo hộ công dân và chú trọng xử lý dứt điểm, kịp thời các vấn đề về công dân.

4.1.2. Về quản lý CQĐD

Việc quản lý các CQĐD được thực hiện qua một số phương thức như cập nhật chương trình công tác tuần, tháng, năm; xây dựng các báo cáo liên quan đến công tác chuyên môn theo định kỳ (06 tháng và 01 năm); cung cấp các thông tin tình hình khu vực phục vụ xây dựng bản tin A của Bộ Ngoại giao và kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính tại các CQĐD. Công tác quản lý CQĐD được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đúng quy định, trên cơ sở bám sát ý kiến chỉ đạo của Chính phủ,

²² Đến nay, Bộ Ngoại giao đã tổ chức thành công 31 Hội nghị Ngoại giao.

Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ trong triển khai công tác CQĐD (*Kết quả công tác quản lý CQĐD xin gửi kèm theo tại Phụ lục 4*).

4.2. Việc thực hiện trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật CQĐD. Triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Luật CQĐD, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã chỉ đạo tổ chức việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật tới toàn thể công chức, viên chức Bộ Ngoại giao, các thành viên CQĐD nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức và hành động, bảo đảm thực hiện hiệu quả các quy định của Luật. Việc quán triệt đầy đủ nội dung của Luật CQĐD đã tạo điều kiện cho việc triển khai Luật một cách hiệu quả và nhất quán, đặc biệt tại một số địa bàn có nhiều cơ quan của Việt Nam phải triển khai ngay việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và thống nhất quản lý CQĐD. Người đứng đầu CQĐD căn cứ quy định của Luật CQĐD và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, đồng thời xuất phát từ đặc thù địa bàn, theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, đã ban hành một số văn bản quy chế, quy định nội bộ của CQĐD như Quy chế làm việc của CQĐD, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản của CQĐD, Quy chế phối hợp giữa Đại sứ quán và các Tổng lãnh sự quán tại cùng địa bàn, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản của CQĐD, hoặc quy chế riêng về quản lý cán bộ biệt phái.

4.3. Việc cơ chế phối hợp công tác

- *Phối hợp giữa cơ quan, tổ chức Việt Nam và CQĐD*: Các cơ quan, tổ chức Việt Nam đã phối hợp tốt với các CQĐD, giúp các CQĐD chủ động hỗ trợ các hoạt động đối ngoại từ trong nước. Các CQĐD đã thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa các bộ, ngành, địa phương trong nước với các cơ quan, địa phương ở nước sở tại; chủ động cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa các doanh nghiệp, địa phương của Việt Nam với sở tại và ngược lại; phối hợp tốt trong việc tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư... hoặc hỗ trợ các chuyến thăm, làm việc tại nước ngoài của các đoàn trong nước, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương không ngừng phát triển.

- *Phối hợp giữa đoàn được cử đi công tác nước ngoài và CQĐD*: Điều 34 Luật CQĐD quy định đoàn của các cơ quan, tổ chức của Việt Nam được cử đi công tác nước ngoài có trách nhiệm thông báo kịp thời cho CQĐD về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận để CQĐD phối hợp công tác, hỗ trợ thu xếp chương trình làm việc nếu đoàn có nhu cầu; khi kết thúc hoạt động thì có hình thức thông báo kết quả hoạt động cho CQĐD. Do Luật không quy định cụ thể nên việc thông báo có thể được thực hiện linh hoạt theo nhiều hình thức khác nhau (liên hệ qua điện thoại, email hoặc văn bản). Yêu cầu phối hợp công tác giữa đoàn đi công tác nước ngoài và CQĐD phát huy kết quả tích cực trong thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực của đoàn, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của CQĐD.

- *Phối hợp giữa cơ quan có cán bộ biệt phái và CQĐD*: Điều 33, 34 và 35 của Luật CQĐD năm 2009 đã quy định cụ thể và chi tiết trách nhiệm phối hợp công tác giữa các cơ quan, tổ chức trong nước với các CQĐD. Ngoài ra, Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BNG-BNV ngày 15/8/2012 và Quyết định số 965/QĐ-BNG ngày

08/4/2011 đã quy định chi tiết việc phối hợp giữa các cơ quan có cán bộ biệt phái công tác tại CQĐD với Bộ Ngoại giao trong tuyển chọn, cử cán bộ, quản lý và thực hiện các chế độ chính sách liên quan.

Luật và Thông tư liên tịch không quy định về cách thức báo cáo công tác nhằm linh hoạt và thuận lợi cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả tổng kết tại một số cơ quan có cán bộ biệt phái như Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ... đều khẳng định về cơ bản cán bộ biệt phái quán triệt và tuân thủ thực hiện quy định này.

5. Vướng mắc, hạn chế trong quá trình triển khai thi hành quy định của Luật CQĐD

Dù đạt những kết quả tích cực nhưng quá trình thi hành Luật CQĐD cũng gặp phải một số khó khăn vướng mắc như: chưa đáp ứng được yêu cầu thi hành quy định mới của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của CQĐD trong thực hiện chủ trương mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ đối ngoại, đặc biệt là những đối tác chiến lược, tổ chức quốc tế quan trọng. Mặt khác, do tình hình thế giới không ngừng biến động, với sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học, công nghệ đã làm thay đổi nhiều phương thức triển khai công tác đối ngoại và đặt ra những thách thức mới cho CQĐD.

5.1. Về công tác quản lý biên chế

Xuất phát từ những quy định tương đối chặt chẽ về biên chế, việc phân công một cán bộ kiêm nhiệm nhiều công việc tại CQĐD, nhất là các CQĐD có chỉ tiêu biên chế ít (3-5 người) và kiêm nhiệm nhiều địa bàn dẫn đến tình trạng quá tải hoặc kết quả công tác chưa đáp ứng yêu cầu. Cán bộ kiêm nhiệm gặp khó khăn trong việc thu xếp công việc và cuộc sống cá nhân, chất lượng kết quả công việc chưa sâu, CQĐD gặp hạn chế trong bố trí lực lượng, thu xếp cán bộ tham gia các hoạt động đối ngoại.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước đã mở ra nhiều lĩnh vực hợp tác mới khiến cho nhu cầu bổ sung biên chế và tăng cường sự tham gia của các bộ, ngành tại các CQĐD ngày càng gia tăng, trong khi quy trình đề bổ sung biên chế hiện nay khá phức tạp, qua nhiều cấp xét, duyệt khác nhau, trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

5.2. Về công tác tài chính, tài sản

Hiện chưa có cơ chế tài chính đặc thù cho phép thực hiện chi khẩn cấp. Bên cạnh các hoạt động thường xuyên, các CQĐD thường xuyên phải đối mặt với những tình huống đột xuất, khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng chính trị, xung đột vũ trang hoặc biến động an ninh tại nước sở tại. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế tài chính đặc thù cho phép thực hiện chi khẩn cấp trong các trường hợp này. Mọi khoản chi phát sinh, dù cấp bách, vẫn phải tuân thủ đầy đủ quy trình lập dự toán, xin bổ sung dự toán, cấp phát và quyết toán như các khoản chi thông thường trong nước. Quy trình này mất nhiều thời gian, qua nhiều cấp phê duyệt, không phù hợp với yêu cầu xử lý nhanh của các tình huống khẩn cấp.

5.3. Về công tác lãnh sự

5.3.1. *Về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD Việt Nam ở nước ngoài:* Trước khi Luật CQĐD được ban hành, hoạt động của LSDD Việt Nam ở nước ngoài được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990. Theo khoản 3 Điều 15 Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã ký Quyết định số 06/NG-QĐ ban hành Quy chế về LSDD Việt Nam năm 1994, trong đó quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

Năm 2009, Luật CQĐD được ban hành, thay thế Pháp lệnh Lãnh sự năm 1990, trong đó quy định "thủ tục bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của LSDD Việt Nam được thực hiện theo quy định liên quan" (Khoản 2 Điều 28) và quy định trách nhiệm bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với LSDD của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Khoản 7 Điều 32). Tuy nhiên, Luật không quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đối với việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD.

Năm 2024, trong quá trình kiểm tra bước đầu các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Ngoại giao ban hành, Bộ Tư pháp đã từng có ý kiến²³ cho rằng Thông tư số 01/2020/TT-BNG ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về LSDD nước CHXHCN Việt Nam (Thông tư 01) có dấu hiệu "trái pháp luật" (theo Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao chỉ có nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động của LSDD Việt Nam; không có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của LSDD). Trong giải trình, Bộ Ngoại giao đã nêu rõ Thông tư 01 là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của LSDD Việt Nam ở nước ngoài và công tác quản lý LSDD của Bộ Ngoại giao.

Từ khía cạnh pháp lý, để bảo đảm khung pháp lý đầy đủ và rõ ràng, cần bổ sung quy định về trách nhiệm trên của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong Luật CQĐD.

5.3.2. *Về việc cơ quan lãnh sự do LSDD đứng đầu không phải là CQĐD theo quy định của Luật:* Vẫn còn cách hiểu khác nhau về việc lãnh sự danh dự có phải là thành viên CQĐD hay không. Theo công ước Viên 1961 thì Lãnh sự danh dự được hưởng hầu hết các quyền ưu đãi miễn trừ đối với cá nhân và trụ sở, tài sản, trang thiết bị như đối với cán bộ lãnh sự là thành viên CQĐD. Tuy nhiên hiện nay, Luật đang quy định LSDD không phải là thành viên CQĐD do không phải là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và đáp ứng quy định của Bộ Ngoại giao. Trong quá trình kiểm tra bước đầu các văn bản quy phạm do Bộ Ngoại giao ban hành, Bộ Tư pháp cũng từng cho rằng LSDD là viên chức lãnh sự, theo đó được coi là thành viên CQĐD (Khoản 5 Điều 4 Luật CQĐD) và được hưởng các chế độ của thành viên CQĐD.

²³ Công văn số 996/BTP-KTrVB ngày 01/3/2024 và Giấy mời số 412/GM-KTr VB ngày 06/5/2024 của Bộ Tư pháp.

5.4. Về cơ chế phối hợp liên ngành tại CQDD

Luật đã có quy định về công tác phối hợp, tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn nhiều khó khăn, chủ yếu do các văn bản hướng dẫn chưa quy định rõ ràng về thẩm quyền của Người đứng đầu CQDD với cán bộ biệt phái và trách nhiệm báo cáo, thông tin của cán bộ biệt phái đối với Người đứng đầu CQDD; thiếu hướng dẫn cụ thể về cơ chế phối hợp, thông tin giữa các bộ, ngành chủ quản trong nước với các CQDD; chưa có các quy định cụ thể về chế tài xử lý khi nảy sinh xung đột, bất đồng. Mặt khác, Luật chưa có quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm quản lý của Đại sứ quán đối với các CQDD khác trên cùng một địa bàn, dẫn đến những vướng mắc trong việc thực hiện thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại và công tác kiểm tra, giám sát ...

5.5. Về thời hạn nhiệm kỳ

Nhiều bộ, cơ quan và CQDD đánh giá thời gian 36 tháng như hiện nay chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công việc ngày càng cao.

5.6. Về mô hình Đại sứ chuyên trách theo lĩnh vực

Trong bối cảnh ngoại giao hiện đại, đất nước thúc đẩy mở rộng hợp tác trong nhiều lĩnh vực mới, chuyên biệt, thường xuyên có những trường hợp cần tìm hiểu thông tin, tranh thủ sự ủng hộ của các nước, cần phản ứng nhanh về một vấn đề cụ thể, vận động về các lĩnh vực trực tiếp liên quan đến lợi ích của ta. Theo đó, mô hình Đại sứ chuyên trách theo lĩnh vực là mắt xích cần thiết nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế và bảo đảm mục tiêu tiết kiệm ngân sách, không thành lập mới thêm tổ chức, không làm tăng biên chế. Đây là cơ chế linh hoạt, hữu hiệu tận dụng kinh nghiệm chuyên sâu của các chuyên gia, nhất là trong những trường hợp làm việc với đối tác cao cấp, cần sự tham mưu, quyết định trong thời gian gấp. Hiện Luật CQDD năm 2009 và Luật CQDD sửa đổi, bổ sung năm 2017 chưa đề cập đến mô hình Đại sứ chuyên trách theo lĩnh vực. Luật CQDD quy định Người đứng đầu CQDD có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQDD, trong đó có nhiệm vụ về thúc đẩy quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh, kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục - đào tạo, du lịch, nguồn nhân lực và các vấn đề khác của quốc gia. Tuy nhiên, trên thực tế, người đứng đầu CQDD không phải lúc nào cũng có những hiểu biết và kinh nghiệm chuyên sâu về lĩnh vực cụ thể. Theo đó, việc xem xét, bổ sung quy định về mô hình Đại sứ chuyên trách (hoặc Đặc phái viên/Đại diện/Cố vấn chuyên trách) theo lĩnh vực, tùy vào yêu cầu nhiệm vụ và thời điểm cụ thể là hết sức cần thiết.

5.7. Về việc ký kết thỏa thuận hợp tác của CQDD với đối tác nước ngoài

Qua theo dõi, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số CQDD phát sinh nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài, ví dụ Đại sứ quán Việt Nam tại Phi-líp-pin có nhu cầu ký Thỏa thuận hợp tác máy nông nghiệp với Bộ Nông nghiệp Phi-líp-pin, Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ có nhu cầu ký văn kiện hợp tác với Chính quyền thành phố Los Angeles, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với Đại học Seinan, Nhật Bản, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thượng Hải có nhu cầu ký Bản ghi nhớ

hợp tác với Văn phòng Ngoại vụ tỉnh Giang Tô (Trung Quốc), Tổng Lãnh sự quán tại Sydney có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học Công nghệ Sydney, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với tỉnh Miyagi (Nhật Bản)... Tuy nhiên, kết quả của việc ký kết không được thông báo về đơn vị phụ trách pháp chế của Bộ Ngoại giao. Theo quy định tại Điều 2 Luật CQDD, CQDD thực hiện chức năng đại diện chính thức của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với quốc gia tiếp nhận. CQDD không phải là đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao mà là cơ quan do Bộ Ngoại giao quản lý trực tiếp theo Điều 3 Nghị định số 28/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, Luật CQDD và Luật Thỏa thuận quốc tế không quy định việc ký thỏa thuận hợp tác của CQDD. Theo đó, CQDD khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình được tiếp xúc, trao đổi và có thể ký kết các văn bản hợp tác đơn giản, không mang tính ràng buộc nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ giữa CQDD với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn phụ trách, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trên thực tế, các CQDD nước ngoài tại Việt Nam đã ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan, địa phương Việt Nam²⁴. Các thỏa thuận quốc tế này nhìn chung đều được thực hiện thực chất và mang lại hiệu quả. Trên cơ sở đó, cần xem xét nghiên cứu bổ sung quy định tạo cơ sở pháp lý cho việc ký kết thỏa thuận hợp tác giữa CQDD và đối tác nước ngoài trên cơ sở phù hợp với nhiệm vụ được giao tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQDD.

Căn cứ thực tiễn hoạt động tại các CQDD, trong quá trình áp dụng các Luật chuyên ngành và văn bản hướng dẫn triển khai còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập (*Phụ lục 5 kèm theo*), đòi hỏi không chỉ sửa đổi, bổ sung Luật CQDD mà phải điều chỉnh, bổ sung, cập nhật hoặc thay thế các văn bản dưới Luật trực tiếp điều chỉnh, hướng dẫn chi tiết các quy định khung được nêu tại Luật CQDD nhằm bảo đảm tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành và dễ dàng hơn trong thực hiện công tác đối ngoại tại các CQDD.

6. Một số yêu cầu, nhiệm vụ mới

Với định hướng của Đảng và mục tiêu xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh đối ngoại - quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tương xứng với thế và lực của đất nước, Luật CQDD cần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời để bảo đảm phù hợp với tinh thần của các Nghị quyết, chủ trương mới của Đảng, Chính phủ²⁵ và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Những

²⁴ Ví dụ Kế hoạch hợp tác năm 2025 - 2026 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam ký ngày 26/5/2025, Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam về việc Ấn Độ tài trợ thực hiện dự án hiệu quả nhanh tại tỉnh Quảng Trị ký ngày 25/8/2020, Thỏa thuận hợp tác giữa Thành phố Đà Nẵng và Đại sứ quán Ai-xơ-len tại Hà Nội ký ngày 03/3/2017...

²⁵ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột

yêu cầu mới đặt ra về hội nhập quốc tế, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền đòi hỏi CQĐD phải đổi mới mạnh mẽ về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, tiêu chuẩn cán bộ cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan để nâng cao hiệu quả hoạt động, tránh trùng lặp, lãng phí nguồn lực.

Định hướng đường lối "đổi ngoại tiên phong" của Nghị quyết 59-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ mở rộng và làm sâu sắc hơn các kênh ngoại giao chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, NVNONN. Các yêu cầu về mở rộng hợp tác sang những lĩnh vực mới và mang tính chiến lược; đẩy mạnh thông tin đối ngoại, nhất là trên nền tảng số, gắn với nhiệm vụ bảo vệ hình ảnh quốc gia và chủ quyền trên không gian mạng; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa CQĐD và bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, hội đoàn sở tại trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Luật CQĐD hiện hành chủ yếu hợp tác truyền thống như ngoại giao chính trị, kinh tế, văn hóa, lãnh sự, bảo hộ công dân... mà chưa cập nhật kịp thời các nhiệm vụ mới phát sinh như xúc tiến hợp tác số, bảo vệ sở hữu trí tuệ số, chuyển giao công nghệ AI, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong chuyển đổi số, tham gia bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống khủng bố mạng, hợp tác năng lượng xanh, bảo vệ cộng đồng kiều bào trong di cư toàn cầu. Khi các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế, CQĐD lại thiếu cơ sở pháp lý để hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và thúc đẩy hợp tác.

Mặt khác, Luật CQĐD cần sửa đổi, điều chỉnh các nội dung cụ thể hơn về nhiệm vụ thúc đẩy đối ngoại Đảng, ngoại giao kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục, văn hóa theo tinh thần hội nhập toàn diện; cơ chế phối hợp đối ngoại đa ngành trên cùng địa bàn, bảo đảm thống nhất quản lý là hết sức cần thiết, trong đó quy định rõ hơn về vai trò của CQĐD trong kết nối địa phương, doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài.

Yêu cầu về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn triển khai, nhất là trong công tác lãnh sự và quản trị nội bộ tại CQĐD. Luật CQĐD được ban hành khi khái niệm chính phủ số, dữ liệu số, định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến toàn trình chưa phổ biến. Các dịch vụ lãnh sự (cấp hộ chiếu, chứng thực, thị thực, bảo hộ công dân....) hiện mới dừng ở mức bán trực tuyến (công dân tải mẫu, nộp hồ sơ), trong khi Nghị quyết 57-NQ/TW đặt ra yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, bao gồm xử lý hồ sơ trực tuyến, thanh toán số, chia sẻ dữ liệu và kết nối liên thông giữa Bộ Ngoại giao với các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, xuất nhập cảnh, tư pháp...). Thực tế này khiến CQĐD phải linh hoạt tự triển khai giải pháp tạm thời²⁶ nhưng các giải pháp đó thiếu nền tảng pháp lý đồng bộ và cơ chế đầu tư chính thức cho hạ tầng số. Bên cạnh đó, Luật CQĐD hiện hành chưa có quy định rõ về dữ liệu số, định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến toàn trình và an ninh mạng trong hoạt động CQĐD. Việc bổ sung quy định về hạ tầng số phục vụ dịch vụ lãnh sự, quản trị tài chính - tài sản; pháp định hóa cơ chế liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa

phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

²⁶ Mở hòm thư riêng cho bảo hộ công dân, đăng thông tin khuyến cáo trên trang web...

Bộ Ngoại giao, CQĐD và các cơ sở dữ liệu quốc gia; và Quy định nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong môi trường số là hết sức cấp thiết.

Định hướng đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW đặt ra yêu cầu nâng cao tính minh bạch và hiệu quả pháp lý của Luật CQĐD. Theo đó, một số vấn đề liên quan đến Quy định về đánh giá tác động pháp luật và rà soát định kỳ tính phù hợp của các chính sách liên quan đến CQĐD, chuẩn hóa quy trình kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành Luật tại các CQĐD, cơ chế xử lý tình huống pháp lý khẩn cấp ở nước ngoài, nhất là trong bảo hộ công dân cần được xem xét, bổ sung phù hợp với yêu cầu tình hình mới.

Yêu cầu phát triển kinh tế tư nhân và hội nhập doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, các CQĐD có vai trò ngày càng quan trọng trong việc hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Thực tiễn cho thấy, nhu cầu doanh nghiệp tư nhân Việt Nam mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài ngày càng lớn, song còn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin, môi trường pháp lý và tiêu chuẩn quốc tế. CQĐD có thể phát huy vai trò "cầu nối" trong các lĩnh vực như thông tin và kết nối thị trường, hỗ trợ pháp lý và chính sách, thúc đẩy xúc tiến thương mại - đầu tư, và phối hợp với bộ, ngành, địa phương và các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức hội thảo, diễn đàn, tuần lễ xúc tiến đầu tư, qua đó quảng bá sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam. Như vậy, CQĐD cần đồng hành cùng doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế, vừa nhằm thực hiện hiệu quả chính sách ngoại giao kinh tế của Đảng và Nhà nước, vừa trực tiếp hỗ trợ khối kinh tế tư nhân Việt Nam khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế, qua đó tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng và hội nhập bền vững của đất nước.

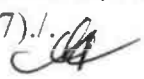
III. KẾT LUẬN

Việc tổng kết thực tiễn 16 năm thi hành Luật CQĐD cho thấy Luật CQĐD năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã đáp ứng yêu cầu hoàn thiện khuôn khổ pháp luật thống nhất quản lý nhà nước đối với CQĐD, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ đối ngoại với các nước, đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Luật CQĐD cũng bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, không phù hợp.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định thực hiện “*đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*” với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và là nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Tiếp tục phát huy quan điểm này, Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh đẩy mạnh quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên”; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thể chế để phát huy cao nhất vai trò của 3 trụ cột: Đối ngoại Đảng,

ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp của nền ngoại giao Việt Nam tiên phong, toàn diện, hiện đại; đồng thời, tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; tranh thủ các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài cho sự phát triển đất nước.

Với bối cảnh mới của thời đại, yêu cầu mới của đất nước, việc sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hơn nữa khuôn khổ pháp luật về CQĐD là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao năng lực triển khai chính sách đối ngoại của đất nước trong thời kỳ mới của lực lượng làm công công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Dự án sửa đổi, bổ sung Luật CQĐD cần tập trung vào các điều khoản nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật CQĐD, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đất nước, phù hợp với vai trò và vị thế của CQĐD trong công tác đối ngoại. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp tăng cường, quán triệt nhận thức và nâng cao hiệu lực thực thi các quy định vẫn còn phù hợp của Luật.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành việc thực hiện Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng Lê Hoài Trung (để báo cáo);
- Lưu: VT, LPQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1

Hệ thống các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật CQĐD

1. Nghị định của Chính phủ

- Nghị định số 23/2010/NĐ-CP ngày 12/3/2010 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;
- Nghị định số 107/2011/NĐ-CP ngày 24/11/2011 quy định chi tiết điểm c, khoản 2 Điều 15 của Luật CQĐD nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài;
- Nghị định số 48/2012/NĐ-CP ngày 04/6/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2005/NĐ-CP ngày 23/12/2005 về chế độ cán bộ, công chức nhiệm kỳ tại CQĐD;
- Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;
- Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài;
- Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2019 quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;
- Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP;
- Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP;
- Nghị định số 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại²⁷.

2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 30/2010/QĐ-TTg ngày 15/3/2010 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác của CQĐD;
- Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống CQĐD Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 30/11/2020 phê duyệt Đề án tổng thể về tiêu chuẩn thành viên CQĐD Việt Nam ở nước ngoài;

²⁷ Trong đó quy định *Thẩm quyền quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD năm 2017 do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện.*

- Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 7, Điều 1 Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 về phê duyệt Quy hoạch hệ thống CQDD Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thông tư

- Thông tư số 01/2011/TT-BNG ngày 20/6/2011 quy định thủ tục cấp Giấy phép nhập cảnh thi hải, hải cốt, tro cốt về Việt Nam;

- Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BNG-BNV ngày 15/8/2012 hướng dẫn quản lý, điều hành hoạt động cán bộ biệt phái tại các CQDD;

- Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/5/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 48/2012/NĐ-CP;

- Thông tư số 146/2013/TT-BTC ngày 22/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với các CQDD (thay thế Thông tư số 222/2010/TT-BTC);

- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 16/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các CQDD;

- Thông tư số 01/2020/TT-BNG ngày 06/02/2020 về Lãnh sự danh dự nước CHXHCN Việt Nam;

- Thông tư số 07/2020/TT-BNG ngày 03/02/2020 quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với CQDD;

- Thông tư số 113/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 264/2016/TT-BTC;

- Thông tư số 03/2023/TT-BNG ngày 27/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về tổ chức giải quyết công tác lãnh sự;

- Thông tư số 05/2023/TT-BNG ngày 20/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về cơ cấu chức vụ ngoại giao, lãnh sự và tiêu chuẩn thành viên CQDD Việt Nam ở nước ngoài;

- Thông tư số 07/2023/TT-BNG ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại CQDD ngoại giao, CQDD lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;

- Thông tư số 05/2025/TT-BNG ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2023/TT-BNG;

- Thông tư số 06/2025/TT-BNG của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ngày 13/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BNG.

PHỤ LỤC 2**Tình hình hiện trạng trụ sở, cơ sở vật chất của các CQĐD**

Nhà đất thuộc sở hữu của Nhà nước Việt Nam: Gồm 51 CQĐD với tổng diện tích đất là 153.416,91 m², trong đó:

+ Diện tích làm việc: 18.403 m²

+ Diện tích nhà ở cho cán bộ nhân viên: 26.801 m²

+ Diện tích công cộng, kỹ thuật và phụ trợ, phục vụ: 34.628 m²

+ Diện tích đối ngoại là: 12.729 m²

- Nhà đất thuộc diện hồ tương: Gồm 09 CQĐD với tổng diện tích 17.357 m², trong đó:

+ Diện tích làm việc: 2.828 m²

+ Diện tích nhà ở cho cán bộ nhân viên: 9.464 m²

+ Diện tích công cộng, kỹ thuật và phụ trợ, phục vụ: 3.731 m²

+ Diện tích đối ngoại: 1.334 m²

- Nhà đất đi thuê: Gồm 47 CQĐD

PHỤ LỤC 3

Kết quả công tác tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí và trụ sở của CQĐD

1. Kết quả việc thực hiện quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động của CQĐD tại Điều 13

- Kể từ sau khi Luật CQĐD và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CQĐD có hiệu lực đến nay, Bộ Ngoại giao đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết thành lập 08 CQĐD tại nước ngoài²⁸.

- Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, trên cơ sở rà soát, đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động của các CQĐD cũng như yêu cầu đối ngoại của đất nước, Bộ Ngoại giao đã trình và được Chính phủ đồng ý chấm dứt hoạt động của 04 CQĐD tại Li-bi, I-rắc, U-dơ-bê-kít-xtan và Pa-na-ma. Việc thành lập và chấm dứt hoạt động của các CQĐD nêu trên đều được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền của cấp ra quyết định quy định tại Luật CQĐD, bảo đảm hiệu lực pháp lý.

- Tính đến tháng 10/2025, mạng lưới CQĐD được thành lập và duy trì tại 71 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm 99 CQĐD (trong đó có 70 Đại sứ quán, 24 Tổng Lãnh sự quán, 4 Phái đoàn đại diện thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế và 01 Văn phòng) với tổng số 1068 chỉ tiêu biên chế được giao (không bao gồm biên chế công an, quốc phòng).

Nhìn chung, hệ thống CQĐD được xây dựng và phân bổ đều khắp tại các khu vực trên thế giới, phù hợp với tầm quan trọng và mức độ hợp tác trên các lĩnh vực với quốc gia, tổ chức quốc tế²⁹. Tại các quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao nhưng chưa thành lập CQĐD, Bộ Ngoại giao kiến nghị Chính phủ cho phép thực hiện cơ chế CQĐD kiêm nhiệm tại các quốc gia khác nhằm bảo đảm duy trì và phát triển quan hệ với các nước, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, giáo dục, văn hoá - thể thao - du lịch, yêu cầu bảo hộ công dân, pháp nhân của Việt Nam tại các quốc gia này.

Bên cạnh các CQĐD, nhiều địa bàn có đại diện của các cơ quan Việt Nam khác như các cơ quan thông tấn báo chí Việt Nam ở nước ngoài (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Thanh niên...), Văn phòng Đại diện hàng không Việt Nam, một số văn phòng đại diện của các bộ ngành ở nước ngoài có kinh phí và trụ sở riêng.

2. Kết quả việc thực hiện các quy định về bộ máy, tổ chức và biên chế của CQĐD

Luật CQĐD chuẩn hóa mô hình tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD thông qua việc quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình quyết định về tổ

²⁸ Đại sứ quán Việt Nam tại Cô-lôm-bô (Xri Lan-ca), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Pốt (Ô-xtrây-li-a), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Van-cu-vơ (Ca-na-đa), Đại sứ quán Việt Nam tại Bồ Đào Nha, Đại sứ quán Việt Nam tại Ai-len, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Bu-san (Hàn Quốc), Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Trùng Khánh (Trung Quốc), Đại sứ quán Việt Nam tại Ti-mo Lét-xte.

²⁹ Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: 41 CQĐD, khu vực Châu Âu: 30 CQĐD; khu vực Trung Đông - Châu Phi: 15 CQĐD, khu vực Châu Mỹ: 12 CQĐD.

chức bộ máy và sắp xếp, bố trí biên chế của CQĐĐ, đồng thời có sự linh hoạt nhất định để phù hợp với đặc thù yêu cầu hoạt động đối ngoại loại hình và quy mô của 99 CQĐĐ³⁰.

- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã ban hành Quyết định số 1217/QĐ-BNG ngày 06/5/2011 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng nhóm CQĐĐ (Quyết định số 1217), đồng thời xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1029/QĐ-TTg³¹ ngày 07/8/2012 phê duyệt Đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của các CQĐĐ Việt Nam ở nước ngoài (Quyết định số 1029). Quyết định số 1029 đã quy định chi tiết việc Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan trình Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu tổ chức và số lượng biên chế của CQĐĐ sau khi có Nghị quyết của Chính phủ về thành lập CQĐĐ, đồng thời quy định hệ thống CQĐĐ (hiện bao gồm 94 CQĐĐ) được chia thành 4 Nhóm A-B-C-D dựa trên một số tiêu chí cụ thể như: tầm quan trọng và ý nghĩa chiến lược của địa bàn đối với Việt Nam; mức độ và triển vọng phát triển quan hệ trên các lĩnh vực; quy mô biên chế; mức độ, tần suất trao đổi các đoàn.... Theo đó, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao được phép phân cấp cho người đứng đầu CQĐĐ quyết định việc tổ chức phòng, hoặc bộ phận, việc sắp xếp, bố trí các thành viên CQĐĐ bảo đảm thực thi đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của CQĐĐ căn cứ theo quy định của Luật CQĐĐ, phân nhóm theo Quyết định số 1029, Quyết định số 1217 và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm thành viên CQĐĐ.

Quyết định 1029 cũng quy định rõ trình tự, thủ tục thành lập các Bộ phận chuyên trách trực thuộc CQĐĐ hoặc cử cán bộ chuyên trách (cán bộ biệt phái) công tác tại các CQĐĐ. Theo đó, khi có nhu cầu, các bộ, ngành chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính xây dựng Đề án, Tờ trình đề Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Sau khi có ý kiến phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính triển khai biên chế được giao tại CQĐĐ. Căn cứ đề nghị của các bộ, ngành chủ quản, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cử cán bộ của các bộ, ngành đi công tác tại các CQĐĐ theo từng vị trí cụ thể, bảo đảm CQĐĐ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Lần đầu tiên Luật CQĐĐ áp dụng chế định “cán bộ biệt phái” đối với những thành viên CQĐĐ thuộc các bộ, ngành được cử đi công tác tại CQĐĐ. Luật xác định rõ các cán bộ này không được hiểu là đại diện của bộ, ngành tại CQĐĐ hay ở nước ngoài mà là thành viên của CQĐĐ - đại diện chính thức của Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài, giúp CQĐĐ hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn khi có yêu cầu (về xúc tiến quan hệ kinh tế như thương mại, đầu tư, du lịch, lao động; khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo...). Hiện nay cán bộ biệt phái được căn cứ quy định tại Điều 30 Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Điều 35 Luật

³⁰ Khoản 2 và khoản 3 Điều 14 của Luật CQĐĐ quy định biên chế của CQĐĐ bao gồm cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao và căn cứ vào yêu cầu công tác, có cán bộ, công chức, viên chức của một số cơ quan hữu quan (cán bộ biệt phái) và giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng CQĐĐ trên cơ sở Đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động đối ngoại và sau khi thống nhất ý kiến với cơ quan, tổ chức hữu quan.

³¹ Quyết định số 1029/QĐ-TTg là tài liệu tối mật, thay thế Quyết định số 196 áp dụng trong giai đoạn 2007 – 2011.

chứng từ chi tiêu cho bộ phận kế toán của CQĐD để hạch toán chung trong báo cáo tài chính của CQĐD sau đó gửi về bộ, ngành hữu quan để quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước theo qui định của pháp luật. CQĐD phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ chi tiêu.

Công tác phân bổ, thông báo dự toán được giao và cấp phát kinh phí (từ năm 2012 đến năm 2018): Căn cứ Quyết định phân bổ nhiệm vụ chi cho từng địa bàn của Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao luôn kịp thời phối hợp, điện thông báo cho các CQĐD nắm được nhiệm vụ chi và dự toán được giao. Đồng thời, Bộ Ngoại giao cũng đã phối hợp với Bộ Công Thương thông báo kịp thời việc cấp phát kinh phí để các CQĐD theo dõi nhận và chi tiêu phù hợp dự toán được giao.

Thanh quyết toán nguồn kinh phí đặc thù: Kinh phí hoạt động đặc thù của Bộ Công Thương đều được giao cho bộ phận Thương vụ tại CQĐD sử dụng. Khi nhận được kinh phí do Bộ Công Thương chuyển sang, CQĐD thực hiện chi tạm ứng cho bộ phận Thương vụ chủ động chi tiêu theo nhiệm vụ được giao. Bộ phận Thương vụ sẽ chuyển hồ sơ, chứng từ quyết toán cho CQĐD xét duyệt về tính hợp pháp của chứng từ chi tiêu. Bộ Ngoại giao phối hợp đối chiếu với Bộ Công Thương số liệu quyết toán hàng năm để kịp thời hướng dẫn CQĐD hạch toán thống nhất số liệu trên báo cáo tài chính.

3.4. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí CQĐD

Hàng năm, Bộ Ngoại giao hướng dẫn CQĐD lập dự toán kinh phí trong đó có kinh phí hoạt động của bộ phận sáp nhập và khi được Bộ Tài chính giao dự toán kinh phí, Bộ Ngoại giao thông báo hạn mức kinh phí giao cho các CQĐD và hướng dẫn các CQĐD ở ngoài nước căn cứ vào hạn mức kinh phí được giao và yêu cầu công tác của các bộ phận trong CQĐD để triển khai thực hiện. Nhìn chung, kinh phí giao cho các CQĐD đã bảo đảm tốt hoạt động của CQĐD kể cả những hoạt động đột xuất trong năm.

Thực hiện tốt công tác phân bổ, cấp phát, quyết toán kinh phí hàng năm đối với khối CQĐD của ta ở nước ngoài. Mặc dù việc cấp phát kinh phí cho các CQĐD liên tục gặp những vấn đề phát sinh, tuy nhiên đã thường xuyên theo sát tình hình, phối hợp nắm bắt thông tin của các CQĐD, trao đổi với các đơn vị chức năng trong nước (Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng Ngoại thương) để kiến nghị phương án khả thi, kịp thời cấp kinh phí bảo đảm hoạt động cho CQĐD, đặc biệt tháo gỡ khó khăn trong việc chuyển và nhận kinh phí của các CQĐD bị cấm vận (Nga, Cu-ba, Mi-an-ma) và địa bàn ảnh hưởng xung đột chiến sự Nga – U-crai-na, I-ran – I-xra-en ủng hộ các kiến nghị về kinh phí của các CQĐD.

Nhiều nhiệm vụ đối ngoại như các đoàn cấp cao, sự kiện đối ngoại, sửa chữa đột xuất trụ sở, nhà ở; tăng giá APT hộ chiếu; biến động tỷ giá phát sinh ngoài dự toán giao đầu năm đã được điều chỉnh kịp thời, đáp ứng các nhiệm vụ chi của CQĐD.

3.5. Về trụ sở, văn phòng làm việc và nhà ở của bộ phận sáp nhập:

- Sau khi tiếp nhận quản lý tài chính, tài sản của các bộ phận sáp nhập theo Luật CQĐD từ ngày 01/01/2011, Bộ Ngoại giao đã hướng dẫn các CQĐD tạm thời giữ nguyên trạng về trụ sở và nhà ở của các bộ phận sáp nhập. Một số văn phòng

bộ phận Thương mại nằm trong trụ sở của CQDD Việt Nam ở nước ngoài cơ bản vẫn được duy trì hoạt động hiệu quả như tại Thái Lan, Trung Quốc...

- Bộ Ngoại giao đã thực hiện ưu tiên duy trì văn phòng làm việc của bộ phận Thương mại tại một số địa bàn có kim ngạch hai chiều trên 500 triệu USD, nhưng bảo đảm hiệu quả và tuân theo Quyết định số 08/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, tránh lãng phí. Các căn hộ của cán bộ Thương mại khi hết hạn hợp đồng có nhu cầu gia hạn hay tìm thuê địa điểm mới, Bộ Ngoại giao giải quyết theo kiến nghị của CQDD và đúng quy định tại Quyết định số 08/2012/QĐ-TTg.

3.6. Về chế độ sinh hoạt phí (SHP) và phụ cấp đối với cán bộ nhân viên và phu nhân phu quân:

- Về chế độ SHP: Trước khi Luật CQDD được sửa đổi, bổ sung (năm 2017), chế độ SHP của thành viên CQDD được áp dụng theo Nghị định 157/2005/NĐ-CP, theo đó, mức SHP của thành viên CQDD được tính trên cơ sở SHP tối thiểu x chỉ số SHP cá nhân. Tính đến trước năm 2018, SHP tối thiểu gồm 3 mức là 400, 450 và 500 USD/người/tháng (quy định tại Phụ lục 01, Thông tư liên tịch số 29/2006/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/11/2006).

Theo quy định tại điểm 2, Điều 6 Nghị định số 157/2005/NĐ-CP: “Mức sinh hoạt phí tối thiểu sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng tại nước có cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đóng trụ sở tăng từ 10% trở lên hoặc khi điều kiện kinh tế, tài chính của Nhà nước cho phép”. Sau khi Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật CQDD, Bộ Ngoại giao đã chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các bộ liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định 08/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định 157/2005/NĐ-CP, cho phép điều chỉnh mức SHP mới, theo đó, cách tính SHP mới đối với thành viên CQDD được áp dụng từ 01/01/2018³². Việc điều chỉnh cách tính SHP đã cho thấy sự quan tâm sâu sát của Đảng và Nhà nước đối với công tác đối ngoại nói chung và đời sống của cán bộ ngành đối ngoại nói riêng thông qua việc đánh giá chi tiết và cụ thể hơn điều kiện làm việc, sinh hoạt tại các địa bàn³³.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới sau năm 2020 và tại các nước có trụ sở CQDD Việt Nam ở nước ngoài có nhiều biến động lớn, giá cả sinh hoạt tăng mạnh, tác động tiêu cực đến thành viên CQDD và gia đình, năm 2023, Bộ Ngoại giao đã chủ động kiến nghị Chính phủ phê duyệt chủ trương cho phép sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2019/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, Bộ Ngoại giao đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và trình Chính phủ Nghị định số 51/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

³² Thực hiện theo công thức: SHP ngoài nước = SHP cơ sở x chỉ số sinh hoạt phí cá nhân x hệ số địa bàn. Mức SHP cơ bản đang được áp dụng là: 650 USD/tháng/người. Hệ số địa bàn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhiều yếu tố để phân loại thành 5 mức địa bàn từ thuận lợi đến đặc biệt khó khăn, tương ứng với các hệ số từ 1,0 đến 1,4.

³³ Hiện tại, Việt Nam đang có 98 CQDD ở nước ngoài gồm 21 CQDD loại 1 (hệ số địa bàn 1.0), 14 CQDD loại 2 (hệ số địa bàn 1.1), 13 CQDD loại 3 (hệ số địa bàn 1.2), 22 CQDD loại 4 (hệ số địa bàn 1.3) và 28 CQDD loại 5 (hệ số địa bàn 1.4).

08/2019/NĐ-CP với nội dung nâng mức SHP cơ sở lên 1.350 USD/tháng/người và nâng mức hỗ trợ mua BHYT dành cho con dưới 18 tuổi đi theo thành viên CQĐĐ bằng mức dành cho thành viên CQĐĐ. Trong quá trình xây dựng Nghị định, Chính phủ (Bộ Ngoại giao) đã nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ tích cực của các cơ quan của Quốc hội.

Với những quy định mới, chế độ dành cho thành viên CQĐĐ đã được cải thiện đáng kể, từng bước tiệm cận mức đãi ngộ dành cho thành viên CQĐĐ của các nước có cùng trình độ phát triển với Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thành viên CQĐĐ yên tâm công tác, bước đầu khắc phục những khó khăn, bất cập trong thực hiện chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐĐ trong thời gian qua.

4. Trụ sở, cơ sở vật chất của CQĐĐ

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các CQĐĐ là một chủ trương lớn, đúng đắn và kịp thời của Chính phủ. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các CQĐĐ đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đối ngoại, nâng cao vị thế của đất nước và cải thiện đáng kể điều kiện làm việc và sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên của CQĐĐ.

- Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của CQĐĐ có những yếu tố đặc thù riêng, không chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam mà còn sự điều chỉnh của Công ước Viên năm 1961, 1963, 1975; Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước sở tại, pháp luật, tập quán của nước sở tại; chịu sự biến động giá bất động sản, tỷ giá hối đoái; phát sinh một số khoản chi phí khác theo quy định tại từng địa bàn... Để phù hợp về cơ chế, chính sách đầu tư đặc thù đối với lĩnh vực đầu tư, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới trụ sở, nhà ở của CQĐĐ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế quản lý các dự án đầu tư xây dựng của các CQĐĐ Việt Nam ở nước ngoài theo Quyết định số 02/2008/QĐ-TTg ngày 07/1/2008 và Nghị định 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài.

- Giai đoạn 2009 đến hết tháng 10/2025, Bộ Ngoại giao đã thực hiện 47 dự án tại 28 nước được triển khai, gồm:

+ 19 dự án mua nhà, đất tại 18 CQĐĐ, gồm: Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ, Phrăng-phuốc (Đức), Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Mê-hi-cô, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a (02 dự án), Tây Ban Nha, Hà Lan, U-crai-na, Luông-pha-băng (Lào), Ba Lan, Hung-ga-ri, Xlô-va-ki-a, Hồng Công và Ma Cao (Trung Quốc).

+ 13 dự án xây mới trụ sở làm việc, nhà ở tại các CQĐĐ gồm: Campuchia (03 dự án gồm: Phnôm Pênh, Battambang và Sihanouk Ville), Lào (03 dự án gồm: Viêng chăn, Savanakhet và Luông-pha-băng), Khòn khèn (Thái Lan), Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ), Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Hung-ga-ri, Pháp.

+ 15 dự án cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc, nhà ở tại các CQĐĐ gồm: Osaka (Nhật Bản), Sydney (Úc), Triều Tiên, Phrăng-phuốc (Đức), Phi-líp-pin, Hung-ga-ri, Hoa Kỳ (02 dự án), Pháp, Tây Ban Nha, Hà Lan, Xlô-va-ki-a, Anh, Lào, U-crai-na.

+ Tổng số dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng là 40 dự án, trong đó có 37 dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, có 03 dự án đang lập hồ sơ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, 06 dự án đang triển khai thực hiện và 01 dự án đang tạm dừng do chiến tranh (U-crai-na). Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần nâng cao vị thế của đất nước trong xu thế hội nhập quốc tế, đáp ứng được một phần nhu cầu trụ sở, nhà ở của các CQDD.

- Về cơ cấu đầu tư: Trước năm 2020, các dự án triển khai tập trung chủ yếu vào việc mua nhà làm trụ sở làm việc hoặc trụ sở đối ngoại với tổng số dự án đã mua xong là 19 dự án tại 18 địa bàn. Các dự án cải tạo, xây dựng mới chỉ thực hiện tại các địa bàn đã có sẵn nhà đất do ta sở hữu ổn định, lâu dài hoặc đã xuống cấp nghiêm trọng, không bảo đảm yêu cầu làm việc và sinh hoạt của CQDD.

- Về cơ hội đầu tư: Bộ Ngoại giao đã tận dụng khá hiệu quả một số cơ hội để mua trụ sở với chi phí hợp lý, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến giá nhà đất tại nhiều nơi trên thế giới giảm mạnh. Việc sở hữu các trụ sở tại nhiều nước phát triển mang lại hiệu quả kinh tế khi giảm kinh phí thuê nhà trong dài hạn, nhưng đồng thời sở hữu bất động sản có giá trị ngày càng tăng (ví dụ như dự án mua đất tại Tô-ki-ô (Nhật Bản), mua nhà riêng Đại sứ tại Xtốc-khôm (Thụy Điển), dự án mua trụ sở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Phrăng-phuốc (Đức), dự án mua trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Pa-ri, Pháp...

PHỤ LỤC 4

Kết quả thực hiện phương thức quản lý CQDD

1. Chương trình công tác tuần, tháng, năm

Bộ Ngoại giao đã ban hành Quyết định số 537/QĐ-BNG ngày 15/3/2025 ban hành Quy chế làm việc của Bộ.

Hiện nay, Văn phòng Bộ đang trong quá trình xây dựng Quy chế làm việc mới của Bộ. Văn phòng đã tiến hành nghiên cứu, xây dựng các quy định mới, cải tiến trong việc xây dựng Chương trình công tác theo hướng phát huy thực chất đóng góp của Cơ quan đại diện, tăng cường cơ chế hợp tác giữa Cơ quan đại diện với Nhà; bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành, nhất là sau khi thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dự thảo Quy chế làm việc mới đang được đẩy mạnh hoàn thiện và gửi các đơn vị đóng góp ý kiến trong thời gian tới.

2. Xây dựng báo cáo

CQDD báo cáo đầy đủ, đúng hạn, cơ bản đáp ứng yêu cầu của Nhà về công tác xây dựng ngành và một số nội dung đặc thù phục vụ công tác sơ kết, tổng kết của Bộ trên cơ sở đặt hàng của các đơn vị trong Bộ (*định kỳ 06 tháng đối với sơ kết và 01 năm đối với tổng kết*). Thông tin trong các báo cáo cơ bản đầy đủ, có chất lượng, được đưa vào một số báo cáo phục vụ công tác báo cáo, dự báo, tham mưu chiến lược gửi Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương (*Báo cáo nhanh, Báo cáo ngày, Báo cáo tuần*) về tình hình nội trị, đối ngoại của các nước, quan hệ các nước lớn, các vấn đề nóng, mới nổi, nhất là những vấn đề sát sườn, có nhiều tác động, ảnh hưởng đến nước ta... Tuy nhiên, đôi lúc đôi khi, thông tin từ các CQDD gửi về còn chưa bảo đảm tính thời sự, chưa bảo đảm hỗ trợ cho các báo cáo quan trọng, đặc biệt là các báo cáo nhanh, đột xuất.

Theo Quy chế 272 về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, các CQDD cần gửi các báo cáo sơ kết, tổng kết tới Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước và Ủy ban Đối ngoại Quốc hội. Tuy nhiên, việc triển khai có lúc, có nơi còn chưa đồng bộ; một số CQDD chưa gửi báo cáo theo quy định, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu hoặc không bảo đảm thời hạn gửi báo cáo.

Đến nay, Bộ Ngoại giao đã hoàn thành dự thảo và trình Thường trực Ban Bí thư cho ý kiến đối với dự thảo Quy chế mới thay thế Quy chế 272.

3. Công tác thông tin

CQDD duy trì cơ chế gửi tin bài về Bộ Ngoại giao để xây dựng bản tin A phục vụ Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo Bộ và các bộ, ngành, địa phương. (Từ tháng 12/2021, Văn phòng Bộ đã triển khai ứng dụng TinA điện tử. Trong gần 4 năm triển khai, đã nhận được sự đóng góp tích cực về tin, bài từ các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Tính đến 31/10/2025, đã có hơn 142.000 tin, bài được gửi về (*trung bình khoảng 90-95 tin, bài/ngày*). Các tin, bài chất lượng, đóng góp tích cực vào công tác nghiên cứu tình hình đối ngoại của Bộ, các nội dung thảo luận tại các kỳ họp Quốc hội cũng như hỗ trợ các địa phương nắm bắt thông tin tại địa bàn sở tại.

4. Kiểm soát thủ tục hành chính

Bộ Ngoại giao luôn chú trọng công tác kiểm soát thủ tục hành chính đối với CQĐD, nơi triển khai nhiều thủ tục hành chính phục vụ người dân ở nước ngoài. Việc xử lý các phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính và quy định hành chính cũng được thực hiện đầy đủ. Hầu hết các CQĐD gửi báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổng hợp xây dựng báo cáo chung của Bộ về kiểm soát thủ tục hành chính.

PHỤ LỤC 5

Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành Luật CQDD

1. Về chế độ chính sách cho thành viên CQDD

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23/1/2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đã cải thiện đáng kể mức sinh hoạt phí dành cho thành viên CQDD³⁴ và phụ nhân/phụ quân, các mức hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm khám, chữa bệnh ở nước ngoài dành cho con chưa thành niên đi theo thành viên CQDD. Việc điều chỉnh này phản ánh sự cần thiết của cơ chế rà soát định kỳ, nhằm bảo đảm chế độ, chính sách sát thực tế. Nếu không có cơ chế cập nhật linh hoạt, định kỳ, chính sách có thể trở nên lạc hậu, ảnh hưởng tới chất lượng công tác của cán bộ và CQDD.

Tuy đã được cải thiện song chế độ đãi ngộ, phụ cấp dành cho thành viên CQDD còn thấp so với mặt bằng chung, chưa tương xứng với cường độ công việc, chưa đáp ứng được mức sinh hoạt tại sở tại, đặc biệt là tại các địa bàn có chi phí sinh hoạt cao như Thụy Sĩ, Ca-na-đa, Xinh-ga-po.... Mức hỗ trợ học phí, bảo hiểm hiện tại tuy đã được cải thiện song vẫn còn ở mức rất thấp so với thực tế tại nhiều địa bàn. Mức bảo hiểm y tế được Nhà nước hỗ trợ hiện ở mức rất thấp so với mặt bằng chung tại nhiều nước nên bị hạn chế về loại bệnh và dịch vụ, tạo gánh nặng và áp lực tài chính cho cán bộ, nhân viên và người thân trong khi công tác tại địa bàn. Mức học phí hiện tại cũng chưa tương xứng với mặt bằng chung tại đa số các địa bàn, đặc biệt ở các nước phát triển hoặc địa bàn tiếng hiếm, trẻ em phải chuyển sang học trường quốc tế/tư thục để được học ngoại ngữ thông dụng với mức chi phí cao.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh chế độ còn chậm, phụ thuộc vào quy định trong nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng cán bộ làm việc tại CQDD ngày càng cao, song chế độ đãi ngộ, phúc lợi, hỗ trợ chưa tương xứng, chưa tạo được động lực khuyến khích cán bộ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với ngành. Thân nhân đi theo cũng chưa được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, bảo hiểm... phù hợp với điều kiện sống, làm việc tại nước ngoài.

2. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại

Hằng năm, Bộ Ngoại giao đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ chuẩn bị đi công tác tại các CQDD với các chuyên đề chuyên biệt, trọng tâm vào nội dung công việc thực tiễn của CQDD như bảo hộ công dân, lãnh sự, quản trị - tài sản, kế toán... dành cho cán bộ CQDD và các chuyên đề về công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của CQDD dành cho người đứng đầu CQDD.

³⁴ Mức sinh hoạt phí cơ sở áp dụng chung cho tất cả các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là 1.350 USD/người/tháng và sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ số giá tiêu dùng tại các địa bàn tăng từ 10% trở lên hoặc tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Tuy nhiên, sau một thời gian triển khai thực hiện, công tác đào tạo, bồi dưỡng đã phát sinh một số khó khăn nhất định: *(i)* Việc sử dụng ngoại ngữ hiếm hoặc các ngoại ngữ tại địa bàn không sử dụng tiếng Anh không nhiều. Cán bộ đa số biết tiếng Anh nhưng mức độ sử dụng còn nhiều hạn chế, nhất là cán bộ ở các vị trí nhân viên ngoại giao; *(ii)* đa số các CQĐD còn thiếu cán bộ có kiến thức, chuyên môn chuyên sâu về các lĩnh vực hợp tác mới, do quy định về biên chế, cán bộ tại CQĐD thường kiêm nhiệm nhiều công việc, nhất là kỹ năng phối hợp liên ngành và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn; *(iii)* thời gian công tác tại CQĐD, cán bộ ít có điều kiện tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu về pháp luật, quản lý hành chính, ngoại giao, đối ngoại; bồi dưỡng kỹ năng mềm như giao tiếp, xử lý tình huống quốc tế, đàm phán, công nghệ thông tin; đặc biệt là tham gia các khoá học về lý luận chính trị, quản lý nhà nước.

3. Về việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hỗ trợ và bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN)

Khoản 6 Điều 9 Luật CQĐD quy định nhiệm vụ, thẩm quyền của CQĐD *“Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hình thức khen thưởng thích hợp đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong hoạt động xây dựng cộng đồng và đóng góp xây dựng đất nước”*, không quy định thẩm quyền của CQĐD khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng không nêu rõ thẩm quyền khen thưởng của CQĐD (khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng quy định: *“Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định”*). Trên thực tế, thời gian qua, Bộ Ngoại giao nhận thấy các CQĐD có tiến hành khen thưởng đối với cộng đồng NVNONN. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung quy định tạo cơ sở pháp lý cho việc khen thưởng cộng đồng NVNONN của CQĐD nhằm góp phần thực hiện tốt công tác NVNONN, thu hút nguồn lực đóng góp cho sự phát triển của đất nước.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH
CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI**

TÊN CHÍNH SÁCH NỘI DUNG CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG CÁC QUY ĐỊNH
Chính sách 1: Kien toan chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại của cơ quan đại diện (CQDD)	- Mở rộng phạm vi chức năng, nhiệm vụ của CQDD đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: Dự thảo Luật bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các CQDD bao gồm công tác đối ngoại và các lĩnh vực hợp tác mới chưa được thể chế hóa trong Luật, công tác xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận, thúc đẩy giao lưu nhân dân, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; bổ sung nhiệm vụ của CQDD trong việc dự báo để ứng phó với tình hình thực tế, các chính sách kinh tế thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam; làm rõ hơn chức năng bảo hộ công dân và cơ chế ứng phó trong tình huống khẩn cấp để đảm bảo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau” (thể hiện tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật). - Sửa đổi, bổ sung quy định về các chức vụ ngoại giao đặc	1. Tác động đối với hệ thống pháp luật: - Giúp hoàn thiện quy định pháp luật về CQDD Việt Nam ở nước ngoài nhằm phù hợp với các chỉ đạo của Đảng, quy định pháp luật liên quan, yêu cầu về công tác hội nhập quốc tế trong tình hình mới và đặc thù của công tác tại CQDD, phù hợp với thông lệ quốc tế. - Việc sửa đổi quy định về kinh phí của CQDD giúp tạo cơ chế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc lâu nay trong công tác tại CQDD. - Bảo đảm thực hiện nguyên tắc thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại được xuyên suốt. 2. Tác động về kinh tế - xã hội: Việc mở rộng chức năng của CQDD trên các lĩnh vực hội nhập quốc tế mới, trong đó có đổi

thù tại CQĐD để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế: Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng, và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định (thể hiện tại khoản 10 Điều 1 dự thảo Luật).

- Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài, chỉnh sửa chức năng của CQĐD theo hướng khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt (thể hiện tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Luật). Bảo tồn tiếng Việt được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo Chỉ thị 45-CT/TW (2015) và Kết luận 12-KL/TW (2021) của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Về cơ chế phối hợp để thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại: (i) Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ chế phối hợp công tác giữa các cơ quan này và CQĐD; (ii) Bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác của các cơ quan bên cạnh CQĐD, các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc CQĐD về các lĩnh vực phụ trách (thể hiện tại các khoản 5, 14 và 15 Điều 1 dự thảo Luật) để giải quyết khó khăn, vướng mắc nêu tại trang 8 Tờ trình về cơ chế phối hợp thực hiện quản lý thống nhất đối ngoại. Đối với khó khăn vướng mắc về cơ chế phối hợp giữa các CQĐD trên cùng một địa bàn, dự kiến Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan này, trong đó phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi độc lập của từng CQĐD, quy định đầu mối chủ trì, cơ chế báo cáo và trách nhiệm cụ thể, bảo

mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược, y tế, công nghiệp văn hóa... sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy việc làm, bảo đảm an sinh xã hội.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được khuyến khích đóng góp cho sự phát triển của đất nước trong lĩnh vực đời sống xã hội.

Việc quy định rõ cơ chế bảo hộ công dân trong trường hợp khẩn cấp góp phần làm xã hội ổn định, tăng thêm niềm tin của người dân vào cơ chế hoạt động hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước.

Việc mở rộng đối tượng bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền sẽ góp phần tận dụng, khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao về đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là khi Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 250/2025/QH15 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ cao, chuyên sâu phục vụ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4. Tác động của thủ tục hành chính:

Việc bổ sung quy định ứng dụng công nghệ số tại CQĐD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện công tác quản lý CQĐD sẽ giúp các thủ tục hành chính được thực hiện tại CQĐD được xử lý

đảm phát huy tối đa vai trò chủ động, sáng kiến của từng CQDD. Tuy nhiên, việc này thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nên không được thể hiện tại dự thảo Luật. Bộ Ngoại giao đang khẩn trương xây dựng Quy chế này, dự kiến có hiệu lực đồng thời với ngày có hiệu lực của Luật.

- Bổ sung các quy định nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của CQDD: (i) bổ sung chức năng phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước của CQDD; (ii) bổ sung quy định CQDD tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của CQDD phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại; (iii) bổ sung quy định về việc người đứng đầu CQDD chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của CQDD và quản lý, vận hành CQDD theo quy định của pháp luật (thể hiện tại khoản 2, khoản 6 và điểm b khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về kinh phí của CQDD: (i) Bổ sung quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán tại các CQDD được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng địa phương quy đổi ra đồng Việt Nam; (ii) Sửa đổi quy định về kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc

nhANH chóng, kịp thời hơn, đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Quy định về CQDD tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số tạo cơ sở để quy định cụ thể về giá trị pháp lý của văn bản điện tử, chữ ký số trong giao dịch của các CQDD; xây dựng hạ tầng dữ liệu dùng chung cho các CQDD tại các văn bản của Chính phủ, Bộ trưởng.

Các quy định tại dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

	phòng, an ninh và thương mại ; (iii) Bổ sung quy định Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQDD sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước (thể hiện tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Luật). - Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo hướng mở rộng đối tượng được bổ nhiệm, theo đó cần có thời gian giữ chức vụ Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên; hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ (thể hiện tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật).	
Chính sách 2: Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong công tác quản lý CQDD	- Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc: (i) quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền ; (ii) chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết ; (iii) quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài ; (iv) ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện (thể hiện tại khoản 13 Điều 1 dự thảo Luật). - Bổ sung, làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại	1. Tác động đối với hệ thống pháp luật: - Giúp hoàn thiện quy định pháp luật về CQDD, phù hợp quy định về phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ. - Bổ sung cơ sở pháp lý cho việc ký kết văn bản hợp tác giữa CQDD với đối tác nước ngoài trong bối cảnh thực tế phát sinh nhu cầu ký kết các văn bản loại này trong khi Luật Điều ước quốc tế 2016, Luật Thỏa thuận quốc tế 2020 không điều chỉnh việc ký kết các văn bản loại này.

	giao về tổ chức bộ máy và biên chế của CQĐD, theo đó, căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các CQĐD, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. Đồng thời, bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ tướng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện (thể hiện tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật). - Bổ sung quy định thẩm quyền của CQĐD trong việc ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ để phục vụ triển khai công tác đối ngoại tại địa bàn (thể hiện tại điểm a khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật).	2. Tác động về kinh tế - xã hội: Việc thực hiện phân cấp phân quyền sẽ giúp CQĐD thực hiện hiệu quả hơn chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và khiếu nại, đóng góp cho sự phát triển của đất nước. 3. Tác động về giới (nếu có): Không có tác động về giới. 4. Tác động của thủ tục hành chính: Không có.
Chính sách 3: Chế độ, chính sách đối với thành viên CQĐD và thân nhân	- Bổ sung chế độ phụ cấp dịch bệnh đối với một số địa bàn; đối với một số dịch bệnh nguy hiểm, có chính sách hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí điều trị nước thứ ba; thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với một số địa bàn kiêm nhiệm (thể hiện tại điểm a và điểm b khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật). - Cho phép con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở và chi phí mua bảo hiểm khám bệnh,	1. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giúp hoàn thiện quy định pháp luật về CQĐD, bảo đảm cơ chế chi hợp lý, phù hợp tình hình địa bàn, góp phần đưa hệ thống pháp luật Việt Nam tiệm cận chuẩn quốc tế. 2. Tác động về kinh tế - xã hội: Việc có cơ chế đặc thù giúp bảo đảm cuộc sống của thành viên CQĐD và thân nhân, giúp

	chữa bệnh; được hưởng chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên CQĐD (thể hiện tại điểm c khoản 12 Điều 1 dự thảo Luật).	thành viên CQĐD yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao, phục vụ đất nước. 3. Tác động về giới (nếu có): Không có tác động về giới. 4. Tác động của thủ tục hành chính: Không có.
Chính sách 4: Các quy định nhằm khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành và một số nội dung cần quy định rõ hơn tại Luật	- Bổ quy định về việc cấp giấy thông hành của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, sửa đổi năm 2023; bổ quy định về việc bổ sung thị thực của CQĐD để phù hợp với quy định tại Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023; thay cụm từ “ủy thác tư pháp” bằng quy định “Thực hiện một số nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự, dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên” do các văn bản pháp luật chuyên ngành không còn sử dụng cụm từ này (thể hiện tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật). - Bổ sung quy định làm rõ Luật này không quy định về LSDD và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu để tránh việc hiểu nhầm Lãnh sự danh dự là thành viên CQĐD và được hưởng các quyền, nghĩa vụ như thành viên CQĐD. Việc thành lập, hoạt động của Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu; việc bổ nhiệm, hoạt động của LSDD thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (thể hiện tại khoản 1 và khoản 16 Điều 1 dự thảo Luật).	1. Tác động đối với hệ thống pháp luật: - Góp phần bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, theo đó pháp luật về CQĐD phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan về xuất nhập cảnh, pháp luật về thanh tra, tương trợ tư pháp. - Xác định rõ Cơ quan lãnh sự danh dự không là CQĐD và Lãnh sự danh dự không là thành viên CQĐD không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật để áp dụng thống nhất quy định pháp luật. 2. Tác động về kinh tế - xã hội: - Việc sửa đổi Điều 8 giúp công dân nắm rõ quy định có liên quan đến các giấy tờ trong các luật về quốc tịch, xuất nhập cảnh. 3. Tác động về giới (nếu có): Không có tác động về giới. 4. Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

	- Bỏ từ “thanh tra” trong “thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và ... theo quy định của pháp luật” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP (thể hiện tại điểm e khoản 13 Điều 1 dự thảo Luật).	
--	---	--



Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG
DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
VỚI
LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI NĂM 2009 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện) và quản lý nhà nước đối với cơ quan đại diện.	1. Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện) và quản lý nhà nước đối với cơ quan đại diện. 2. Luật này không quy định về Lãnh sự danh dự và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu. Việc thành lập, hoạt động của Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh	Bổ sung quy định làm rõ Lãnh sự danh dự và Cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Cơ sở đề xuất: Theo quy định hiện hành, một trong những điều kiện để được bổ nhiệm làm Lãnh sự danh dự của Việt Nam là người đó không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ nước nào. Khoản 1 Điều 17 Luật CQDD quy định thành viên CQDD phải là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của Bộ Ngoại giao. Do vậy, cần có quy định rõ để tránh gây nhầm lẫn.

	dự thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.	
Điều 4. Giải thích từ ngữ	Điều 4. Giải thích từ ngữ	
8. Lãnh sự danh dự là viên chức lãnh sự không chuyên nghiệp và không phải là cán bộ, công chức, viên chức Việt Nam, bao gồm Tổng Lãnh sự danh dự và Lãnh sự danh dự.	Bãi bỏ khoản 8 Điều 4.	Bãi bỏ do đã sửa đổi Điều 1 Luật theo hướng Luật không quy định về Lãnh sự danh dự và CQĐD lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu.
Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN		
Điều 6. Phục vụ phát triển kinh tế đất nước	Điều 6. Phục vụ phát triển đất nước	
1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, pháp luật, xu hướng phát triển kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục - đào tạo, du lịch, hợp tác sử dụng nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan khác của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, quyết sách có ý nghĩa chiến lược của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận có tác động đến nền kinh tế Việt Nam. 2. Cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của quốc gia tiếp nhận. 3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp và tổ chức thực hiện nhằm phát triển quan hệ kinh tế giữa nước	1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, pháp luật, xu hướng phát triển kinh tế, các lĩnh vực hợp tác mới theo yêu cầu hội nhập quốc tế, thương mại và công nghiệp, đầu tư, viện trợ phát triển, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghệ chiến lược, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục - đào tạo, du lịch, hợp tác sử dụng nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan khác của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, quyết sách có ý nghĩa chiến lược của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận có tác động đến sự phát triển của Việt Nam. 2. Cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của quốc gia tiếp nhận; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp nhân	Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của các CQĐD bao gồm các lĩnh vực hợp tác mới chưa được thể chế hóa trong Luật được nêu trong bộ 07 Nghị quyết của Bộ Chính trị được ban hành thời gian gần đây như chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, y tế, pháp luật... Đồng thời, bổ sung thêm chức năng thúc đẩy giao lưu nhân dân, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế, chủ động dự báo, cảnh báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp bất lợi mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam. Cơ sở đề xuất: Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo...; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

4. Tham gia xúc tiến, thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư; vận động tranh thủ viện trợ và quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thúc đẩy hợp tác khoa học - công nghệ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận; xúc tiến phát triển thị trường lao động ngoài nước; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp nhân của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu.

của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận; chủ động dự báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp và tổ chức thực hiện nhằm phát triển quan hệ kinh tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận **và thúc đẩy giao lưu nhân dân.**

4. Tham gia xúc tiến, thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư, **công nghiệp văn hóa, hợp tác kinh tế mới theo yêu cầu hội nhập quốc tế; hợp tác, thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; vận động tranh thủ viện trợ và quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; thúc đẩy hợp tác khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giáo dục - đào tạo, y tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận; xúc tiến phát triển thị trường lao động ngoài nước; theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; phối hợp thực hiện chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.** ~~hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp~~

chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...; thông tin truyền thông, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu....

Luật hiện hành tập trung các nội dung hợp tác truyền thống (chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, giáo dục - đào tạo, du lịch), chưa điều chỉnh theo tình hình quốc tế đối với các vấn đề của thời đại. Trên thực tế, trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác đối với từng lĩnh vực cụ thể, các CQĐD đóng vai trò là đầu mối kết nối và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động về xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối doanh nghiệp, chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa và thử nghiệm các sáng kiến đổi mới sáng tạo...

Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới” xác định rõ nhiệm vụ “Chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển quan hệ đối tác đối ngoại nhân dân, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả trong các lĩnh vực”, do đó cần thể chế hóa rõ nét chức năng thúc đẩy giao lưu nhân dân của CQĐD.

Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế đặt ra nhiệm vụ “thúc đẩy các đối tác thực hiện đầy đủ, thiện chí và hiệu quả các cam kết quốc tế, qua đó củng cố quan hệ hợp tác”, các CQĐD cũng cần góp phần thực hiện nhiệm vụ này. Do đó, cần cập nhật những chức năng, nhiệm vụ mới cho CQĐD.

	nhân của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu. 5. Nghiên cứu chính sách, pháp luật và thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực xây dựng và thi hành pháp luật tại quốc gia tiếp nhận.	Bổ sung chức năng chủ động dự báo, cảnh báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp bất lợi mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam theo ý kiến tại Phiên họp của UBTVQH cho ý kiến về dự án Luật, đảm bảo phù hợp với Luật Quản lý ngoại thương.
Điều 8. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự	Điều 8. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự và bảo hộ công dân	
1. Bảo hộ lãnh sự đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự được quy định tại Điều này trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. 4. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hộ chiếu, giấy thông hành và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. 5. Cấp, bổ sung, hủy bỏ thị thực; cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. 13. Thực hiện ủy thác tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	1. Bảo hộ lãnh sự đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự được quy định tại Điều này trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. Chủ động, kịp thời thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền các biện pháp phù hợp để bảo hộ công dân ở nước ngoài trong các vụ việc khẩn cấp, quy mô lớn. 4. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hộ chiếu, giấy thông hành và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. 5. Cấp, bổ sung, hủy bỏ thị thực; cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. 13. Thực hiện một số nhiệm vụ về tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự, dẫn độ, chuyển giao người đang	1. Thể hiện rõ hơn chức năng của CQĐD trong công tác bảo hộ công dân trong các tình huống khẩn cấp, tiếp thu ý kiến tại Phiên họp của UBTVQH cho ý kiến về dự án Luật. 1. Luật CQĐD hiện có một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành: Khoản 4 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp giấy thông hành và các giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 sửa đổi năm 2023 hiện quy định về việc cấp giấy thông hành tại CQĐD đã bị bãi bỏ và thay thế bằng việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn. 2. Khoản 5 Điều 8 quy định CQĐD có thể cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, hủy bỏ thị thực và giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014, sửa đổi năm 2019, 2023 không còn quy định về “bổ sung thị thực”. 3. Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025, Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025, Luật Dẫn độ năm 2025 và Luật Chuyển giao người đang chấp hành

	chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	án phạt tù năm 2025 (thay thế Luật Tương trợ tư pháp năm 2007) không còn sử dụng thuật ngữ “ủy thác tư pháp”. Do đó, cần thay thế cụm từ này bằng cụm từ khác phù hợp.
Điều 9. Hỗ trợ và bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài	Điều 9. Hỗ trợ và bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài	
3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp nhằm duy trì sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước; khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, tham gia hoạt động trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước.	3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chính sách, biện pháp duy trì sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước; khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt , tham gia hoạt động trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước.	Bổ sung chức năng của CQĐD trong việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt do: (i) Bảo tồn tiếng Việt được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo Chỉ thị 45-CT/TW (2015) và Kết luận 12-KL/TW (2021) của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; (ii) Nhu cầu từ thực tế: thế hệ trẻ đồng người Việt Nam ở nước ngoài gia tăng, có nguy cơ xa rời cội nguồn, cần các hoạt động văn hóa - giáo dục để giữ gìn bản sắc dân tộc.
Điều 10. Thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại	Điều 10. Thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại	
1. Chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện của cơ quan, tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và đoàn được cơ quan, tổ chức Việt Nam cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.	1. Chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện của cơ quan, địa phương và tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và đoàn được cơ quan, tổ chức Việt Nam cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.	Bổ sung chức năng của CQĐD về thống nhất quản lý đối ngoại đối với đại diện của địa phương trong bối cảnh thực hiện Điều 14 Nghị quyết số 250/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế theo đó Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thí điểm thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài, tiếp thu ý kiến tại Phiên họp của UBTVQH cho ý kiến về dự án Luật.
Điều 11. Quản lý cán bộ và cơ sở vật chất của cơ quan đại diện	Điều 11. Quản lý cán bộ và cơ sở vật chất của cơ quan đại diện	

	4. Tham gia triển khai chuyển đổi số và thực hiện hành chính số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện sở tại.	Bổ sung chức năng của CQĐD nhằm đảm bảo thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tạo cơ sở để quy định cụ thể về giá trị pháp lý của văn bản điện tử, chữ ký số trong giao dịch của các CQĐD; xây dựng hạ tầng dữ liệu dùng chung cho các CQĐD tại các văn bản của Chính phủ, Bộ trưởng, tiếp thu ý kiến tại Phiên họp của UBTVQH cho ý kiến về dự án Luật.
--	--	--

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, KINH PHÍ VÀ TRỤ SỞ CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Điều 14. Tổ chức bộ máy và biên chế	Điều 14. Tổ chức bộ máy và biên chế	
1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan hữu quan xây dựng đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. 3. Trên cơ sở đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, sau khi trao đổi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng cơ quan đại diện để phụ trách các lĩnh vực sau đây: a) Chính trị; b) Quốc phòng - an ninh;	1. Căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án. 3. Trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, sau khi trao đổi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng lĩnh vực thuộc cơ quan đại diện để phụ trách các lĩnh vực sau đây: a) Chính trị, đối ngoại;	Sửa đổi để làm rõ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án <i>tổng thể</i> về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế áp dụng chung cho tất cả các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài và bổ sung nội dung “căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao” để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền quản lý biên chế nêu tại Quy định số 70, ngày 18/7/2022 Cơ sở đề xuất: - Hiện đang có cách hiểu khác nhau về thẩm quyền quyết định về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của từng CQĐD. Một số bộ, cơ quan hiểu rằng mỗi khi có sự điều chỉnh, thành lập mới các bộ phận trực thuộc CQĐD Việt Nam ở nước ngoài đều phải trình Thủ tướng Chính phủ. Cách hiểu này là chưa chính xác và chưa phù hợp với chủ trương phân cấp trong quản lý hoạt động của CQĐD. Theo khoản 3 Điều 14 của Luật hiện hành, trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và

c) Kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch, lao động, khoa học - công nghệ; d) Văn hóa, thông tin, báo chí và giáo dục - đào tạo; đ) Lãnh sự và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; e) Hành chính, lễ tân, quản trị.	b) Quốc phòng - an ninh; c) Kinh tế, thương mại, tài chính và công nghiệp, đầu tư, du lịch, lao động, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp, môi trường, pháp luật; d) Văn hóa, thông tin, báo chí, giáo dục - đào tạo, y tế; đ) Lãnh sự và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; e) Hành chính, lễ tân, quản trị; g) Các lĩnh vực khác. 4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện.	quan hệ đối ngoại, sau khi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng CQĐD. Trên thực tế, triển khai Luật CQĐD, Bộ Ngoại giao đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 07/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài. Vậy theo Luật CQĐD, trên cơ sở Quyết định số 1029, thẩm quyền quyết định về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của từng CQĐD do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện. - Dự thảo Luật bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại từng thời điểm cụ thể trong trường hợp cần thiết để phù hợp với Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 4/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 7, Điều 1 QĐ số 466/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
Điều 15. Kinh phí	Điều 15. Kinh phí	
1. Nhà nước bảo đảm kinh phí cần thiết để cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	1. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại quy đổi ra đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm kinh phí cần thiết	1. Bổ sung quy định tại khoản 1 do khoản 1 Điều 13 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “<i>Thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam. Trường hợp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo</i>

2. Kinh phí của cơ quan đại diện được cấp từ ngân sách nhà nước và được phân bổ như sau:

a) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện;

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ kinh phí dành cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại theo quy định của Chính phủ;

c) Kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn đặc thù được cấp cho cơ quan hữu quan phụ trách hoạt động đó để phân bổ thực hiện. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

3. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí của cơ quan đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

bằng đô-la Mỹ để cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. . Kinh phí của cơ quan đại diện được cấp từ ngân sách nhà nước và được phân bổ như sau:

a) Kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao và cơ quan có cán bộ biệt phái để phân bổ cho cơ quan đại diện. Kinh phí chi đầu tư phát triển của bộ phận biệt phái do cơ quan có cán bộ biệt phái thực hiện phân bổ;

b) Kinh phí hoạt động thường xuyên được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ kinh phí dành cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại theo quy định của Chính phủ;

c) Kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn đặc thù được cấp cho cơ quan hữu quan phụ trách hoạt động đó để phân bổ thực hiện. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

3. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí của cơ quan đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật. **Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.**

tỷ giá hạch toán do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh". Trong khi đó, các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài hoạt động ở nước ngoài, sử dụng chủ yếu đồng tiền nước sở tại (đồng địa phương) hoặc đồng đô la Mỹ để chi tiêu. Đồng thời, các văn bản chế độ liên quan đến Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài như: (i) Nghị định số 08/2019/NĐ-CP và Nghị định số 51/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được chi trả bằng đô la Mỹ; (ii) Nghị định 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài quy định định mức mua sắm, trang bị bằng đồng đô la Mỹ; (iii) Thông tư 264/2016/TT-BTC và Thông tư 113/2021/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cũng xây dựng định mức thu phí, lệ phí bằng đồng tiền đô la Mỹ. Do đó việc lập dự toán, theo dõi và hạch toán của các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài bằng đô-la Mỹ là phù hợp với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành đối với các Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, tại công văn số 18512/BTC-QLKT ngày 28/11/2025 về việc thực hiện công tác kế toán tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Tài chính đã ghi nhận những khó khăn, bất cập trong tổ chức thực hiện công việc kế toán tại các CQĐD (trong đó có nội dung liên quan đến chưa có các quy định riêng về sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán; đồng tiền hạch toán, sử dụng tỷ giá trong pháp luật về kế toán chưa tính đến đặc thù hoạt động của CQĐD).

2. Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2:

		- Dự thảo Luật sửa cụm từ “đầu tư xây dựng cơ bản” thành “chi đầu tư phát triển” để đúng tên nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025. - Bổ sung quy định kinh phí chi đầu tư phát triển của bộ phận biệt phái do cơ quan có cán bộ biệt phái thực hiện phân bổ để phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị quyết số 250/2025/QH15 (người quyết định đầu tư có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục các công việc tại giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài). 3. Bổ sung quy định tại khoản 3 do hiện nay, việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ quan đại diện chủ yếu thực hiện theo quy định tại Nghị định 117/2017/NĐ-CP ngày 19/10/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại; Thông tư 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, 02 văn nêu trên không quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác tại CQĐD.
Chương IV THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN		
Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên cơ quan đại diện	Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên cơ quan đại diện	

c) Nắm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại; đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên;

c) Nắm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại; đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên **hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên; hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ.**

Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về Kế hoạch xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định nhiệm vụ “Phát triển hệ thống cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại và vai trò, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước theo từng giai đoạn cụ thể; phấn đấu đến năm 2030 có mạng lưới khoảng 115 cơ quan đại diện, tầm nhìn đến năm 2045 có khoảng 150 cơ quan đại diện Việt Nam trên toàn thế giới.” Để có thể hoàn thành nhiệm vụ này, Bộ Ngoại giao cần xây dựng kế hoạch, lộ trình và phương án thực hiện bài bản, khoa học, lớp lang, trong đó, phương án về nguồn nhân lực được xác định là quan trọng nhất để bảo đảm hiệu quả hoạt động của các CQĐD, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đẩy mạnh thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, số lượng các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thời gian qua cũng đã giảm tới 42,5%, từ 40 đơn vị xuống còn 23 đơn vị. Số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ/Cục thuộc Bộ cũng sẽ giảm tương ứng trong thời gian tới nên sẽ không đáp ứng đủ nguồn tiền cử làm Trưởng cơ quan đại diện nói chung và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nói riêng nếu giữ quy định hiện nay (theo đó Đại sứ ĐMTQ phải là cán bộ cấp Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên).

- Với định hướng xây dựng đội ngũ chuyên gia của Đảng (Quy định 180-QĐ/TW ngày 11/7/2024 của Ban Bí thư về chuyên gia cao cấp) và Nhà nước (Nghị quyết số 250/2025/QH15, dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 250), chuyên gia cao cấp và chuyên gia trong lĩnh vực

đối ngoại và hội nhập quốc tế được xác định là những người có năng lực, trình độ, kiến thức và kinh nghiệm nổi trội, đủ khả năng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu CQĐD.

- Theo Pháp lệnh về hàm, cấp ngoại giao năm 1995 và Quy chế phong hàm năm 2018 của Bộ Ngoại giao, người được phong hàm ngoại giao tham tán phải đáp ứng được các tiêu chuẩn tương đối cao về năng lực, trình độ, kinh nghiệm, thâm niên công tác, như: có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm công tác, quản lý trong lĩnh vực đối ngoại; tâm huyết, có trách nhiệm với công việc; tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định, nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng. Người được phong hàm Tham tán phải có thời gian giữ chức Phó vụ trưởng và tương đương ít nhất 02 năm hoặc giữ chức vụ quản lý cấp Phòng và tương đương ít nhất 3 năm. Đối với người không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, phải là chuyên viên chính bậc 3/8 và có thâm niên công tác trong ngành Ngoại giao tối thiểu 08 năm... Với các tiêu chuẩn nêu trên, nhiều người được phong hàm ngoại giao tham tán hoàn toàn đủ điều kiện để được xem xét, tiến cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nếu không bị hạn chế quy định về việc phải là lãnh đạo, quản lý cấp Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên.

Việc mở rộng đối tượng bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền sẽ góp phần tận dụng, khai thác tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao về đối ngoại và hội

		nhập quốc tế, nhất là khi Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 250/2025/QH15 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ cao, chuyên sâu phục vụ yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
Điều 18. Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự	Điều 18. Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự và chức vụ đặc thù tại cơ quan đại diện	
1. Chức vụ ngoại giao bao gồm: a) Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; b) Đại sứ; c) Công sứ; d) Tham tán Công sứ; đ) Tham tán; e) Bí thư thứ nhất; g) Bí thư thứ hai; h) Bí thư thứ ba; i) Tùy viên. 2. Chức vụ lãnh sự bao gồm: a) Tổng Lãnh sự; b) Phó Tổng Lãnh sự; c) Lãnh sự; d) Phó Lãnh sự; đ) Tùy viên lãnh sự.	1. Chức vụ ngoại giao bao gồm: a) Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; b) Đại sứ; c) Công sứ; d) Tham tán Công sứ; đ) Tham tán; e) Bí thư thứ nhất; g) Bí thư thứ hai; h) Bí thư thứ ba; i) Tùy viên. 2. Chức vụ lãnh sự bao gồm: a) Tổng Lãnh sự; b) Phó Tổng Lãnh sự; c) Lãnh sự; d) Phó Lãnh sự; đ) Tùy viên lãnh sự. 3. Chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện bao gồm:	Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến các chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, theo đó bổ sung một số chức vụ ngoại giao đặc thù tại CQĐD bao gồm Tùy viên Quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng, Trợ lý Tùy viên Quốc phòng và chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định.

	a) Tùy viên Quốc phòng; b) Phó Tùy viên Quốc phòng; c) Trợ lý Tùy viên Quốc phòng; d) Chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.	
Điều 21. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đại diện	Điều 21. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đại diện	
	2a. Quyết định việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. 4a. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.	1. Bổ sung quy định ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện và đối tác nước ngoài. Cơ sở đề xuất: Thời gian qua có một số CQĐD phát sinh nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, Luật CQĐD và Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 không quy định việc ký thỏa thuận hợp tác của CQĐD. CQĐD khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình được tiếp xúc, trao đổi và có thể ký kết các văn bản hợp tác đơn giản, không mang tính ràng buộc nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn phụ trách, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trên thực tế, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam đã ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan, địa phương Việt Nam. Các thỏa thuận quốc tế này nhìn chung đều được thực hiện thực chất và mang lại hiệu quả.

		2. Bổ sung quy định về tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật Cơ sở đề xuất: thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính. Hiện chưa có hệ thống dữ liệu dùng chung giữa Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương và CQDD.
Điều 26. Chế độ dành cho thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện	Điều 26. Chế độ dành cho thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện	
1. Thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện được hưởng: a) Chế độ lương, phụ cấp, trợ cấp; chế độ nhà ở; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ nghỉ hàng năm theo quy định của pháp luật; b) Trợ cấp trong trường hợp bị thương hoặc chết; c) Trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn. d) Bảo đảm chi phí đi lại trong trường hợp cha, mẹ hoặc cha, mẹ của vợ (chồng) hoặc vợ,	1. Thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện được hưởng: a) Chế độ lương, phụ cấp, trợ cấp; chế độ nhà ở; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ nghỉ hàng năm theo quy định của pháp luật; b) Trợ cấp trong trường hợp bị thương hoặc chết; c) Trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn. Trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội	1. Bổ sung quy định trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện và phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm do thực tế một số địa bàn tại Châu Phi có diễn biến tình hình dịch bệnh nghiêm trọng, năng lực y tế tại sở tại không đáp ứng nên việc chữa bệnh gặp nhiều khó khăn và rất tốn kém; nhiều trường hợp phải về nước hoặc sang nước thứ ba chữa bệnh; một số địa bàn quy mô CQDD nhỏ, biên chế mỏng nhưng kiêm nhiệm nhiều địa bàn. Tuy nhiên, chưa có chế độ đặc thù đối với thành viên CQDD tại các địa bàn này. Đánh giá tác động ngân sách: Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023, 2024, ước thực hiện năm 2025, dự kiến chi phụ cấp kiêm nhiệm hằng năm là 36 tỷ đồng, tác động tăng chi ngân sách nhà nước hàng năm của chính sách là 32,2 tỷ đồng.

chồng, con của thành viên cơ quan đại diện chết. 3. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ một phần học phí tại quốc gia tiếp nhận và chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh.	chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. d) Bảo đảm chi phí đi lại trong trường hợp cha, mẹ hoặc cha, mẹ của vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con của thành viên cơ quan đại diện chết. 1a. Ngoài các chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên cơ quan đại diện được hưởng phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm (nếu có). 3. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ một phần học phí tại quốc gia tiếp nhận và bảo đảm chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh, chế độ vé máy bay tương tự như đối với phu nhân/phu quân thành viên cơ quan đại diện, trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện; được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở.	2. Bổ sung quy định cho phép con chưa thành niên đi theo thành viên CQĐD được hỗ trợ học phí tại quốc gia tiếp nhận tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở và chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh; được hưởng chế độ vé máy bay tương tự như đối với Phu nhân/phu quân, trợ cấp chi phí đi lại, điều trị tại Việt Nam hoặc nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc trường hợp nội chiến gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. Cơ sở đề xuất: (i) Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nêu chính sách miễn học phí đến hết bậc THPT công lập; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân định hướng miễn viện phí toàn dân ở trong nước. (ii) Mức hỗ trợ học phí hiện tại chưa tương xứng với mặt bằng chung tại đa số các địa bàn, đặc biệt ở các nước phát triển hoặc địa bàn tiếng hiếm, trẻ em phải chuyển sang học trường quốc tế/tư thục để được học ngoại ngữ thông dụng với mức chi phí cao. Pháp luật về cơ quan đại diện chưa có quy định hỗ trợ mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh cho con chưa thành niên của thành viên CQĐD. (iii) Con chưa thành niên là đối tượng phụ thuộc, phần lớn phải đi theo bố mẹ đi công tác nhiệm kỳ. Mặc dù chế độ học phí, bảo hiểm đối với con chưa thành niên đã được cải thiện nhưng việc trang trải tiền vé máy bay, cân cước nhiệm kỳ cho con chưa thành niên phần nào tạo áp lực tài chính đối với Thành viên cơ quan đại diện. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ các chế độ cho con chưa thành niên cũng thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với đời sống của Thành viên cơ quan đại diện và thân nhân đi theo.
---	---	--

		Đánh giá tác động ngân sách: Quy định về mức học phí tối đa cho con chưa thành niên của Thành viên cơ quan đại diện tăng khi mức sinh hoạt phí cơ sở thay đổi theo quy định tại Nghị định số 51/2024/NĐ-CP, do vậy Bộ Ngoại giao tạm căn cứ ước thực hiện năm 2025 làm cơ sở đánh giá tác động. Trên cơ sở 55 cơ quan đại diện cung cấp thông tin, đối với các cơ quan đại diện chưa cung cấp thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, Bộ Ngoại giao tạm tính mức học phí hằng tháng bình quân của một số địa bàn trong khu vực (chi tiết tại biểu kèm theo). Tác động tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm là 4.561.400 USD tương đương 114,57 tỷ đồng. Chi vé máy bay nhiệm kỳ của con chưa thành niên: Trên cơ sở số liệu quyết toán năm 2023, 2024, ước thực hiện năm 2025, trung bình hằng năm tiền vé máy bay nhiệm kỳ của Thành viên CQĐD, Phu nhân/Phu quân đi theo là 17 tỷ đồng (chiều từ Việt Nam đến sở tại khi bắt đầu nhiệm kỳ) và 629.087 USD tương đương 15,8 tỷ đồng (chiều từ sở tại về Việt Nam khi kết thúc nhiệm kỳ). Giả sử mỗi Thành viên CQĐD đều có Phu nhân/Phu quân đi cùng, có 02 con chưa thành niên đi theo thì tác động tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm của chính sách là 32,8 tỷ đồng.
Điều 28. Lãnh sự danh dự	Bãi bỏ Điều 28.	Bãi bỏ do đã sửa đổi Điều 1 Luật theo hướng Luật không quy định về Lãnh sự danh dự và CQĐD lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu.
Chương V CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN		

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Điều 32. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	
4. Thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và thành viên cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật. 6. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử và triệu hồi Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế. Quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền trong thời gian không quá 03 tháng; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền trên 03 tháng trong trường hợp cần thiết do yêu cầu đối ngoại và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. 7. Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện, trừ trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều này. Bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với Lãnh sự danh dự. 8. Tổ chức và chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức có liên quan ở trong nước và nước ngoài.	4. Thống nhất chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và thành viên cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật. 6. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử và triệu hồi Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế. Quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền căn cứ bối cảnh, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại tại địa bàn và báo cáo Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. 6a. Trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý, chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết. 7. Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện, trừ trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều này. Bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với Lãnh sự danh dự. 8. Tổ chức và chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức có liên quan ở trong nước và nước ngoài.	1. Bỏ từ “thanh tra” tại khoản 4 Điều 32 Luật năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định 217/2025/NĐ-CP. 2. Bổ sung quy định thẩm quyền quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2017 do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện. Cơ sở đề xuất: Nội dung phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định về việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam ở nước ngoài đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại. Tuy nhiên, Nghị định số 134/2025/NĐ-CP chỉ có hiệu lực đến ngày 01 tháng 3 năm 2027, do đó, việc bổ sung các nội dung về phân quyền đối với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tại Luật sửa đổi, bổ sung sẽ là căn cứ pháp lý cao nhất, có tính bền vững, bảo đảm việc triển khai công tác đối ngoại kịp thời và hiệu quả hơn. 3. Bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm theo quy định nếu cần thiết.

	8a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với nước tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện phù hợp với đặc thù về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện. Quy định này nhằm tăng tính chủ động cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong việc quản lý CQĐD hoặc xử lý vấn đề đối ngoại, theo đó, trong trường hợp cần thiết, việc yêu cầu người đứng đầu CQĐD về nước được xử lý nhanh chóng, kịp thời. Sau đó, nếu cần thiết, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu CQĐD. 4. Bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Cơ sở đề xuất: Luật CQĐD chưa có quy định về việc cơ quan nào có thẩm quyền quyết định xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện Lãnh sự. Thời gian vừa qua, khi xử lý thành lập cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại Trùng Khánh, Busan, Chính phủ phải ban hành Nghị quyết để điều chỉnh khu vực lãnh sự. 5. Bỏ thẩm quyền bổ nhiệm, chấm dứt hoạt động đối với Lãnh sự danh dự do đã sửa đổi Điều 1 Luật theo hướng Luật không quy định về Lãnh sự danh dự và CQĐD lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu. 6. Bổ sung thẩm quyền ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại CQĐD do: CQĐD thực hiện chức năng đại diện chính thức của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng có quy mô, bộ máy thu nhỏ, không nhất thiết phải có “cấp trung gian” như cấp vụ, cấp phòng trong CQĐD; tuy nhiên cán bộ ngoại giao, lãnh sự vẫn cần có thẩm quyền đầy
--	--

		đủ để thực hiện chức trách của mình. Cán bộ ngoại giao, lãnh sự ký giấy tờ lãnh sự với chức vụ ngoại giao, lãnh sự tại CQĐD; không phải với tư cách lãnh đạo Phòng/bộ phận thuộc CQĐD. Cơ cấu tổ chức, thẩm quyền ký giấy tờ tại CQĐD có sự đặc thù nhất định và việc này cũng là thực tiễn chung của CQĐD của các nước trên thế giới.
Điều 33. Phối hợp công tác giữa cơ quan, tổ chức Việt Nam và cơ quan đại diện	Điều 33. Phối hợp công tác giữa cơ quan, tổ chức Việt Nam và cơ quan đại diện	
1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm: a) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động đối ngoại của cơ quan đại diện; b) Thông báo kịp thời cho cơ quan đại diện dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; c) Phối hợp với cơ quan đại diện tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại của cơ quan, tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận;	1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm: a) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động đối ngoại của cơ quan đại diện; b) Thông báo cho cơ quan đại diện dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận trước ít nhất 07 ngày làm việc; trường hợp đề nghị cơ quan đại diện hỗ trợ cần gửi đề nghị trước ít nhất 30 ngày trước khi hoạt động đối ngoại diễn ra; c) Phối hợp với cơ quan đại diện tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại của cơ quan, tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận;	Bổ sung quy định cụ thể hơn về cơ chế phối hợp giữa cơ quan, tổ chức Việt Nam và CQĐD. Cơ sở đề xuất: (i) Cơ chế phối hợp công tác giữa CQĐD và các bộ, ngành, địa phương còn chưa thống suốt, thiếu chủ động và còn phụ thuộc do Luật chưa quy định rõ mối quan hệ giữa các Bộ, ngành, địa phương với cơ quan đại diện. Luật CQĐD quy định các cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của CQĐD (Điều 33). Thực tế có trường hợp các Bộ chuyên ngành đề nghị Đại sứ thay mặt tham dự các hoạt động của tổ chức quốc tế trong lĩnh vực chuyên ngành mà Bộ đó phụ trách. Luật không quy định Bộ chuyên ngành có thể trực tiếp đề nghị CQĐD dự thay hay phải thông qua Bộ Ngoại giao chỉ đạo CQĐD dẫn đến thực tiễn triển khai không thống nhất. Thực tế vẫn xảy ra trường hợp các đoàn công tác trong nước không thông báo cho CQĐD khi đến địa bàn; yêu cầu phối hợp thu xếp đoàn đến sở tại gấp, thu xếp hoạt động không thông qua đầu mối chính thức (doanh nghiệp sở tại, công ty du lịch), chỉ đề nghị CQĐD hỗ trợ khi không bố trí được làm việc với chính quyền sở tại thời gian phối hợp giải quyết công việc, xác minh thông tin vượt quá quy định

		... gây khó khăn cho xử lý công việc và phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại của CQĐD.
Điều 35. Phối hợp công tác giữa cơ quan có cán bộ biệt phái và cơ quan đại diện	Điều 35. Phối hợp công tác giữa cơ quan có cán bộ biệt phái và cơ quan đại diện	
1. Cơ quan có cán bộ biệt phái phối hợp với cơ quan đại diện trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan đại diện đối với lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ biệt phái thông qua người đứng đầu cơ quan đại diện, trừ trường hợp đặc biệt. 2. Cơ quan đại diện phối hợp với cơ quan có cán bộ biệt phái chỉ đạo, quản lý công tác của cán bộ biệt phái và đánh giá về việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ biệt phái	1. Cơ quan có cán bộ biệt phái phối hợp với cơ quan đại diện trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan đại diện đối với lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ biệt phái thông qua người đứng đầu cơ quan đại diện, trừ trường hợp đặc biệt. 2. Cơ quan đại diện phối hợp với cơ quan có cán bộ biệt phái chỉ đạo, quản lý công tác của cán bộ biệt phái và đánh giá về việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ biệt phái 3. Các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc cơ quan đại diện báo cáo người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ về kết quả hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ cụ thể do cơ quan đại diện giao hoặc theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan đại diện.	Bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác của các cơ quan bên cạnh CQĐD về các lĩnh vực phụ trách do pháp luật hiện hành chưa có quy định về cơ chế phối hợp, thông tin, báo cáo giữa Trưởng CQĐD và người đứng đầu các cơ quan Việt Nam khác tại nước ngoài (Văn phòng Tùy viên Quốc phòng, Thương vụ, Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam...). Việc bổ sung quy định này góp phần đảm bảo thực hiện chức năng thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của CQĐD.
	Khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15)	
11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên trở lên, Tùy viên Quốc	11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự, chức vụ	Bổ sung thêm đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao là người giữ chức vụ ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật CQĐD do dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 18

phòng và Phó Tùy viên Quốc phòng tại cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.	ngoại giao đặc thù theo quy định của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.	Luật CQĐD hiện hành theo hướng bổ sung thêm quy định về chức vụ ngoại giao đặc thù.
---	--	---

